

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
CAO SU ĐẮC LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DRI

Số: 22./CV-HĐQT

Buôn Ma Thuột, ngày 12 tháng 4 năm 2022

“ V/v đính chính sai sót tại trang 59
Báo cáo thường niên 2021 ”

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Căn cứ Giấy Chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 6001271719 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Tỉnh Đắk Lắk cấp cho Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk ngày 24 tháng 2 năm 2012;

Căn cứ Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán,

Ngày 05/04/2022, Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk (DRI) thực hiện công bố Báo cáo thường niên 2021 trên trang điện tử của Ủy ban chứng khoán NN, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, trang thông tin điện tử của DRI, tuy nhiên sau khi công bố thông tin thì phát hiện có sai sót tại nội dung Giải trình của Ban giám đốc về ý kiến kiểm toán – trang 59 – Báo cáo thường niên 2021.

Vậy Công ty làm công văn này xin điều chỉnh lại trang số 59 – Báo cáo thường niên 2021 và công bố lại toàn văn Báo cáo thường niên 2021 nói trên. Cụ thể:

* Nội dung trước khi điều chỉnh: Giải trình của Ban giám đốc về ý kiến kiểm toán có nêu **Vấn đề cần nhấn mạnh:** Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất .

* Nội dung điều chỉnh: **Bỏ “Vấn đề cần nhấn mạnh:** Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất”. Chỉ nêu **“Ý kiến của Kiểm toán:** Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.”

Công ty cũng đã thực hiện đăng lại Báo cáo thường niên và nêu lý do đính chính trên trang thông tin điện tử và fanpage của Công ty.

Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk (DRI) rất mong UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp thuận.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Thail
Nơi gửi:

- Như trên;
- Lưu VT.



Nguyễn Việt Lượng

Hướng đến “Phát triển bền vững”

DRI



Địa chỉ: 59 Cao Thắng, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk



Số điện thoại: (0262) 3867 676



Số fax: (0262) 3865 303



Website: dri.com.vn

2021

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

DRI

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



Kính thưa quý vị,

Thế giới vừa trải qua 2 năm bao phủ bởi bóng đen của đại dịch Covid-19, dịch bệnh bùng phát kéo dài với nhiều biến thể khác nhau đã khiến tăng trưởng của các nước suy giảm mạnh, buộc phải dùng tới đa các gói hỗ trợ để kích thích nền kinh tế. Hiệu quả của các nỗ lực này được thể hiện khi năm 2021 nền kinh tế đã tăng trưởng lại so với năm 2020.

Việt Nam chúng ta với làn sóng Covid-19 lần thứ 4 bùng phát mạnh, buộc phải thu hẹp sản xuất nhiều nơi, kết quả tăng trưởng kinh tế chỉ đạt 2,58% thấp hơn năm 2020. Tuy nhiên với chính sách ngoại giao covid tích cực của chính phủ cùng với nỗ lực phủ vaccin toàn dân, đến nay mặc dù dịch bệnh vẫn còn tiếp diễn, nhưng tỷ lệ bệnh nặng chiếm tỷ lệ nhỏ, chúng ta bước vào giai đoạn sống chung với covid để phát triển kinh tế.

Năm 2021, là năm kết thúc của nhiệm kỳ 2 (2017-2022) của DRI, với không ít những khó khăn, thách thức nhưng cũng là năm đánh dấu sự trở lại của ngành cao su với kim ngạch xuất khẩu đạt 3 tỷ USD, cao nhất trong vòng 10 năm qua, DRI của chúng ta cũng đạt mốc tỷ lệ xuất khẩu trên 65% tổng lượng mủ tiêu thụ và là năm thứ 3 liên tiếp nằm trong top 50 Doanh nghiệp có kim ngạch xuất khẩu cao su cao nhất Việt Nam theo số liệu của Tổng cục Hải quan. Mặc dù sản lượng khai thác không đạt kế hoạch đề ra, nhưng lợi nhuận trước thuế đã vượt 91,85% so với kế hoạch và đạt 342,13% so với cùng kỳ, nhiều chủ trương lớn của Hội đồng Quản trị (HĐQT) và Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) đang được tích cực triển khai. Thành quả này, có được là nhờ sự nỗ lực của tập thể cán bộ công nhân viên DRI, đặc biệt là đội ngũ cán bộ công nhân viên làm việc tại nước bạn Lào (Daklaoruco) trong đó có những người đã 2 năm chưa được về Việt Nam thăm nhà, do tình hình dịch Covid-19. Thay mặt HĐQT, tôi vô cùng cảm kích và gửi lời cảm ơn đến tất cả đội ngũ cán bộ công nhân viên (CBCNV) DRI, nhất là người lao động của Daklaoruco đã không quản ngại khó khăn đóng góp vào kết quả chung của Công ty trong năm qua.

Năm 2022, là năm đầu tiên của nhiệm kỳ 3 (2022-2027), dự báo vẫn còn những khó khăn nhưng với những thành quả, tiền đề của nhiệm kỳ trước, cùng với dự báo về triển vọng của ngành cao su đang phục hồi tốt, nhu cầu và giá cao su vẫn giữ ở mức cao ổn định trong nhiều năm tới. Với sự đoàn kết, nỗ lực của đội ngũ CBCNV DRI, HĐQT nhiệm kỳ mới sẽ tiếp tục kế thừa những tôn chỉ và thành quả của nhiệm kỳ trước, để lãnh đạo DRI theo hướng phát triển bền vững, có trách nhiệm với môi trường và xã hội, mang lại lợi ích bền vững cho cổ đông và các bên liên quan. Chúng ta đã và đang chuẩn bị đầy đủ hành trang để bước vào giai đoạn cạnh tranh hàng hóa không chỉ bằng lợi thế giá, chất lượng mà còn phải tuân thủ thị trường trong cả ba lĩnh vực kinh tế, môi trường và xã hội. Đây sẽ là hướng đi trong tương lai mà các doanh nghiệp cần phải chuẩn bị sẵn sàng để thích ứng kịp thời và hiệu quả.

Thay mặt Ban lãnh đạo Công ty, tôi gửi lời cảm ơn đến tất cả các cổ đông, CBCNV DRI, các đối tác đã đồng hành cùng DRI trong thời gian qua và hy vọng quý vị sẽ tiếp tục đồng hành cùng chúng tôi để đưa DRI tiếp tục phát triển.

Chúc quý vị luôn mạnh khỏe, hạnh phúc và thành công!

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Viết Tượng



MỤC LỤC

THÔNG TIN CHUNG 01

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 02

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC 03

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 04

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 05

BÁO CÁO QUẢN TRỊ 06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2021 07



01 THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành và phát triển

Những thành tích đạt được trong năm 2021

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Mô hình quản trị tổ chức kinh doanh và bộ máy

Định hướng phát triển

Các yếu tố rủi ro





DRI

DRI

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮC LẮK

Tên giao dịch	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Cao Su Đắk Lắk.
Tên tiếng Anh	Daklak Rubber Investment Joint Stock Company
Giấy chứng nhận ĐKDN số	6001271719 đăng ký lần đầu ngày 24/02/2012, thay đổi lần thứ 8 ngày 29/04/2021
Vốn điều lệ	tại ngày 31/12/2021: 732.000.000.000 đồng
Địa chỉ	59 Cao Thắng, Phường An Tân, TP.Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk



Số điện thoại (0262) 3867 676
Số fax (0262) 3865 303
Website www.dri.com.vn
Email dri@dri.com.vn
Mã cổ phiếu DRI

Logo công ty

DRI



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

2013

Công ty xây dựng phương án phát hành tăng vốn điều lệ thông qua việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu nhằm bổ sung vốn lưu động cho các dự án trồng mới cao su, mở rộng và nâng cấp nhà máy chế biến mủ cao su.

2015

80% diện tích vườn cây cao su đã đưa vào khai thác với doanh thu đạt hơn 400 tỷ đồng và nhân sự đến hơn 2.400 người.

2012

Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Cao Su Đắk Lắk được thành lập theo giấy phép hoạt động số 6001/271719 do Sở kế hoạch và đầu tư Đắk Lắk cấp ngày 24/2/2012. Đến nay công ty đã 8 lần thay đổi giấy phép hoạt động. Công ty được thành lập theo đề án cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước của Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk với vốn điều lệ là 500.000.000.000 VNĐ nhằm quản lý dự án đầu tư cây cao su và các cây công nghiệp khác tại các tỉnh Nam Lào.

2014

Công ty hoàn thành việc tăng vốn lên thành 732.000.000.000 VNĐ..

2016

Công ty được UBCKNN chấp thuận là Công ty đại chúng

2017

Thực hiện giao dịch cổ phiếu trên sàn UpCom vào ngày 23/5/2017

2019

Dự án Nông nghiệp công nghệ cao đã cho doanh thu. Nộp hồ sơ xin niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Tiếp tục lộ trình xây dựng Công ty theo hướng Phát triển bền vững trên nền tảng: Hiệu quả về kinh tế - Trách nhiệm xã hội - Bảo vệ môi trường.

2021

Tỷ lệ xuất khẩu tiếp tục được cải thiện, đạt 65,59% tổng lượng hàng xuất bán, trong đó tỷ lệ bán hàng CV 50,60 chiếm 21,8% trên tổng lượng hàng xuất khẩu và là doanh nghiệp xếp hạng thứ 35 trong “Top 50 doanh nghiệp xuất khẩu Cao su tự nhiên dẫn đầu trong năm 2021 theo kim ngạch” do Hiệp hội cao su Việt Nam tổng hợp, với các thị trường chủ yếu: Đài Loan, Ấn Độ, Mỹ và Châu Âu.

2018

Nâng cấp dây chuyền chế biến mũ cao su nâng công suất lên 18.000 tấn/năm. Triển khai dự án nông nghiệp ứng dụng CNC tại Xã CuKpo, huyện Krong Buk- Tỉnh Đak Lak

2020

Thị trường xuất khẩu ổn định với tỷ lệ mũ cao su xuất khẩu 62,88% tổng sản lượng mũ xuất bán, năm thứ hai liên tiếp là 01 trong 50 doanh nghiệp xuất khẩu cao su hàng đầu Việt Nam, tính theo kim ngạch xuất khẩu

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH



Ngành nghề kinh doanh:

- Trồng cây cao su.
- Chăm sóc, khai thác, chế biến và tiêu thụ cao su thiên nhiên.
- Bán buôn mủ cao su và nông sản; Bán buôn cây giống cao su và cây công nghiệp khác.
- Trồng, chăm sóc, thu hoạch, sơ chế và tiêu thụ sản phẩm trái cây.

CÁC SẢN PHẨM TIÊU BIỂU: SVR 3L, SVR CV60, SVR CV50, SVR10, SVR 20, hạt điều, chuối quả bán nội địa và xuất khẩu.



SVR 3L



SVR 10



SVR CV50

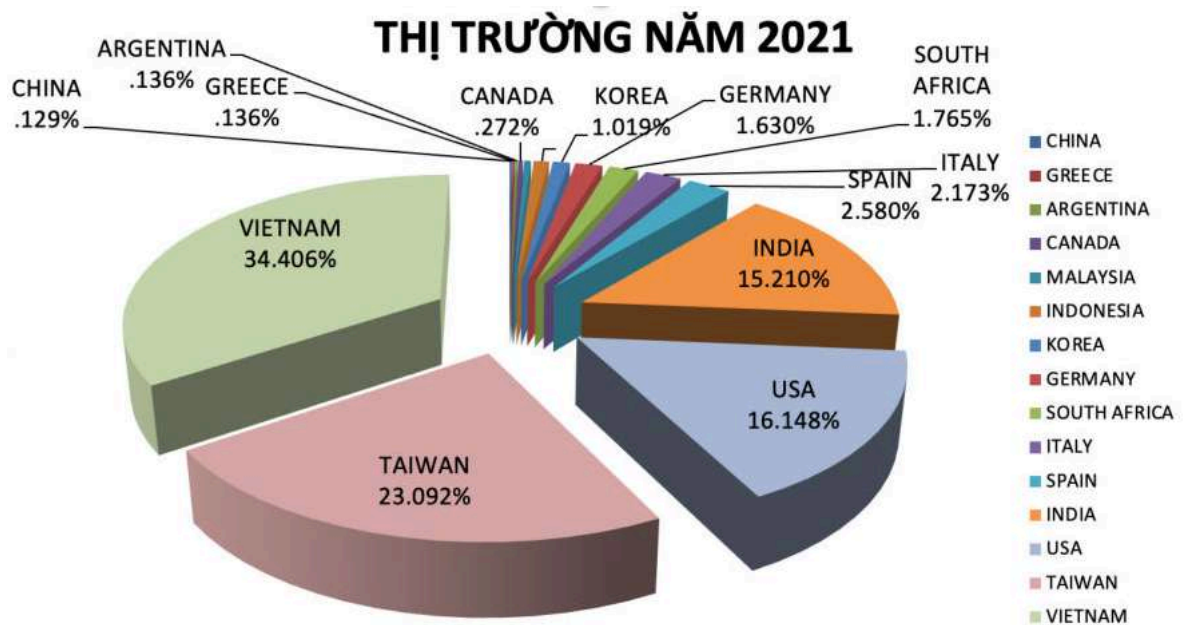


SVR CV60

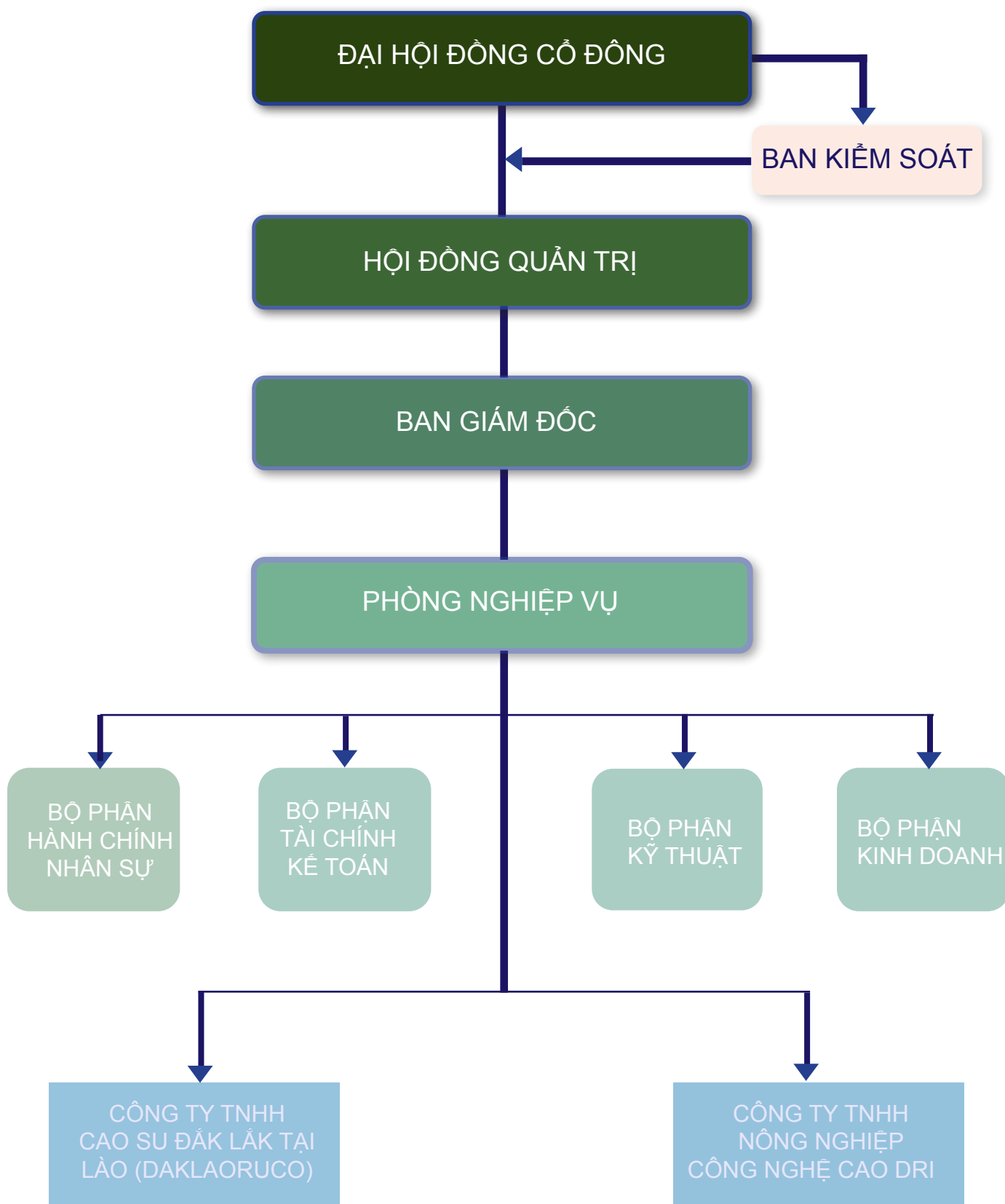


Địa bàn kinh doanh:

- Vườn cao su được trồng tại 2 tỉnh ChămPaSăk và Salavan tại nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào
- Sản phẩm được xuất bán đi các nước Mỹ, Đức, Tây Ban Nha, Bỉ, Ấn độ, Hàn quốc, Malaysia, Singapore, Đài loan, ...



THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY



MỘT SỐ THÀNH TÍCH DRI ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2021

- Năm thứ 3 liên tiếp DRI được vinh danh là 1 trong 50 doanh nghiệp xuất khẩu cao su dẫn đầu năm 2021 tính theo kim ngạch xuất khẩu theo Số liệu của Tổng cục Hải Quan. (Xếp thứ 35/50 - Trang 10 Thông tin chuyên đề Cao su số 01/2022).
- Năm 2021, DRI được tặng Giấy khen của Giám đốc BHXH tỉnh Đắk Lắk cho Tập thể công ty DRI và 1 cá nhân làm công tác BHXH “Đã có thành tích trong tuyên truyền, phối hợp thực hiện tốt chế độ, chính sách BHXH, BHYT năm 2021”.



CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty con:



- Công ty TNHH cao su Đắk Lắk (Daklaoruco)
+ Vốn điều lệ: 25.000.000 USD
+ Tỷ lệ sở hữu: 100%

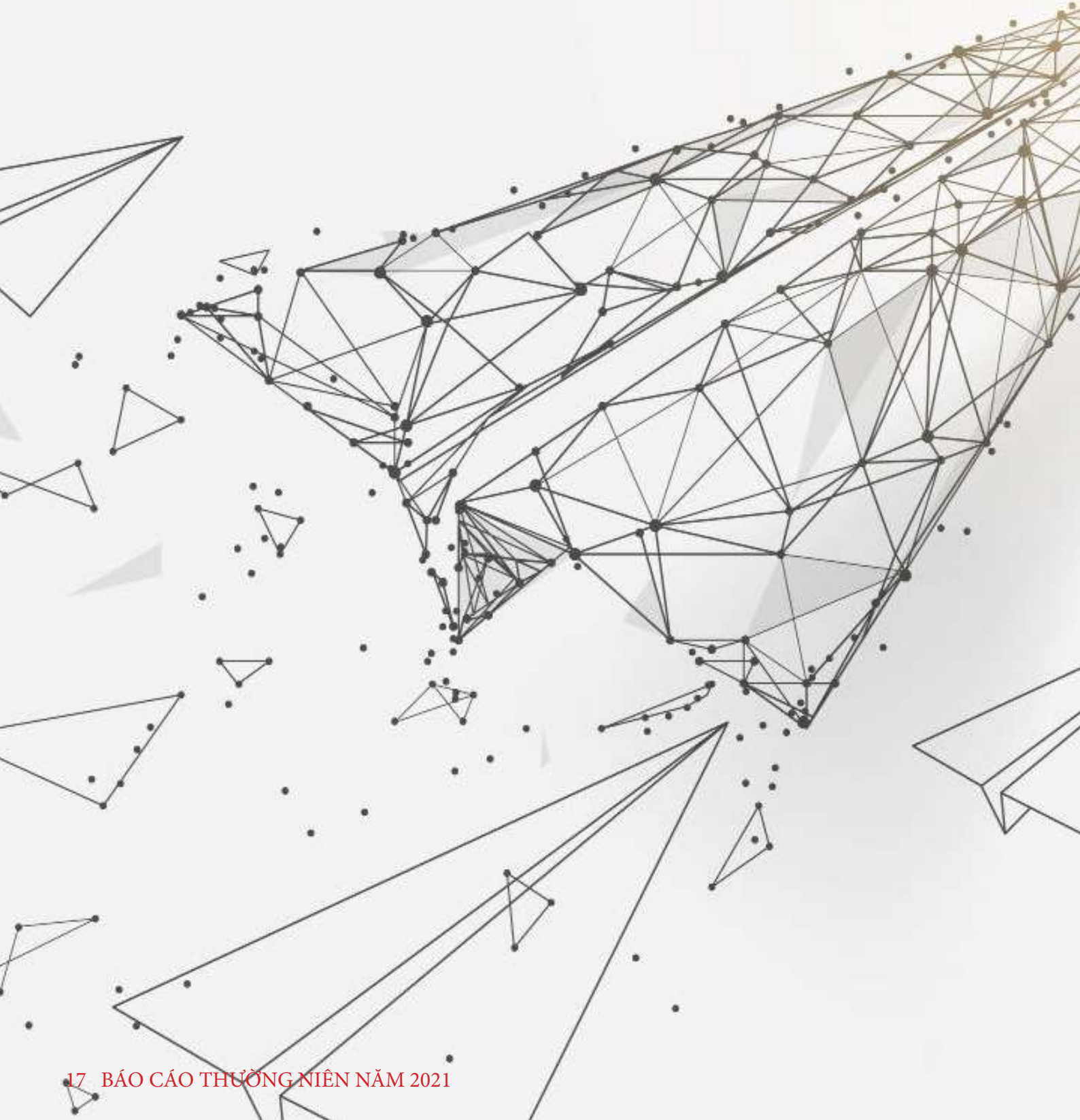
DRI

- Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao DRI
+ Vốn điều lệ : 26.000.000.000 VNĐ (Hai mươi sáu tỷ đồng)
+ Tỷ lệ sở hữu : 80,77%

Công ty liên kết: Không có

DRI

Hướng đến “Phát triển bền vững”



Tầm nhìn



Đến năm 2030 là một Công ty có danh tiếng trong ngành cao su Đông Nam Á. Đến năm 2025 sẽ hoàn thành việc cấp chứng chỉ FSC-FM cho sản phẩm gỗ, mủ cao su; FSC-CoC cho Nhà máy Chế biến mủ Daklaoruco và lĩnh vực thương mại của DRI; định hình kinh doanh một số cây trồng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đạt tiêu chuẩn VietGap hoặc GlobalGap.

Sứ mệnh



Phát triển bền vững: Hiệu quả về kinh tế - Bảo vệ môi trường – Trách nhiệm xã hội

Giá trị cốt lõi



- Bảo toàn và phát triển nguồn vốn của cổ đông
- Tạo việc làm và nâng cao đời sống cho người lao động

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Kiên định với mục tiêu Phát triển bền vững, hài hòa lợi ích của các bên liên quan, đảm bảo các yếu tố: **Hiệu quả về kinh tế - Bảo vệ môi trường – Trách nhiệm xã hội.**
- Đảm bảo năng suất tối ưu; Đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm, bảo đảm tính ổn định và đồng đều của sản phẩm; sản xuất những sản phẩm chất lượng có giá trị gia tăng cao, đáp ứng nhu cầu thị trường; Không ngừng quảng bá hình ảnh, sản phẩm, thương hiệu Công ty với khách hàng trong và ngoài nước thông qua việc thiết lập mối quan hệ hợp tác với các tham tán thương mại; tham gia các chương trình xúc tiến thương mại và hội thảo trong và ngoài nước nâng cao tỷ lệ xuất khẩu.
- Tuân thủ nghiêm các quy định pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Xây dựng bộ máy quản lý gọn nhẹ, linh hoạt, trình độ quản lý, chuyên môn nghiệp vụ tốt.
- Củng cố thâm canh vườn cây, kiểm soát việc tuân thủ các quy trình kỹ thuật, áp dụng những tiến bộ KHKT, phương pháp quản lý hiệu quả vào sản xuất nhằm đảm bảo sự sinh trưởng phát triển của vườn cây, duy trì năng suất cao ổn định.
- Làm tốt công tác quản trị chi phí, giá thành, luôn duy trì giá thành mủ cao su, hạt điều, chuỗi tươi ở mức hợp lý, nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty, lợi ích cho các cổ đông.



Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Quản lý tốt các dự án phát triển cao su tại các tỉnh Nam Lào; xây dựng và thực hiện lộ trình khai thác vườn cây và trồng tái canh vườn cây cao su chu kỳ thứ hai, phù hợp với hợp đồng tô nhượng đất và chất lượng vườn cây; đầu tư chế biến, xuất khẩu gỗ cao su từ vườn cây thanh lý.
- Phát triển thêm các dự án trong nước về sản xuất Nông nghiệp ứng dụng Công nghệ cao như sản xuất các loại trái cây đạt tiêu chuẩn Viet-Gap hoặc GlobalGap, phục vụ cho xuất khẩu và tiêu thụ nội địa.
- Xây dựng hệ thống nền tảng vững chắc nhằm phát triển các sản phẩm mang thương hiệu riêng của Công ty, mở rộng thị trường xuất khẩu.
- Xây dựng nền văn hóa doanh nghiệp mang bản sắc riêng, tạo sự kết nối chặt chẽ giữa Ban lãnh đạo và các thành viên khác trong Công ty.
- Xây dựng và triển khai Lộ trình Phát triển cao su bền vững, thân thiện với môi trường, cộng đồng, phấn đấu đến năm 2025 sẽ hoàn thành việc cấp chứng chỉ FSC-FM cho sản phẩm gỗ, mủ cao su; FSC-CoC cho Nhà máy Chế biến mủ Daklaoruco và lĩnh vực thương mại của DRI. Mang lại lợi ích bền vững cho Công ty và các bên liên quan.

Các mục tiêu đối với môi trường và xã hội

Môi trường:

- Hoạt động kinh doanh gắn liền với bảo vệ môi trường, tạo sinh kế ổn định cho dân cư trong vùng dự án, thay đổi tập quán canh tác, bỏ được tập tục du canh, du cư của người dân tại Champasak, Salavan - Lào và tạo sinh kế cho người dân huyện Krông Buk, Đắk Lắk - Việt Nam.
- Thực hiện các biện pháp hạn chế và giảm thiểu tác động tiêu cực tới môi trường; Trong hoạt động sản xuất của doanh nghiệp tuân thủ các quy định về môi trường tại nước sở tại.
- Xây dựng kế hoạch phát triển bền vững với mục tiêu năm 2025 sẽ hoàn thành việc cấp chứng chỉ FSC-FM cho sản phẩm gỗ, mủ cao su; FSC-CoC cho Nhà máy Chế biến mủ Daklaoruco và lĩnh vực thương mại của DRI.
- Năm 2019 đầu tư hệ thống nước thải tại nhà máy chế biến, thuê tư vấn xây dựng hệ thống quản lý môi trường tại Daklaoruco theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015, năm 2022 phấn đấu đạt được chứng chỉ quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015.
- Tiếp tục phát triển các dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại Đắk Lắk, Việt Nam theo hướng tăng hệ số sử dụng đất, sử dụng nước tiết kiệm, áp dụng công nghệ sinh học, giảm thiểu việc gây ô nhiễm môi trường...

Xã hội và cộng đồng:

- Tạo việc làm cho hàng ngàn người lao động tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, tại mỗi Nông trường cao su Công ty đều xây dựng trạm Y tế để khám chữa bệnh cho công nhân và nhân dân trong vùng dự án, hỗ trợ công tác phòng chống dịch Covid, hỗ trợ xây hàng rào cho văn phòng y tế và bệnh viện Huyện BaChiang, Tỉnh Champasak; Tu sửa trường học, mua gạo ỗ trợ công nhân khai thác bị lũ lụt, tham gia hiến máu nhân đạo,... Tổng chi phí hỗ trợ địa phương năm 2021 tại Lào và DRI hơn 470 triệu đồng.
- Phát triển các dự án về nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại Đắk Lắk, Việt Nam nhằm tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập cho người dân tại vùng dự án, đưa công nghệ mới vào sản xuất, nhằm thúc đẩy ứng dụng công nghệ cao tại các địa phương nơi sản xuất.
- Trong hoạt động sản xuất kinh doanh tuân thủ Luật pháp, nộp ngân sách đầy đủ cho nhà nước Lào và Việt Nam, trong đầu tư tại nước ngoài tuân thủ tốt các quy định theo Luật pháp của nước bạn, không vi phạm các quy định của công ước quốc tế về lao động, về quyền của người bản địa trên địa bàn hoạt động, thực hiện tốt các quy định trong Hiệp định ký kết giữa hai bên;
- Luôn nghiên cứu cải thiện môi trường làm việc cho người lao động, đảm bảo sự an toàn, giảm lao động nặng nhọc, độc hại.

CÁC YẾU TỐ RỦI RO

RỦI RO KINH TẾ

Lạm phát, giá dầu tăng, chính sách thắt chặt tiền tệ của các nước làm tăng chi phí đầu vào và chi phí logistic, nếu mức tăng chi phí cao hơn mức tăng của giá bán cao su sẽ bào mòn lợi nhuận của DN; Tình hình địa chính trị, cuộc chiến Nga-Ucraina làm chi phí nguyên vật liệu tăng, nhất là dầu, phân bón; đứt gãy chuỗi cung ứng; dịch Covid -19 chưa chấm dứt hoàn toàn..., sẽ tác động tiêu cực đến chi phí đầu vào và hoạt động của Công ty.

Việc FED tăng lãi suất làm đồng USD lên giá từ đó tác động tiêu cực đến các khoản vay bằng USD của DRI.

Rủi ro về chênh lệch tỷ giá do Công ty con của Công ty DRI đầu tư 100% vốn hoạt động sản xuất kinh doanh tại Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào ảnh hưởng đến chỉ tiêu lợi nhuận của Công ty.

Xu hướng mới nổi trong ngành cao su , những yêu cầu ngày càng khắc khe của người tiêu dùng đòi hỏi các nhà sản xuất phải có trách nhiệm hơn với môi trường và cộng đồng (sản phẩm được chứng nhận của Hội đồng quản lý rừng Quốc tế - FSC) nếu như Công ty không nhanh nhạy trong việc nắm bắt xu hướng nhu cầu của khách hàng, sẽ khó khăn trong công tác bán hàng sau này.

Xu hướng bảo vệ tài nguyên, môi trường, hạn chế sử dụng nguyên liệu hóa thạch, tăng cường sử dụng nguyên liệu tái chế, tiềm ẩn những nguyên liệu thay thế cho cao su tự nhiên trong tương lai sẽ là những yếu tố có thể tác động đến cầu tiêu thụ cao su thiên nhiên...

RỦI RO VỀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU ROÀN CẦU

Đây là một thách thức với toàn thể nhân loại hiện nay đặc biệt trong lĩnh vực nông nghiệp là lĩnh vực dễ bị tổn thương nhất. DRI đang trong lộ trình xây dựng và quản lý lý rừng cao su bền vững theo các chuẩn mực Quốc tế nhằm góp phần hạn chế những tác động của biến đổi khí hậu toàn cầu với sự hỗ trợ của Hiệp hội cao su Việt Nam, các tổ chức NGOs: Trung tâm con người và thiên nhiên, Tổ chức Forest Trend. Với diện tích 8.810 ha cao su của DRI đã góp phần đáng kể vào việc hấp thụ khí CO2, giảm đáng kể hiệu ứng nhà kính.



RỦI RO PHÁP LUẬT

Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk (DRI) là doanh nghiệp hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần và đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (UPCOM) bị chi phối chủ yếu bởi Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan như Luật Đầu tư, Luật Dân sự, Luật Đất đai... Sự thay đổi về pháp luật và các chính sách có thể xảy ra sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, sản xuất kinh doanh của Công ty.



Bên cạnh đó, Công ty có công ty con do DRI nắm giữ 100% vốn điều lệ được đặt tại Lào cho nên DRI còn phải chịu tác động của khung pháp lý tại quốc gia này. Ngoài ra, Công ty còn xuất khẩu các sản phẩm đến các nước như: Đài Loan, Mỹ, Trung Quốc, Malaysia, Thái Lan, Ấn Độ, Châu Âu... nên Công ty còn chịu ảnh hưởng bởi các quy định về xuất nhập khẩu, các chính sách và quy định của các quốc gia nói trên và sự tác động của tình hình an ninh chính trị. Vì vậy, để hạn chế rủi ro pháp lý, DRI luôn phải cập nhật, theo dõi các chế tài, quy định về hoạt động kinh doanh, bảo vệ môi trường và các quy định của các nước sở tại để không dẫn đến các rủi ro pháp luật.

Bên cạnh khung pháp lý chung, Công ty còn chịu sự chi phối của các chế tài, quy định đặc thù ngành như: Quy định về bảo vệ môi trường, nguồn nước, các yêu cầu về kỹ thuật trong trồng trọt cao su.

Ngoài ra Công ty còn phải thực hiện theo các công ước quốc tế về môi trường, quyền con người, quyền người bản địa, quyền về lao động, việc tự do tham gia các hiệp hội,...theo quy định của FSC trong quá trình chuyển đổi Công ty theo hướng Phát triển bền vững.



CÁC YẾU TỐ RỦI RO

RỦI RO ĐẶC THÙ KINH DOANH

Đặc thù của ngành sản xuất cao su ở Việt Nam nói chung và DRI nói riêng phụ thuộc rất nhiều vào giá cao su trên thế giới, trong khi giá cao su thế giới lại phụ thuộc nhiều vào tình hình cung cầu, tăng trưởng kinh tế toàn cầu, giá dầu thô, Chính sách tiền tệ của các nước lớn như Mỹ, Trung Quốc, Nhật, dự trữ cao su của Trung Quốc, địa chính trị,...

Lực lượng lao động trực tiếp tại Lào không ổn định; lao động quản lý từ Việt Nam sang Lào biến động nhiều. Bên cạnh đó, sản phẩm mới của Công ty là chuỗi tươi, chịu sự tác động mạnh của thị trường, tình hình dịch bệnh, thường xuyên không ổn định.

Tình hình biến đổi khí hậu toàn cầu đã ảnh hưởng đến ngành nông nghiệp trong đó có cây cao su, cây ăn quả, mặc dù diện tích cao su của DRI nằm hoàn toàn tại Lào là nước nằm sâu trong thềm lục địa, ít ảnh hưởng của bão nhưng chịu tác động của gió lốc, hạn hán, lũ lụt, dịch bệnh. Năm 2021 gió lốc từ cơn bão số 5 tại Việt Nam đã gây gãy đổ cao su trên diện tích 39,82 ha và hư hỏng một số công trình giao thông, cầu, đập tràn,... đối với diện tích cao su gãy đổ do Công ty có mua bảo hiểm vườn cây nên được bồi thường chi phí tổn thất là 130.931 USD, các công trình giao thông cầu cống bị hư hỏng phải sửa chữa lại, số cây cao su gãy đổ không khai thác được làm ảnh hưởng đến sản lượng vườn cây của năm 2021.



RỦI RO VỀ CÁC DỰ ÁN CAO SU TẠI CÔNG TY CON DAKLAORUCO

Hiện nay, Công ty TNHH Cao su Đắk Lắk (DAKLAORUCO) là Công ty con do DRI nắm giữ 100% vốn điều lệ có nhiệm vụ trực tiếp quản lý, trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cao su tại Lào. Do đó các chính sách kinh tế vĩ mô, chính sách tiền tệ, chính sách tài khóa của nước bạn đều có tác động đến tình hình hoạt động tại DAKLAORUCO từ đó ảnh hưởng rất lớn đến với hoạt động kinh doanh của DRI.

Những năm gần đây do tình hình lạm phát đồng kip Lào liên tục bị mất giá, lỗi do chênh lệch tỷ giá làm bào mòn lợi nhuận của Doanh nghiệp.

Dự án trồng cao su nằm tại nước Lào cách biệt về địa lý, bất đồng về ngôn ngữ, nước bạn có nhiều lễ hội nên phần nào ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. DRI cũng chịu rủi ro về sự thay đổi về các chính sách liên quan đến đầu tư dự án, chính sách thuế,.. của chính phủ Lào và Việt Nam.



RỦI RO KHÁC

Những rủi ro khác có thể nói đến như tình hình chính trị tại Lào, tình hình thiên tai, dịch họa,...đây là những rủi ro khó kiểm soát nhất. Tuy nhiên hiện nay tình hình an ninh chính trị của Lào và Việt Nam được đánh giá là ổn định nhất Khu vực Đông Nam Á và Thế giới. Tuy nhiên, năm 2021 do dịch bệnh Covid-19 và các biến thể đã ảnh hưởng đến các chuỗi cung ứng, việc xuất khẩu cao su và chuỗi gặp nhiều khó khăn do thiếu container, thiếu tàu, chuỗi quả không xuất khẩu được phải chuyển qua bán siêu thị và bán chuỗi chợ nhưng khối lượng tiêu thụ cũng giảm đáng kể do ảnh hưởng của dịch bệnh covid. Nhà máy chế biến mủ cao su có ca F0 phải dừng sản xuất khoảng 1 tuần từ đó việc khai thác mủ tại các nông trường cũng phải giảm lại do tắc tại khâu chế biến.

02 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình đầu tư thực hiện dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Tổ chức và nhân sự



DRI



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Tình hình sản xuất:

Năm 2021, toàn Công ty khai thác được 15.439/16.500 tấn mù quy khô, đạt 93,57% kế hoạch năm. Nguyên nhân không hoàn thành kế hoạch sản lượng là do ảnh hưởng của dịch Covid-19, chính quyền địa phương nhiều lần thực hiện giãn cách xã hội, các đơn vị gặp khó khăn trong công tác huy động nhân công khai thác dẫn đến tỷ lệ trồng vườn cao su cao; Trong tháng 9/2021 tại Nông trường 3 và Nhà máy chế biến có ca nhiễm F0, Công ty phải tạm ngừng khai thác để phòng chống dịch. Điều kiện thời tiết cũng bất lợi, mưa lớn giông lốc làm gãy đổ số lượng lớn cây cao su cũng làm ảnh hưởng đến công tác khai thác mù cao su.

Ngoài ra, vườn cây ăn trái cũng chịu tác động từ thời tiết và dịch bệnh nên sản lượng cũng không đạt kế hoạch đề ra tuy nhiên vẫn cao hơn năm 2020, điều này cho thấy năng suất vườn cây đang duy trì mức tương đối cao, việc sụt giảm sản lượng là do các yếu tố khách quan bên ngoài tác động, cụ thể là vườn cây cao su đang trong giai đoạn sung sức với năm khai thác kinh doanh 9 trong trung bình số năm khai thác từ 20-25 năm, điều này cho thấy giai đoạn hiện tại của vườn cây cao su đang là giai đoạn khai thác có năng suất tốt nhất và cũng là yếu tố quyết định giúp cho sản lượng thu hoạch hàng năm của DRI luôn ổn định.



Chỉ tiêu sản lượng/thu hoạch không đạt do các nguyên nhân sau:

- Cao su: Diễn biến của dịch bệnh Covid-19 phức tạp, chính quyền nhiều lần thực hiện giãn cách nên khó khăn trong việc huy động nhân công cạo mù. Nhà máy chế biến mù và một số tổ tại Nông trường 3 phải dừng hoạt động do có ca F0 nên ảnh hưởng đến sản lượng chung toàn Công ty.
Trong tháng 9 ảnh hưởng cơn bão số 5 tại Việt Nam, vườn cây tại NT2, NT4 bị mưa lớn và gió lốc làm gãy đổ số lượng lớn cây cao su, hư hỏng cầu cống, sạt lở đường ảnh hưởng đến công tác khai thác và vận chuyển mù cao su.
- Chuối: Tình hình dịch bệnh, việc phải chủ động loại bỏ bớt cây chuối để đảm bảo sinh trưởng của cây sầu riêng đã ảnh hưởng đến sản lượng chuối quả, năm 2021 tình hình dịch bệnh phức tạp việc xuất khẩu chuối không thực hiện được phải chuyển qua bán cho siêu thị và chuối chợ, tuy nhiên lượng tiêu thụ giảm mạnh vì vậy tổng sản lượng chuối không đảm bảo kế hoạch đề ra. Trong tháng 9 ảnh hưởng cơn bão số 5 tại Việt Nam, vườn cây tại NT2, NT4 bị mưa lớn và gió lốc làm gãy đổ số lượng lớn cây cao su, hư hỏng cầu cống, sạt lở đường ảnh hưởng đến công tác khai thác và vận chuyển mù cao su.
- Doanh thu 597,927 tỷ đồng đạt 101,9% kế hoạch và tăng 35,4% so cùng kỳ.
- Lợi nhuận trước thuế năm 2021 đạt 116,299 tỷ đồng đạt 191,8 % kế hoạch ĐHCĐ giao và đạt 342,1% so cùng kỳ năm trước.
- Mặc dù năm 2021 do ảnh hưởng của dịch bệnh, tình trạng thiếu container, thiếu tàu đi ra trầm trọng tuy nhiên tỷ lệ xuất khẩu cũng đạt con số ấn tượng 65,59% đạt 100,91% KH và tăng 3,4% so với năm 2020.

Tình hình kinh doanh:

Khoản mục	Số lượng (tấn)	Doanh thu (USD)	Đơn giá bình quân (USD/tấn)
Xuất khẩu	9.737,16	17.871.205	1.835,36
Nội địa	5.107,47	8.223.102	1.610,01
Tổng cộng	14.844,63	26.094.306,9	1.757,83

Năm 2021, mặc dù gặp khó khăn trong bán hàng như tình trạng thiếu container rỗng, thiếu tàu, đóng cửa biên giới, giãn cách xã hội,...DRI đã nỗ lực xuất bán 14.844,63 tấn mủ cao su các loại cho khách hàng, đạt 87,32 % kế hoạch. Với tổng doanh thu 26.094.306,85 USD; đơn giá xuất bán bình quân 1.757,83 USD/ tấn, trong đó đơn giá xuất khẩu bình quân 1.835,36 USD/tấn Cao hơn so với giá xuất khẩu cao su bình quân của ngành cao su Việt Nam 9,44% tương đương 158,36 USD/tấn (Giá bình quân xuất khẩu cao su của Việt Nam trong năm 2021 ở mức 1.677 USD/tấn, Xuất khẩu cao su dự báo 1 năm thuận lợi-Báo Nông Nghiệp Việt Nam online ngày 23/2/2022) và cao hơn giá sàn qui định của công ty 123,53 USD/tấn. Tăng 4 % về lượng, nhưng tăng 33% về doanh thu do giá bình quân tăng 38,32% so với năm 2020. Trong đó tỷ lệ Xuất khẩu chiếm 65,59%, tỷ lệ nội địa chiếm 34,41%.

Về cơ cấu loại hàng xuất bán chủ yếu vẫn là các sản phẩm chế biến từ mủ nước (SVR3L + CV60 + CV50+ SVR5) đạt 11.848,13 tấn chiếm 79,81%, đơn giá trung bình 1.810,24 USD/ tấn. Các sản phẩm chế biến từ mủ phụ (SVR10, SVR20) đạt 2.627,52 tấn chiếm 17,70 %, đơn giá bình quân 1.602,33 USD/ tấn. Hàng ngoại lệ 368,98 tấn, chiếm 2,48%, đơn giá bình quân 1.182,12 USD/ tấn.

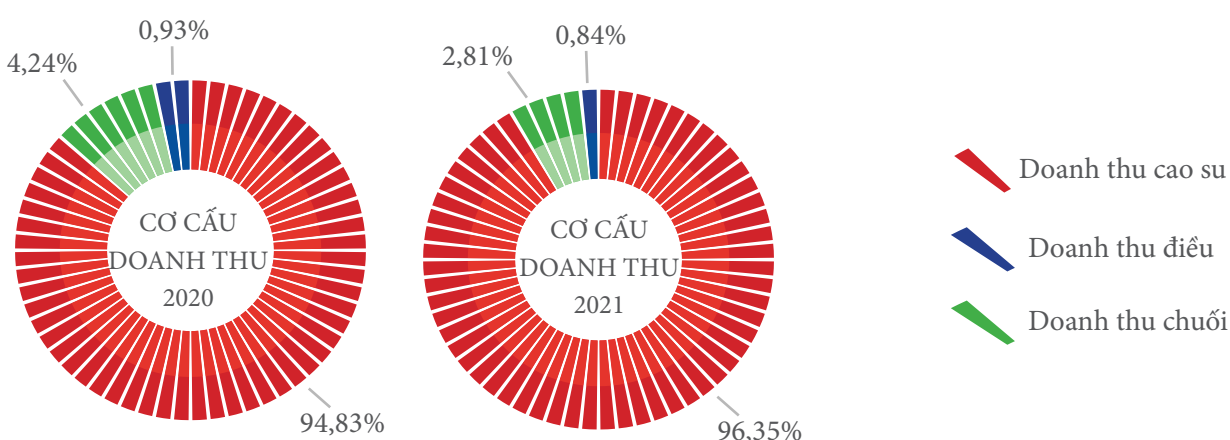
Sản phẩm của công ty đã được trải rộng trên rất nhiều thị trường, kể cả những thị trường khó tính như: Mỹ, Hà Lan, Ý, Tây Ban Nha, Ấn Độ, Hàn Quốc, Đài Loan...với thị phần tăng trưởng so với năm 2020. Cụ thể như sau: Đài Loan tỷ trọng 23.09% tăng 1,65% (năm 2020 là 21,44%), Mỹ chiếm 16,15% tăng 1,47% so năm 2020 (14,68%), các nước Liên minh Châu Âu(Đức, Italy, Tây Ban Nha 6,38% tăng 2,85% so năm 2020 (3,53%).

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	TH 2021/KH 2021	TH 2021/ TH 2020
1	Sản lượng						
	<i>Cao su</i>	Tấn	15.206	16.500	15.439	93,57%	101,53%
	<i>Điều</i>	Tấn	218,57	209	234,16	112%	107,13%
	<i>Chuối</i>	Tấn	3.268	4.800	3.306	68,89%	101,19%
2	Doanh thu	Tỷ đồng	441.401	586.875	597.927	101,9%	135,4%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	33.993	60.624	116.299	191,84%	342,13%
4	Tỷ lệ xuất khẩu	%	62,88%	65%	65,59%	100,91%	104,31%

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

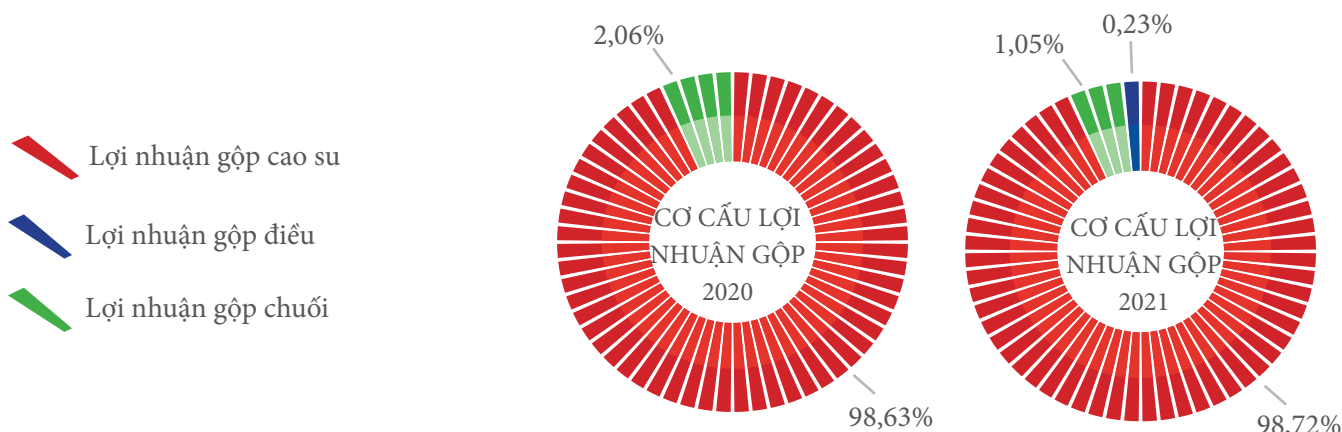
CƠ CẤU DOANH THU

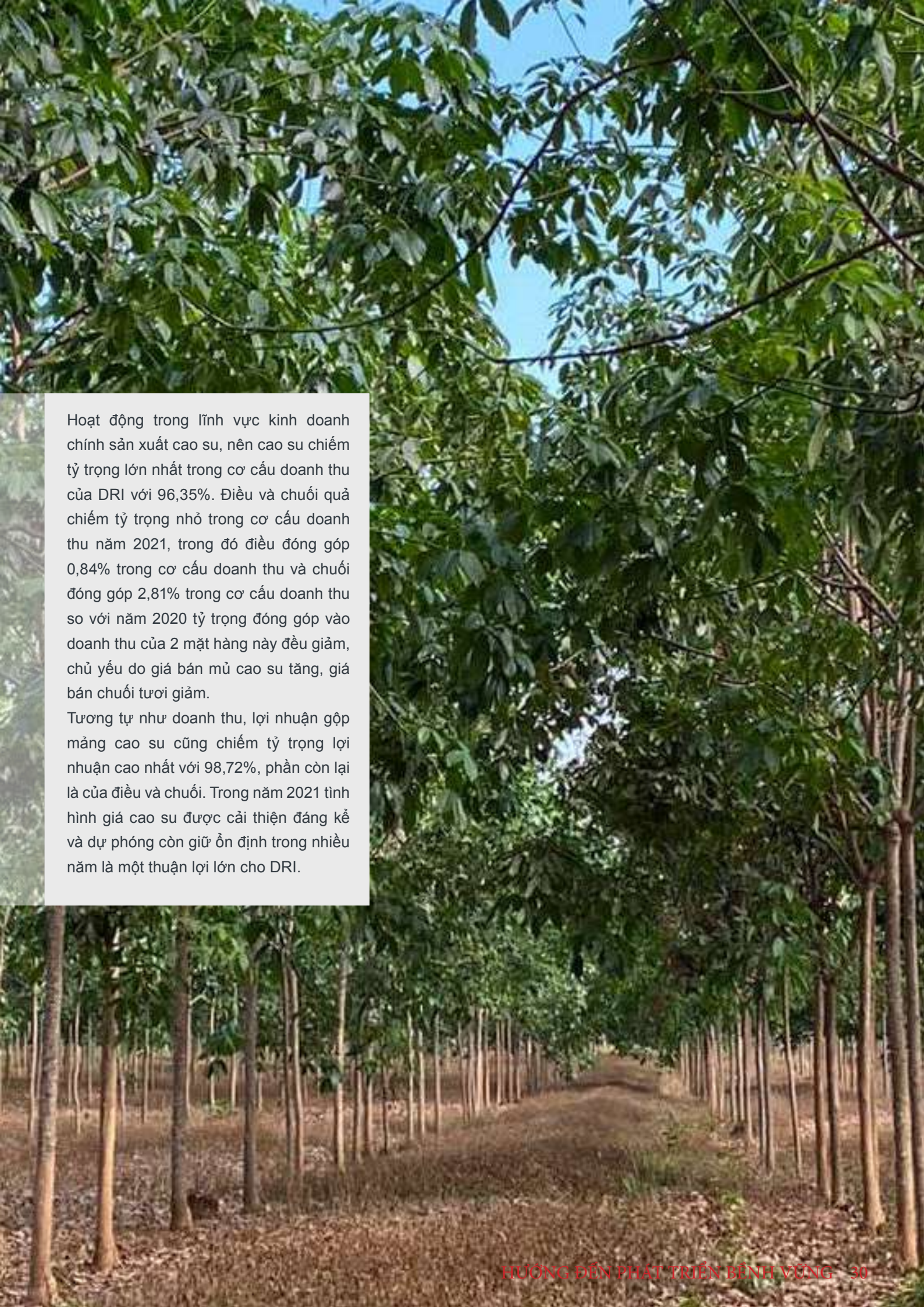
Khoản mục	Năm 2020		Năm 2021	
	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
Cao su	418.575	94,83%	564.357	96,35%
Điều	4.104	0,93%	4.891	0,84%
Chuối	18.721	4,24%	16.489	2,81%
Tổng doanh thu	441.400	100,00%	585.739	100,00%



CƠ CẤU LỢI NHUẬN GỘP

Khoản mục	Năm 2020		Năm 2021	
	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
Cao su	124.548	98,63%	227.503	98,72%
Điều	-872	-0,69%	527.455	0,23%
Chuối	2.603	2,06%	2.419	1,05%
Tổng lợi nhuận gộp	126.279	100,00%	230.450	100,00%





Hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh chính sản xuất cao su, nên cao su chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu doanh thu của DRI với 96,35%. Điều và chuối quả chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu doanh thu năm 2021, trong đó điều đóng góp 0,84% trong cơ cấu doanh thu và chuối đóng góp 2,81% trong cơ cấu doanh thu so với năm 2020 tỷ trọng đóng góp vào doanh thu của 2 mặt hàng này đều giảm, chủ yếu do giá bán mủ cao su tăng, giá bán chuối tươi giảm.

Tương tự như doanh thu, lợi nhuận gộp mủ cao su cũng chiếm tỷ trọng lợi nhuận cao nhất với 98,72%, phần còn lại là của điều và chuối. Trong năm 2021 tình hình giá cao su được cải thiện đáng kể và dự phóng còn giữ ổn định trong nhiều năm là một thuận lợi lớn cho DRI.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Công ty con 1: Công ty TNHH cao su Đắk Lắk (Daklaoruco)

- Vốn điều lệ: 25.000.000 USD
- Tỷ lệ góp vốn: 100%
- Địa chỉ: Bản Tha Luông, Tỉnh ChămPásák, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào
- Ngành nghề kinh doanh chính: Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến và tiêu thụ cao su thiên nhiên
- Hiện nay Daklaoruco đang quản lý 8.810,5 ha cao su trong đó 8.632,14 ha đã đưa vào khai thác; 497,58 ha điều và 17,65 ha bạch đàn. 01 nhà máy chế biến mủ công suất 18.000 tấn/năm. Vườn cây sinh trưởng phát triển tốt cho năng suất cao, năng suất bình quân năm 2021 là 1,788 tấn/ha. Sản phẩm mủ cao su chế biến hiện nay của công ty chủ yếu là SVR 3L, SVR 10, SVRCV50 và SVR CV60, chất lượng sản phẩm tốt, các chỉ tiêu đều đạt tiêu chuẩn, đáp ứng yêu cầu khách hàng, trong đó tỷ trọng hàng SVR CV60 trong cơ cấu hàng xuất khẩu liên tục gia tăng qua các năm, đây là sản phẩm cao cấp có giá trị gia tăng cao đã được khách hàng tin tưởng và chấp nhận; Phòng kiểm định chất lượng sản phẩm được công nhận đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017. Hệ thống quản lý được công nhận theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015.



Công ty con 2: Công ty TNHH Công nghệ cao DRI

- Vốn điều lệ: 26.000.000.000 VNĐ
- Tỷ lệ góp vốn: 80,77%
- Địa chỉ: 59 Cao Thắng, TP. Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk
- Ngành nghề kinh doanh: Trồng, chăm sóc, thu hoạch, sơ chế các loại chuối chất lượng cao phục vụ bán cho các siêu thị, chuỗi bán lẻ và xuất khẩu; Trồng, chăm sóc, thu hoạch, sơ chế các loại trái cây như Mít, Sầu riêng, .. chất lượng cao phục vụ bán cho các siêu thị, chuỗi bán lẻ và xuất khẩu; Chuyên thu mua các loại trái cây chất lượng cao như Chuối, Mít, Sầu riêng, .. chất lượng cao phục vụ bán cho các siêu thị, chuỗi bán lẻ và xuất khẩu.
- Năm 2021 tổng khối lượng chuối thu hoạch được 3.306 tấn đạt 68,89% kế hoạch, nguyên nhân do vườn cây bị bệnh, ảnh hưởng của dịch bệnh covid 19 nên không xuất khẩu được, lượng hàng tiêu thụ qua kênh siêu thị và chuỗi chợ cũng giảm do ảnh hưởng của Covid-19.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH



Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 220	Năm 2021	Năm 2021/2020
Tổng giá trị tài sản	Tỷ đồng	1.325,91	1.207,024	1.026,913	85,08%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	539,263	441,400	585,65	132,68%
Lợi nhuận từ HĐKD	Tỷ đồng	52,779	34,538	124,751	361,2%
Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	2,227	(545)	(8,451)	1.550,26%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	55,006	33,993	116,300	342,13%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	41,008	24,277	84,09	346,37%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	4%	2,7%	7%*	259,26%

(*): Tỷ lệ cổ tức dự kiến chi trả theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Năm 2021, một năm đặc biệt của doanh nghiệp cao su khi được hưởng lợi từ giá bán tăng mạnh, dẫn đến tình hình hoạt động kinh doanh của DRI đạt nhiều con số ấn tượng. Cụ thể, doanh thu thuần và lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh, lãi ròng của Công ty đạt lần lượt 585,65 tỷ đồng; 124,751 tỷ đồng và 84,09 tỷ đồng tức tăng lần lượt 32,68%; 261,20% và 246,37% so với cùng kỳ 2020.

Như vậy, so với kế hoạch 586,875 tỷ đồng doanh thu và 60,624 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, DRI đã hoàn thành được 99,79% mục tiêu doanh thu đề ra và vượt 91,84% mục tiêu kế hoạch lợi nhuận cả năm.

Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN				
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,55	0,64	1,12
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,33	0,36	0,64
CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN				
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	0,37	0,36	0,31
Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	0,59	0,57	0,44
CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG				
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	5,92	5,51	4,77
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,406	0,35	0,52
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI				
Hệ số LNST/ DTT	%	7,6	5,5	14,36
Hệ số LNST/ Vốn chủ sở hữu	%	4,92	3,15	11,82
Hệ số LNST/ Tổng tài sản	%	3,09	2,01	8,19
Hệ số LN từ hoạt động kinh doanh/ DTT	%	9,79	7,82	21,3



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

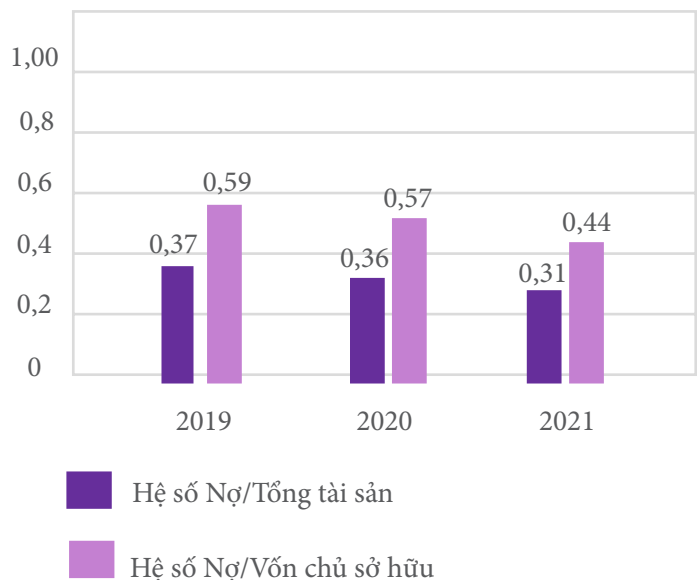
Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

Khả năng thanh toán

Có thể thấy, khả năng thanh toán của DRI không bị mất cân đối khi chỉ tiêu khả năng thanh toán ngắn hạn tăng lên mức 1,12 lần; hệ số trả năng thanh toán nhanh cũng tăng lên 0,64 lần vào năm 2021. Điều này cho thấy DRI đã nâng cao khả năng thanh toán của mình do trong năm doanh nghiệp đã trả bớt nợ vay, các khoản nợ phải trả ngắn hạn bằng tiền từ hoạt động kinh doanh. Cụ thể, tài sản ngắn hạn tại ngày 31/12/2021 đạt 194,451 tỷ đồng, tăng 30,16% so với cùng kỳ; trong đó, mức tăng chủ yếu từ khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền, tăng 252,7%. Bên cạnh đó, hàng tồn kho cũng tăng 24,79% so với cùng kỳ, mức tăng chủ yếu đến từ thành phẩm. Các chỉ tiêu đánh giá khả năng thanh toán của Công ty tăng gần gấp 2 lần so với năm 2020, điều này cho thấy tài chính của DRI ngày càng lành mạnh và khả năng đáp ứng tốt việc thanh toán các khoản nợ phải trả.



Cơ cấu vốn

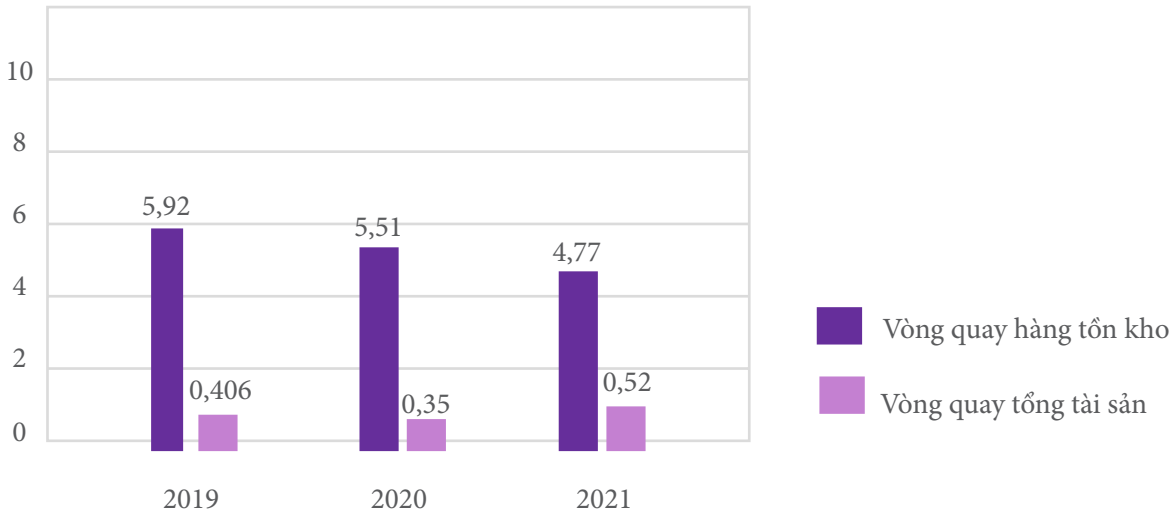


Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn của Công ty có xu hướng giảm dần theo từng năm, hệ số nợ/tổng tài sản từ 0,37 (2019) xuống còn 0,31 (2021); hệ số nợ/vốn chủ sở hữu từ 0,59 (2019) xuống còn 0,44 (2021). Với chủ trương giảm thiểu sử dụng đòn bẩy tài chính, Công ty luôn ưu tiên sử dụng nguồn lực tự có để thực hiện các dự án đầu tư, góp phần giảm thiểu áp lực tài chính mà còn kiểm soát được các khoản nợ của Công ty trước những chính sách tiền tệ của nền kinh tế.

Năng lực hoạt động

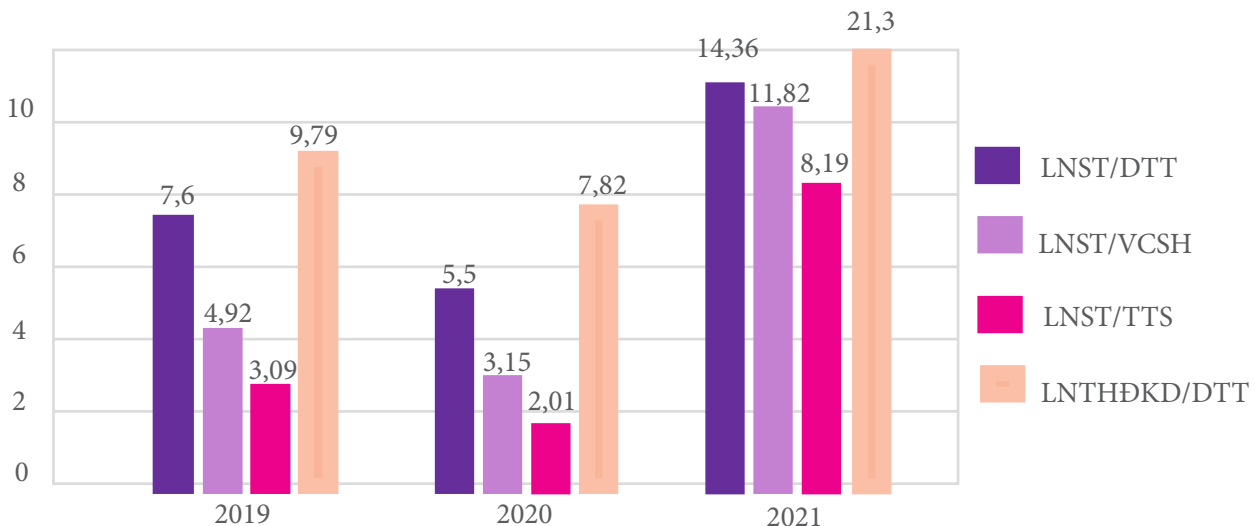
Chỉ tiêu vòng quay hàng tồn kho giảm từ 5,51 (2020) xuống còn 4,77 (2021); điều này được giải thích do sản lượng bán mủ cao su giảm. Nguyên nhân là do thực hiện giãn cách xã hội và Nhà máy chế biến có ca nhiệm F0 buộc Công ty phải tạm ngừng việc khai thác mủ cao su; cụ thể quý II giảm 13,75%, quý III giảm 29,58%.

Chỉ tiêu vòng quay tổng tài sản năm 2021 tăng 48,57%, từ 0,35 vòng lên 0,52 vòng. Do trong năm, doanh thu thuần của DRI tăng 32,68% so với cùng kỳ năm 2020 và tổng tài sản giảm 11,8% do lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi BCTC từ Công ty con.



Khả năng sinh lời

Các chỉ tiêu đánh giá khả năng sinh lời của Công ty đều tăng mạnh so với cùng kỳ. Hệ số ROA và ROE lần lượt đạt 8,19 và 11,82; đều tăng hơn 3,5 lần so với 2020. Hệ số lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần và lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần tăng lần lượt đạt 14,36 và 21,3; đều tăng gần 3 lần so với năm trước đó. Do trong năm, lợi nhuận sau thuế của Công ty tăng mạnh, tức 346,37%. Với định hướng phát triển bền vững, Công ty đang tiếp tục tập trung đẩy mạnh việc được cấp chứng chỉ FSC cho vườn cao su trồng tại Lào, nhà máy chế biến mủ và mảng thương mại tại DRI đáp ứng nhu cầu khách hàng, kinh doanh có trách nhiệm từ đó tạo lợi nhuận cao và bền vững trong tương lai.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

CỔ PHẦN TẠI 31/12/2021

- Vốn điều lệ: 732.000.000.000 đồng
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 73.200.000 cổ phiếu
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Cổ phiếu thường: 73.200.000 cổ phiếu
- Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 73.200.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Cổ đông nhà nước	1	48.750.000	66,598%
2	Cổ đông trong nước	6.575	24.388.722	33,317%
	- Tổ chức	9	482.663	0,659%
	- Cá nhân	6.566	23.906.059	32,658%
3	Cổ đông nước ngoài	20	61.278	0,083%
	- Tổ chức			
	- Cá nhân	20	61.278	0,083%
	Tổng	6.605	73.200.000	100,00%



DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

Tên tổ chức/ Cá nhân	Số CMND/ Hộ chiếu/ ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/ V%L
Công ty cổ phần Cao su Đắk Lắk (Dakruco)	6000 175 829	30 Nguyễn Chí Thanh, TP. Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk	48.750.000	66,598%



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Viết Tượng	Chủ tịch HĐQT - TV không điều hành
2	Ông Bùi Quang Ninh	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Ông Nguyễn Trần Giang	Thành viên HĐQT
4	Ông Lê Thanh Cần	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
5	Bà Nguyễn Kim Hoa	Thành viên HĐQT
6	Bà Nguyễn Thị Hải	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
7	Ông Nguyễn Minh	Thành viên HĐQT
8	Ông Nguyễn Thạc Hoàn	Trưởng Ban kiểm soát
9	Ông Phan Thanh Tân	Thành viên Ban kiểm soát
10	Ông Nguyễn Văn Thảo	Thành viên Ban kiểm soát
11	Ông Lê Thanh Cường	Kế toán trưởng



Chủ tịch HĐQT
Thành viên HĐQT không điều hành

Ông Nguyễn Viết Tượng

Chủ tịch HĐQT

Thành viên HĐQT không điều hành

Sinh năm : 01/01/1965

Là thành viên HĐQT từ tháng 8/2015

Trình độ chuyên môn:

- + Thạc Sĩ Lâm Sinh;
- + Cử nhân kinh tế công nghiệp.

Kinh nghiệm: Ông có gần 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực trồng cây công nghiệp, 15 năm kinh nghiệm trong quản lý nhà nước, đã kinh qua các chức vụ : Thư ký bí thư tỉnh ủy, bí thư huyện, giám đốc Sở Kế hoạch Đầu tư, Bí thư thành ủy Thành phố Buôn Ma Thuột. 06 năm là chủ tịch Dakruco và Chủ tịch HĐQT DRI.

Chức vụ tại tổ chức khác:

- + Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Cao su Đắk Lắk(Dakruco)
- + Chủ tịch HĐQT Công ty Công ty cổ phần Cao su Daknoruco
- + Chủ tịch Công ty TNHH Phát triển Cao su Đắk Lắk – Mondulkiri (Dakmoruco) tại Campuchia
- + Chủ tịch Công ty TNHH cao su Đắk Lắk tại Lào (Daklaoruco).

Số cổ phiếu cá nhân sở hữu: 100.000 cổ phần, chiếm 0,136% vốn điều lệ.



Phó chủ tịch HĐQT



Thành viên HĐQT

Ông Bùi Quang Ninh

Phó chủ tịch HĐQT

Sinh năm : 10/08/1966

Là thành viên HĐQT từ tháng 6/2012

Trình độ chuyên môn:

+ Cử nhân tài chính kế toán

Kinh nghiệm: 7 năm là Kế toán viên, 03 năm là Kế toán trưởng đơn vị, 12 năm Phụ trách công tác kế toán, Kế toán trưởng Dakruco, 02 năm là Kiểm soát viên nhà nước, trưởng ban Kiểm soát Dakruco, 03 năm là phó tổng giám đốc Dakruco và từ 6/2015 đến nay là Tổng Giám đốc Dakruco, từ tháng 6/2012 đến nay là phó chủ tịch HĐQT DRI.

Chức vụ tại tổ chức khác:

+ Chủ tịch HĐQT Quỹ Tín dụng Nhân dân Cao su Đắk Lắk
+ Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Gõ cao su Đắk Lắk

Số cổ phiếu cá nhân sở hữu: 169.100 cổ phần, chiếm 0,2% vốn điều lệ.

Ông Nguyễn Trần Giang

Thành viên HĐQT

Sinh năm : 16/04/1981

Là thành viên HĐQT từ tháng 04/2018;

Trình độ chuyên môn:

+ Cử nhân kinh tế chuyên ngành kế toán;
+ Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng.

Kinh nghiệm: Ông trải có kinh nghiệm 16 năm làm công tác kế toán, đã kinh qua 07 năm là Nhân viên kế toán, 8 năm Phụ trách công tác kế toán, tài chính Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk(Dakruco)

Chức vụ tại tổ chức khác: không

Số cổ phiếu cá nhân sở hữu: 0 cổ phần.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



**Thành viên HĐQT điều hành
Tổng Giám đốc**



Thành viên HĐQT

Ông Lê Thanh Cần

TV HĐQT kiêm Tổng giám đốc

Sinh năm : 20/08/1963

Là thành viên HĐQT từ tháng 4/2017;

Trình độ chuyên môn:

+ Kỹ sư nông nghiệp

Kinh nghiệm: Ông đã trải qua các vị trí: Ông có kinh nghiệm hơn 32 năm trong ngành cao su, trong đó 27 năm kinh nghiệm trong công tác quản lý. Đã kinh qua các vị trí từ nhân viên kỹ thuật, Trưởng trại giống, giám đốc đơn vị, Trưởng phòng kỹ thuật Dakruco, Phó giám đốc, Giám đốc Daklaoruco, Phó Tổng giám đốc DRI, từ tháng 9/2017 đến nay Ông là Tổng Giám đốc DRI. Ông rất có kinh nghiệm trong công tác chỉ đạo sản xuất.

Chức vụ tại tổ chức khác:

+ Thành viên HĐQT Quỹ Tín dụng Nhân dân Cao su Đắk Lắk.

Số cổ phiếu cá nhân sở hữu: 0 cổ phần.

Bà Nguyễn Kim Hoa

Thành viên HĐQT

Sinh năm : 04/05/1967

Là thành viên HĐQT từ tháng 10/2012

Trình độ chuyên môn:

+ Kỹ sư nông nghiệp

Kinh nghiệm: Bà đã có kinh nghiệm hơn 27 năm trong ngành cao su, đã trải qua các vị trí: nhân viên KCS, thư ký ISO Công ty Dakruco, phó chánh văn phòng Dakruco và từ năm 2008 đến nay là chủ tịch Công đoàn Dakruco, bà tham gia thành viên HĐQT DRI từ tháng 10/2012 đến nay.

Chức vụ tại tổ chức khác:

+ Phó Chủ tịch HĐQT Quỹ Tín dụng Nhân dân Cao su Đắk Lắk;

+ Chủ tịch công đoàn Công ty Cổ phần cao su Đắk Lắk(-Dakruco).

Số cổ phiếu cá nhân sở hữu: 124.196 cổ phần, chiếm 0,169% vốn điều lệ.



Thành viên HĐQT điều hành
Phó Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Thị Hải

Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc

Sinh năm : 18/03/1970

Là thành viên HĐQT từ tháng 04/2017;

Trình độ chuyên môn:

- + Kỹ sư nông nghiệp
- + Thạc sĩ kinh tế

Kinh nghiệm: Bà đã có kinh nghiệm 24 năm trong ngành cao su trong đó 18 năm trong công tác quản lý. Đã kinh qua các vị trí từ nhân viên kỹ thuật, thư ký ISO, Trưởng ban Công nghệ thông tin, Phó chánh văn phòng, Trưởng phòng nhân sự Dakruco. Từ năm 2012 đến nay bà là Phó Tổng Giám đốc DRI, Thư ký HĐQT. Bà tham gia HĐQT DRI từ tháng 4/2017 đến nay.

Chức vụ tại tổ chức khác: không.

Số cổ phiếu cá nhân sở hữu: 240.000 cổ phần, chiếm 0,33% vốn điều lệ.



Thành viên HĐQT

Ông Nguyễn Minh

Thành viên HĐQT

Sinh năm : 25/01/1970

Là thành viên HĐQT từ tháng 04/2017

Trình độ chuyên môn:

- +Kỹ sư nông nghiệp

Kinh nghiệm: Ông đã có kinh nghiệm hơn 24 năm trong ngành cao su, trải qua các vị trí: Nhân viên kỹ thuật, Trưởng phòng kỹ thuật đơn vị, Giám đốc nông trường cao su tại Daklaoruco, Giám đốc chi nhánh Nông trường cao su 30/4 thuộc Dakruco, Trưởng phòng kỹ thuật của Dakruco, từ tháng 2/2022 ông là Phó tổng giám đốc Dakruco. Ông tham gia HĐQT DRI từ tháng 4/2017.

Chức vụ tại tổ chức khác: Trưởng phòng kỹ thuật Công ty Cổ phần cao su Đắc Lắc (Dakruco).

Số cổ phiếu cá nhân sở hữu: 0 cổ phần.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



Trưởng Ban kiểm soát



Thành viên Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Thạch Hoàn

Trưởng Ban kiểm soát

Sinh năm : 01/12/1966

Là Kiểm soát viên từ tháng 06/2012

Trình độ chuyên môn:

+ Cử nhân tài chính kế toán

Kinh nghiệm: Ông có kinh nghiệm hơn 28 năm trong lĩnh vực kế toán, trải qua các vị trí Kế toán trưởng đơn vị, Trưởng bộ phận Lao động – Tiền lương Công ty TNHH MTV cao su Đăk Lăk, từ tháng 6 năm 2012 đến tháng 10/2018 là Kiểm soát viên nhà nước tại Công ty TNHH MTV cao su Đăk Lăk(Dakruco) và từ tháng 10/2018 đến nay là Trưởng ban kiểm soát Dakruco, ông là Trưởng ban kiểm soát Công ty DRI từ 6/2012 đến nay. Ông đã hoàn thành chương trình kế toán chuyên nghiệp năm 2019.

Chức vụ tại tổ chức khác:

+ Trưởng ban kiểm soát Công ty Cổ phần cao su Đăk Lăk (Dakruco)

Số cổ phiếu cá nhân sở hữu: 20.000 cổ phần, chiếm 0,026% vốn điều lệ.

Ông Phan Thanh Tân

Thành viên Ban kiểm soát

Sinh năm : 01/11/1971

Là Kiểm soát viên từ tháng 04/2015

Trình độ chuyên môn:

+ Cử nhân tài chính kế toán

Kinh nghiệm: Ông đã có kinh nghiệm hơn 27 năm trong lĩnh vực kế toán, đã kinh qua các vị trí kế toán trưởng, Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Cao su Đăk Lăk (Dakruco), từ tháng 4/2015 đến nay là Kiểm soát viên DRI. Ông đã hoàn thành chương trình kế toán chuyên nghiệp năm 2019

Chức vụ tại tổ chức khác:

+ Kiểm soát viên Công ty Cổ phần cao su Đăk Lăk (Dakruco).

Số cổ phiếu cá nhân sở hữu: 0 cổ phần.



Thành viên Ban kiểm soát



Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Văn Thảo

Thành viên Ban kiểm soát

Sinh năm : 18/06/1975

Là Kiểm soát viên từ tháng 04/2019

Trình độ chuyên môn:

+ Cử nhân kinh tế

Kinh nghiệm: Ông có kinh nghiệm hơn 17 năm về lĩnh vực kế toán, đã kinh qua các vị trí từ nhân viên kế toán, kế toán trưởng, từ tháng 4/2019 đến nay là Kiểm soát viên DRI. Ông đã hoàn thành chương trình kế toán chuyên nghiệp năm 2019

Chức vụ tại tổ chức khác:

+ Kiểm soát viên Dakruco

Ông Lê Thanh Cường

Kế toán trưởng.

Sinh năm : 10/05/1985

Là kế toán trưởng DRI từ tháng 10/2013

Trình độ chuyên môn:

+ Cử nhân kinh tế chuyên ngành kế toán;
+ Chứng chỉ kế toán trưởng.

Kinh nghiệm: Ông đã có kinh nghiệm hơn 14 năm trong lĩnh vực kế toán, trong đó làm trong ngành cao su 11 năm, trải qua các vị trí nhân viên kế toán, kiểm toán viên Dakruco, từ tháng 10/2013 đến nay là kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắc Lắc.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Số lượng cán bộ công nhân viên

STT	Chỉ tiêu	Số lượng (Người)	Tỷ trọng (%)
I	Theo trình độ lao động		
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	67	2,8
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	44	1,84
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	5	0,21
4	Lao động phổ thông	2.280	95,16
II	Theo đối tượng lao động		
1	Lao động trực tiếp	2.224	92,82
2	Lao động gián tiếp	172	7,18
III	Theo giới tính		
1	Nam	1.484	61,94
2	Nữ	912	38,06
IV	Theo quốc tịch		
1	Lao động người Lào	2.225	92,86
2	Lao động người Việt Nam	171	7,14
Tổng cộng		2.396	100,00

– Tổng số CBCNV hiện có 2.396 người, trong đó gián tiếp có 172 người, trực tiếp có 2.224 người. Tỷ lệ gián tiếp/tổng số lao động là 7,18%. Tỷ lệ trực tiếp/tổng số lao động là 92,82%



– Chính sách lương - thưởng

DRI xây dựng chính sách lương, thưởng rõ ràng, minh bạch, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc của từng người, đồng thời đảm bảo đầy đủ mọi quyền lợi cho người lao động theo đúng quy định của Pháp luật. Ngoài ra, nhân viên trong công ty sẽ được khen thưởng và điều chỉnh mức lương phù hợp dựa vào thời gian làm việc thực tế, công việc được giao, công sức đóng góp và chất lượng hoàn thành công việc. Những chính sách này là một trong những biện pháp hiệu quả nhằm thu hút những lao động giỏi về với tổ chức và duy trì sự gắn kết giữa người lao động với công ty, giữ chân những người lao động giỏi và huy động tối đa năng lực làm việc của người lao động trong tổ chức.

Năm 2021 là năm thứ 2 liên tiếp do ảnh hưởng của Covid-19 ảnh hưởng lớn đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty tuy nhiên công ty không giảm lương mà vẫn duy trì chính sách lương ổn định đồng thời cho phép chi trả toàn bộ 100% quỹ lương gián tiếp mặc dù kế hoạch sản lượng chỉ đạt 93,6%, dùng quỹ phúc lợi để hỗ trợ thêm cho cán bộ công nhân viên tại Lào do đồng Kip –Lào bị mất giá so với đồng Việt Nam...; Tổ chức tết cổ truyền Việt Nam tại Lào cho số CBCNV người Việt không về quê đón tết do lệnh cách ly của 2 chính phủ Việt Nam, Lào vì Covid – 19.

– Chính sách phúc lợi

Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp được DRI đảm bảo thực hiện theo quy định của pháp luật. Cụ thể, cán bộ công nhân viên Công ty đều được khuyến khích tham gia các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn và bảo hiểm thất nghiệp theo đúng qui định Pháp luật. Ngoài ra Công ty còn mua bảo hiểm con người cho CBCNV có thời gian làm việc tại Công ty từ 1 năm trở lên.

Hàng năm, DRI tổ chức định kỳ các đợt tham quan, nghỉ mát cho cán bộ, nhân viên. Bên cạnh đó, công ty còn tổ chức các trò chơi, hoạt động thi đua giữa các bộ phận với nhau để tạo sự khấn khít giữa mọi người trong công ty và giúp nhân viên thư giãn, giải tỏa mệt mỏi. Tổ chức giao lưu bóng đá (Nam và Nữ) với các đơn vị bạn như Cao su Việt - Lào, Ngân hàng,...

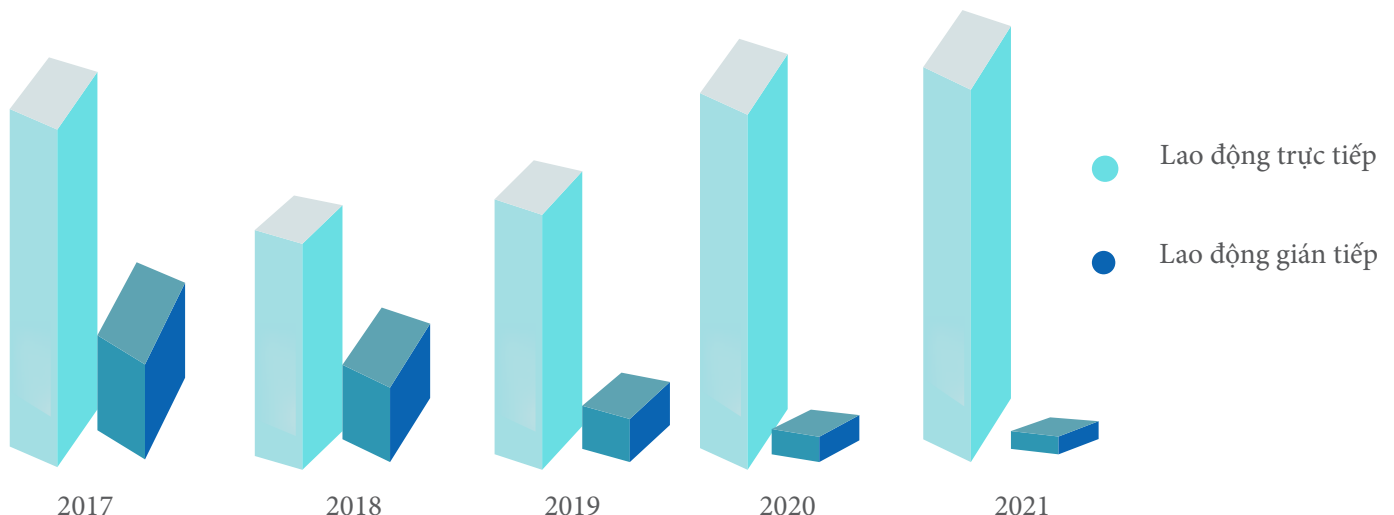
Đối với cán bộ nhân viên có thành tích tốt, bên cạnh việc tuyên dương trước công ty, nhân viên sẽ được xem xét để tăng lương nhằm khuyến khích họ phát huy năng lực, hết lòng với công việc.

Ngoài ra, công ty còn tổ chức các chương trình nhân dịp Lễ, Tết Việt Nam, Tết Lào, các ngày Quốc tế Lao động, Quốc tế phụ nữ, ... cho CBCNV của Công ty.

THU NHẬP BÌNH QUÂN QUA CÁC NĂM

Đvt: Triệu đồng/người/tháng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Lao động gián tiếp	15,0	13,97	14,98	16,65	16,71
Lao động trực tiếp	7,4	7,0	5,54	5,42	5,03



03 BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Giải trình của Ban Tổng Giám đốc về ý kiến Kiểm toán



DRI



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đánh giá tình hình chung

Năm 2021 là năm thứ 2 liên tiếp nền kinh tế thế giới bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19 trong đó làn sóng Covid-19 thứ 4 khiến nhiều địa phương phải thực hiện giãn cách xã hội, sản xuất phải đình trệ, chuỗi cung ứng bị đứt gãy, các chỉ số chính của nền kinh tế đều sụt giảm. Tại Lào, việc giãn cách xã hội dẫn đến thiếu lao động tại một số đơn vị, một số tổ đội và nhà máy chế biến có ca nhiễm Covid phải ngừng sản xuất. Hoàn lưu của cơn bão số 5 gây giông lốc gây đổ khoảng 39 ha cao su là những nguyên nhân làm sản lượng cao su năm 2021 tiếp tục không hoàn thành kế hoạch ĐHĐCĐ giao.

Năm 2021, thu hoạch chuối tiếp tục không đạt kỳ vọng khi tỷ lệ hoàn thành chỉ đạt 68,89% kế hoạch, nguyên nhân do vườn cây bị bệnh, dịch bệnh và thanh lý cây chuối trồng năm 2018 để chăm sóc sầu riêng trồng xen trên vườn, làm sản lượng tiêu thụ sụt giảm mạnh do không xuất khẩu được phải chuyển qua bán siêu thị và chuỗi chợ nhưng lượng tiêu thụ cũng không đáng kể;

Tình trạng thiếu container rỗng, thiếu tàu vận chuyển ra trầm trọng ảnh hưởng đến công tác xuất khẩu hàng cao su,... Trong bối cảnh khó khăn chung đó với sự chỉ đạo sát sao của HĐQT, sự nỗ lực, sáng tạo của tập thể CBCNC người lao động, DRI đã đạt được những thành tích ấn tượng: Doanh thu hoàn thành 101,9% kế hoạch và 135,4% so cùng kỳ, lợi nhuận trước thuế đạt 191,85% kế hoạch năm và đạt 342,1% so với cùng kỳ, Tỷ lệ xuất khẩu đạt 100,91% kế hoạch và đạt 104,31% so cùng kỳ.

Năm 2021 thực hiện nộp ngân sách Nhà nước Việt Nam và Lào 37,523 tỷ đồng tăng 32,95% so với năm 2020. (năm 2020 nộp ngân sách 28,223 tỷ đồng)

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH
1	Khai thác/ thu hoạch				
	+ Cao su	Tấn khô	16.500	15.439	93,56%
	+ Điều	Tấn tươi	209	234.16	112,03%
	+ Chuối	Tấn quả	4.800	3.306	68,89%
2	Doanh thu	Tỷ đồng	586,875	597,927	101,88%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	60,624	116,299	191,84%
4	Tỷ lệ xuất khẩu/tổng lượng hàng bán	%	65%	65,59%	100,91%
5	Giá vốn hàng bán cao su	Triệu đồng/Tấn	29,28	30,21	103,18%
6	Thu nhập bình quân				
	+ Gián tiếp	Triệu đồng/người/tháng	15,25	16,71	109,57%
	+ Trực tiếp	Triệu đồng/người/tháng	5,7	5,03	88,25%

Đánh giá tình hình quản lý chất lượng

Về chất lượng sản phẩm: sản phẩm của công ty được kiểm nghiệm bởi hệ thống phòng kiểm nghiệm được công nhận đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 17025, được quản lý bởi hệ thống quản lý đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015. Công ty luôn chú trọng chất lượng sản phẩm bán cho khách hàng, duy trì sự ổn định của chất lượng, luôn lắng nghe và đồng hành cùng khách hàng, trong năm 2021 Công ty không có khiếu nại nào của khách hàng về chất lượng sản phẩm hay dịch vụ của Công ty.

Đánh giá của khách hàng về chất lượng sản phẩm của Công ty: Năm 2021 đánh dấu là năm thứ 3 liên tiếp DRI được xếp hạng là 1 trong 50 doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam về xuất khẩu cao su tính theo kim ngạch xuất khẩu theo số liệu của Tổng cục Hải quan (xếp thứ 35/50), sản phẩm của Công ty không những xâm nhập vào được các thị trường khó tính như Mỹ, EU, Hàn Quốc, Đài loan mà thị phần ngày càng tăng trưởng hơn so với các năm trước, cụ thể: Đài Loan 23,09% tăng 1,65% so cùng kỳ (năm 2020 là 21,44%), Mỹ 16,15% tăng 1,47% so năm 2020 (14,68%), các nước Liên minh Châu Âu(Đức, Italy, Tây Ban Nha 6,38% tăng 2,85% so năm 2020 (3,53%).

Tỷ lệ xuất khẩu cao su qua các năm:

Chỉ tiêu	ĐVT	2018	2019	2020	2021
Tổng lượng tiêu thụ	Tấn	16.791,8	17.475,88	14.273,05	14.844,63
Xuất khẩu	Tấn	6.085,2	10.536,1	8.974,84	9.737,16
Bán nội địa	Tấn	10.706,6	6.939,82	5.298,21	5.107,47
Tỷ lệ	%	36,24	60,29	62,88	65,59

Về giống và chất lượng vườn cây: Vườn cây cao su tại Lào được trồng những giống tiến tiến, vượt trội tại thời điểm đó như RRIV4, PB260,... là những giống cho năng suất và sản lượng cao, tỷ lệ ghép và tỷ lệ sống cao (>90%), vườn cây sinh trưởng phát triển tốt,...Đây chính là những yếu tố quyết định giúp cho sản lượng vườn cây của Công ty luôn cao, giảm được giá thành sản phẩm.



Đánh giá tình hình nhân sự

- Đội ngũ cán bộ lãnh đạo (HĐQT, BKS, Ban Tổng Giám đốc DRI và Daklaoruco) là những cán bộ lâu năm, tâm huyết với nghề, dày dặn kinh nghiệm. Hàng năm Công ty đều chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, nghiệp vụ cho CBCNV.
- Tỷ lệ lao động gián tiếp là 7,18% tương đối thấp so với các đơn vị cùng ngành. Bên cạnh những điểm mạnh như đội ngũ CBCNV chủ yếu là những người trẻ, năng động, trong vài năm gần đây Daklaoruco đang đối diện với tình trạng thiếu lao động gián tiếp có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm, việc tuyển dụng người Lào biết tiếng Việt, có chuyên môn còn hạn chế.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Công tác tài chính

Năm 2021 thực hiện nộp ngân sách Nhà nước 37.523.751.537 đồng, bao gồm các khoản thuế như sau:

Diễn giải	Năm 2020	Năm 2021
Thuế giá trị gia tăng	12.076.353.424	19.173.452.911
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.575.766.542	12.132.441.945,5
Thuế thu nhập cá nhân	5.804.237.939	4.929.286.266,5
Thuế nhập khẩu	335.910.637	-
Thuế khác& môn bài	121.205.463	-
Tiền thuê đất	1.310.110.720	1.288.570.414
Tổng cộng	28.223.584.725	37.523.751.537

Công tác nông nghiệp

Công ty tập trung thực hiện một số hạng mục sau:

- Vườn cao su kinh doanh: thực hiện các công việc thiết kế băng cạo, đánh dấu hao dăm, mở miệng cạo. Chất lượng thực hiện đúng quy trình.
- Vườn cao su kiến thiết cơ bản – tăng năm: tập trung hạng mục cây chăm sóc. Chất lượng thực hiện đảm bảo đúng quy trình.
- Vườn điều: thực hiện công tác phát cỏ trên hàng, băng đảm bảo chất lượng thực hiện đúng quy trình.

Công tác bảo vệ, y tế, cộng đồng

- Công tác quản lý bảo vệ sản phẩm, vườn cây tại đơn vị luôn được chú trọng và đặt là nhiệm vụ trọng tâm bên cạnh công tác sản xuất. Trong tháng không có vụ việc vi phạm xảy ra.
- Công tác y tế cộng đồng: tiếp tục cấp phát thuốc y tế và sơ cấp cứu cho người lao động và dân bản quanh vùng dự án.

Công tác xây dựng cơ bản

Trong năm 2021, Công ty đã triển khai các công trình trọng điểm, cần thiết và cấp bách phục vụ cho hoạt động sản xuất, an ninh bảo vệ và phục vụ đời sống của cán bộ công nhân viên Công ty. Các hạng mục xây dựng cơ bản đáp ứng nhu cầu phục vụ sản xuất của đơn vị như:

- Làm mới, tu sửa, gia cố đường lô, cầu cống chủ yếu phục vụ cho công tác khai thác và vận chuyển mủ.
- Làm mới và tu sửa nhà ở, lán tạm cho công nhân khai thác.
- Tu sửa đường điện sinh hoạt, khoan giếng nước, phục vụ đời sống cán bộ công nhân viên tại các cụm Tổ sản xuất các đơn vị.
- Tu sửa, làm mới hệ thống giao nhận mủ ngoài lô tại các đơn vị (Bể bơm mủ, lán trú mưa, sạp mủ phụ,...).
- Tu sửa hệ thống hồ xử lý nước thải tại NMCB.
- Tu sửa, cải tạo hệ thống bơm mủ nước ngoài lô tại NT3.
- Đào hồ nước cấp dự phòng tại NMCB.

Công tác chế biến

Tổng sản phẩm chế biến trong năm 2021 đạt: 15.185,68 tấn .

Trong đó: DC CB mũ nước: 12.162,16 tấn

DC CB mũ phụ: 3.023,51 tấn.

STT	Loại sản phẩm	DC mũ nước		DC mũ phụ		Tổng cộng	
		KL (tấn)	%	KL (tấn)	%	KL (tấn)	%
1	Cao su SVR3L	8.582,37	70,57	-	-	8.582,37	56,52
2	Cao su CV60	2.383,92	19,60	-	-	2.383,92	15,70
3	Cao su CV50	265,79	2,19	-	-	265,79	1,75
4	Cao su SVR 5	748,81	6,16	-	-	748,81	4,93
5	Cao su SVR 10	-	-	2.843,51	94,05	2.843,51	18,72
6	Cao su SVR 20	-	-	23,94	0,79	23,94	0,16
7	Cao su ngoại lệ	155,75	1,28	32,38	1,07	188,13	1,24
8	Cao su tận thu						
8.1	Cao su tận thu XCB	11,34	0,09	2,98	0,10	14,32	0,09
8.2	Mũ mẫu kiểm phẩm	14,18	0,12	22,01	0,73	36,19	0,24
8.3	Mũ tận thu hồ nước tái			98,70	3,26	98,70	0,65
*	Tổng cộng	12.162,16	100,00	3.023,51	100,00	15.185,68	100,00

Hoạt động đầu tư khác: đầu tư Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ Cao DRI

- Tổng diện tích canh tác là 141.94 ha; cây trồng chính của Công ty là chuối và sầu riêng trồng xen cao su.
- Lũy kế sản lượng chuối tươi năm 2021 là 3.306/4.800 tấn đạt 69,89% kế hoạch năm. Tổng khối lượng hàng xuất bán là 3.292 , tổng doanh thu là 16,49 tỷ đồng đạt 65,96% kế hoạch doanh thu.
- Công tác chăm sóc vườn chuối trồng năm 2018 và 2019: thực hiện các hạng mục tưới phân, cắt lá già, xử lý cây con, chích bắp, vật rau, cắt bắp, bao buồng, lót nải, phun thuốc BVTV.
- Công tác chăm sóc vườn sầu riêng 2018: làm cỏ gốc, vét bồn, tạo hình sửa tán, tưới nước bón phân.
- Công tác chăm sóc vườn chuối trồng năm 2020: bón phân, làm cỏ hàng, phát cỏ băng, cắt lá già.
- Công tác chăm sóc vườn sầu riêng trồng năm 2020: làm cỏ gốc, vét bồn, bón phân thúc, phun thuốc BVTV.

PHÂN TÍCH SWOT

Điểm mạnh:

- Vườn cây đang trong chu kỳ kinh doanh, chu kỳ cho sản lượng cao, diện tích đầu tư không còn nhiều, năng suất cao, giống tốt. Liên tục các năm gần đây đều có lợi nhuận, chia cổ tức ổn định cho cổ đông, giá cổ phiếu tăng dần với khối lượng giao dịch tốt.
- Nhu cầu cao su trên thế giới tiếp tục tăng, nguồn cung lại đang thiếu hụt so với cầu sẽ là động lực đẩy giá cao su lên. Theo dự báo của ANRPC việc thiếu hụt cao su so với cầu có thể kéo dài đến 2028 thậm chí 2031 do khả năng mở rộng diện tích trồng cũng như diện tích cao su đưa vào khai thác không còn nhiều tại các Quốc gia trồng cao su. Giá cao su tăng là một điểm mạnh giúp công ty có lợi nhuận cao ổn định trong nhiều năm.
- Đội ngũ lãnh đạo chủ chốt là những cán bộ có kinh nghiệm, tâm huyết, bộ máy quản lý tinh gọn, linh hoạt, tầm nhìn rõ ràng: quyết định đưa công ty theo hướng phát triển bền vững, đón đầu xu hướng phát triển xanh, chuyển đổi số, đáp ứng nhu cầu khách hàng.
- Sản phẩm của DRI đã có chỗ đứng tại các thị trường khó tính như Mỹ, EU, Hàn quốc, Đài Loan,... với thị phần ngày càng tăng trưởng. Tỷ lệ xuất khẩu cao, ổn định ở mức bình quân 65%/tổng hàng tiêu thụ/năm, trong đó tỷ trọng sản xuất và bán sản phẩm CV là sản phẩm cao cấp có giá trị gia tăng cao ngày càng tăng.
- Ba năm liên tiếp (2019-2021) DRI đều được vinh danh là 1 trong 50 doanh nghiệp có kim ngạch xuất khẩu cao su cao nhất Việt Nam theo số liệu của Tổng cục Hải quan.
- Dòng tiền hoạt động kinh doanh của Công ty ngày một cải thiện, các khoản vay dài hạn được trả ngày một nhiều, giảm thiểu rủi ro về biến động tỷ giá.

Điểm yếu:

- Tình trạng thiếu Container rỗng, thiếu tàu vẫn còn tiếp diễn vào năm 2022 và dự báo sẽ hạ nhiệt dần vào cuối năm vì vậy việc bán hàng của DRI dự sẽ còn khó khăn ít nhất trong 2 quý đầu năm 2022.
- Tại Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, trong những năm qua và có thể năm 2022 vẫn còn dịch bệnh Covid-19, tỷ lệ lạm phát tăng cao. Nước Lào duy trì chính sách tỷ giá thấp dẫn đến lỗ chênh lệch về tỷ giá lớn tác động tiêu cực đến lợi nhuận của Công ty, do tỷ trọng doanh thu chủ yếu của Công ty từ Lào.
- Tình hình cạnh tranh địa chính trị trên thế giới diễn biến phức tạp, giá dầu tăng, lạm phát tăng tại hầu hết các nền kinh tế trên thế giới, sẽ làm tăng chi phí đầu vào và chi phí logistic của các doanh nghiệp.
- Tại Daklaoruco, thiếu hụt lực lượng lao động gián tiếp có năng lực, chuyên môn nhất là 2 lĩnh vực kỹ thuật và kế toán; lực lượng lao động trực tiếp thiếu ổn định.
- Đặc thù là ngành sản xuất nông nghiệp nên phụ thuộc nhiều vào yếu tố thời tiết, khí hậu. Với tác động của biến đổi khí hậu ngày càng cực đoan: mưa giông, lũ lụt, hạn hán, dịch bệnh,... đã ảnh hưởng đến năng suất và sức khỏe của vườn cây.
- Vườn cây cao su tại Lào xa về địa lý, nước bạn Lào không có cảng biển nên chi phí vận chuyển cao hơn các đơn vị trong nước.
- Dự án đầu tư cao su có thời gian thu hồi vốn dài, đầu tư vào những vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới thiếu thốn về hạ tầng lẫn cơ sở an sinh xã hội; quá trình thực hiện đầu tư gặp khá nhiều khó khăn do khác biệt về luật pháp, văn hóa; cơ chế đầu tư nước ngoài còn nhiều bất cập...

Cơ hội:

- Giá cao su giữ mức cao ổn định từ năm 2022 và có thể kéo dài đến 2031 do tình trạng thiếu cung là cơ hội để DRI gia tăng năng lực tài chính, mở rộng đầu tư theo hướng đổi mới công nghệ, gia tăng hàm lượng chất xám, thu được giá trị gia tăng ngày càng cao.
- Nhu cầu tiêu thụ cao su thiên nhiên có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, có trách nhiệm xã hội, bảo vệ môi trường, ... DRI đang trong lộ trình xây dựng Công ty theo hướng PTBV đây là cơ hội để các sản phẩm DRI nhanh chóng đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng mới, tham gia chuỗi cung ứng bền vững toàn cầu.
- Hiệu quả của các gói hỗ trợ cùng với việc phổ cập vaccin giúp tăng trưởng kinh tế tại các nước lớn, Châu Âu,...từ đó tăng cầu đối với cao su; Việc phổ cập vaccin tại Việt Nam và nước bạn Lào hiện nay sẽ hạn chế mức thấp nhất phải thực hiện giãn cách xã hội như những năm qua, tạo đà cho phát triển kinh tế.
- Việt Nam là một trong số những nước ký kết rất nhiều các hiệp định thương mại song phương, đa phương, hỗ trợ rất lớn cho xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam ra thị trường Quốc tế trong đó có mặt hàng cao su.
- Chi phí tài chính của Công ty ngày càng giảm, do nợ vay giảm dần, là cơ hội để tăng tích lũy cho Công ty.

Thách thức:

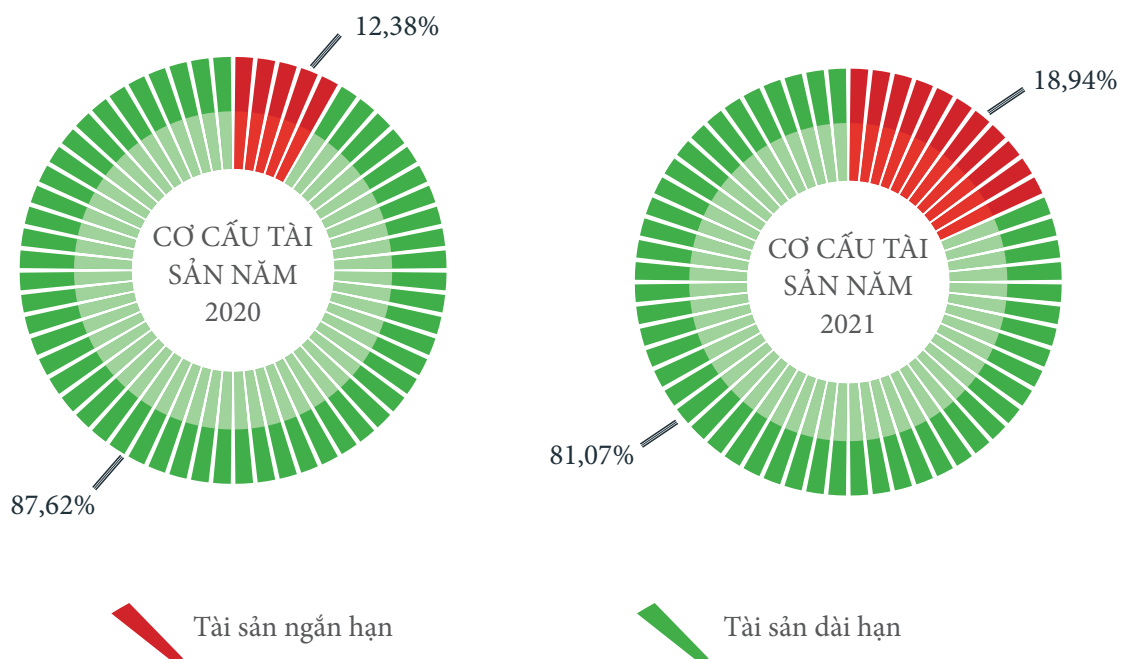
- Tình hình địa chính trị phức tạp, giá dầu, vật tư và phân bón tăng cao, lạm phát tăng, chính sách Zero Covid của Trung Quốc là những yếu tố làm chi phí đầu vào tăng, ảnh hưởng lớn đến logistic và chuỗi cung ứng toàn cầu, tác động tiêu cực đến chỉ tiêu lợi nhuận của Công ty.
- Nhu cầu của khách hàng đối với nguồn nguyên liệu có nguồn gốc rõ ràng, nằm trong chuỗi cung ứng bền vững yêu cầu Doanh nghiệp phải định hướng lại chiến lược phát triển theo hướng bền vững, đây là một thách thức nhưng cũng là cơ hội để Cty mở rộng khách hàng và thị trường, sản xuất bền vững.
- Biến đổi khí hậu làm tăng tỷ lệ sâu bệnh và gây ra các sự kiện thời tiết cực đoan khó lường ảnh hưởng lớn đến năng suất và sản lượng các cây nông nghiệp khác nói chung và cây cao su nói riêng; buộc Công ty phải có giải pháp đó là sản xuất bền vững để tham gia vào chuỗi cung ứng bền vững toàn cầu.
- Nguồn nhân lực hạn chế, cơ sở hạ tầng thấp tại nước bạn Lào là một trở ngại cho việc ứng dụng công nghệ 4.0 trong công tác quản trị Công ty.
- Nguyên liệu thay thế, Xu hướng Thế giới hướng đến dùng các nguyên vật liệu tái chế, bền vững và thân thiện với môi trường từ đó sẽ giảm nhu cầu cao su thiên nhiên.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Cơ cấu tài sản:

Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2020	31/12/2021	Tỷ trọng	
				Năm 2020	Năm 2021
Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	149,399	194,451	12,38%	18,94%
Tài sản dài hạn	Tỷ đồng	1.057,625	832,462	87,62%	81,06%
Tổng Tài sản	Tỷ đồng	1.207,024	1.026,913	100,00%	100,00%

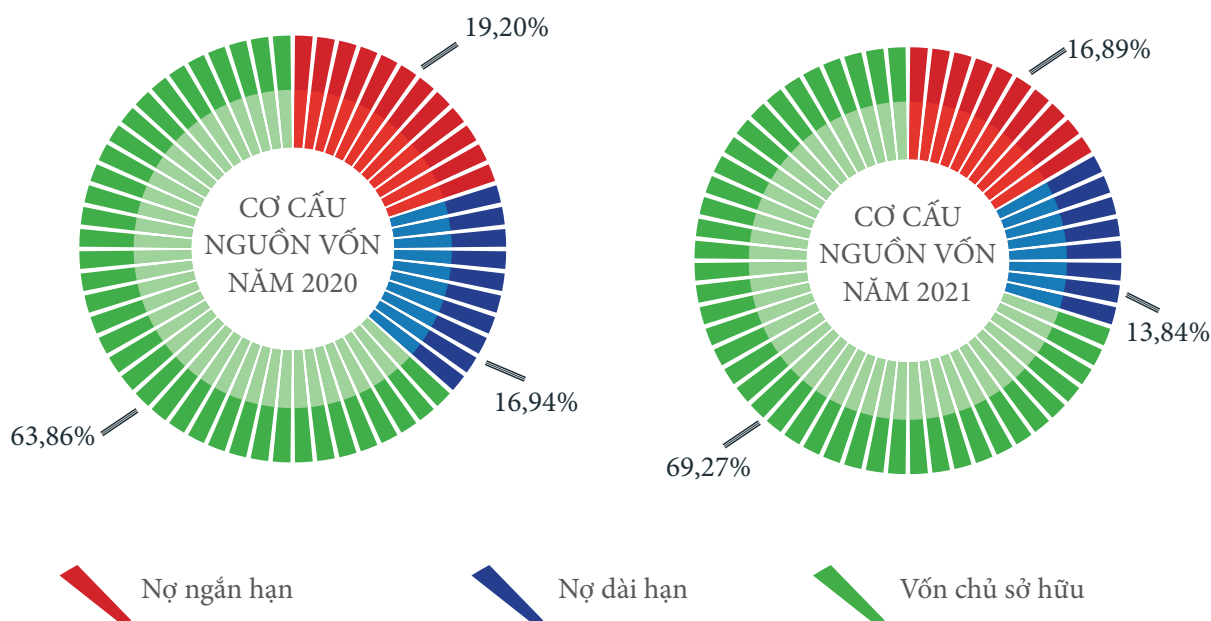
Tổng tài sản giảm 180,111 tỷ đồng do trong năm khoản mục tài sản dài hạn giảm do khấu hao và chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi Báo cáo tài chính của Công ty con ở nước ngoài. Tổng tài sản giảm nhưng tài sản ngắn hạn tăng 30,16%, chủ yếu đến từ khoản mục tiền và tương đương tiền (tăng 252,7%), làm thay đổi cơ cấu tài chính theo chiều hướng tích cực, tạo điều kiện tăng thanh khoản trong kinh doanh.



Cơ cấu nguồn vốn:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2020	31/12/2021	Tỷ trọng	
				Năm 2020	Năm 2021
Nợ ngắn hạn	Tỷ đồng	231,823	173,477	19,20%	16,89%
Nợ dài hạn	Tỷ đồng	204,430	142,133	16,94%	13,84%
Tổng nợ phải trả	Tỷ đồng	436,252	315,610	36,14%	30,73%%
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	770,771	711,302	63,86%	69,27%
Nguồn vốn	Tỷ đồng	1.207,024	1.026,913	100,00%	100,00%

Nhìn chung, tổng nguồn vốn tại 31/12/2021 của DRI giảm, mức giảm chủ yếu đến từ việc Công ty trả bớt nợ vay và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái (trong đầu tư) do chuyển đổi BCTC từ Công ty con tại Lào. Trong năm, Công ty đã trả bớt 126,46 tỷ đồng nợ gốc vay, góp phần đưa tổng số nợ phải trả giảm bớt 120,64 tỷ đồng so với năm 2020.



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Về vườn cây

Vườn cây sinh trưởng phát triển tốt, năng suất cao ổn định trên 1,8 tấn/ha, chất lượng sản phẩm tốt đáp ứng nhu cầu khách hàng và thị trường.

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Năng suất (tấn/ha)	2,37	2,16	1,85	1,8	1,79
Sản lượng (tấn)	18.482,79	18.139,25	15.403	15.206	15.439

Về cơ cấu tổ chức

Bộ máy quản lý gọn nhẹ, đội ngũ cán bộ nhiệt huyết với công việc; Năm 2021 tỷ lệ lao động gián tiếp/tổng lao động là 7,73%.

Xây dựng, ban hành và áp dụng hệ thống các quy trình, các chuẩn mực trong sản xuất và chế biến tích hợp giữa các quy định, quy trình FSC và quy trình quản lý chất lượng theo ISO từ đó giúp cho công tác quản lý ngày càng hiệu quả. Các hoạt động sản xuất kinh doanh phải tuân thủ theo quy định của các tiêu chuẩn quản lý Quốc tế như: tiêu chuẩn ISO 9001:2015; tiêu chuẩn ISO/IEC 17025; Các quy định của FSC.

Giao quyền chủ động cho lãnh đạo các đơn vị để thực hiện một cách linh hoạt kịp thời các kế hoạch của Công ty mà ĐHQĐ, HĐQT giao.

Về quảng bá thương hiệu

- Tham gia các hội trợ triển lãm, các hội nghị khách hàng do Hiệp hội cao su tổ chức, thông qua các tham tán thương mại để quảng bá sản phẩm của Công ty ra nước ngoài.
- Luôn chú trọng chất lượng sản phẩm, duy trì chất lượng ổn định, làm tốt khâu hậu mãi, luôn lắng nghe, đồng hành cùng khách hàng, từng bước củng cố thương hiệu DRI trên thị trường Quốc tế.
- Thực hiện công bố thông tin minh bạch, thực hiện tốt các nghĩa vụ nằm trong các giá trị cốt lõi của Công ty đó là Sự công bằng, Tính trách nhiệm, Tính minh bạch và trách nhiệm giải trình.

Về chiến lược phát triển sản phẩm

Hiện nay công ty đang sản xuất 03 sản phẩm mủ cao su chủ lực là SVR3L, SVR10, và SVRCV60 đáp ứng được nhu cầu khách hàng. Công ty đẩy mạnh việc tiếp thị và sản xuất sản phẩm SVR CV có biên lợi nhuận cao hơn, tỷ trọng sản xuất và bán loại sản phẩm này liên tục tăng trưởng trong các năm qua. Tiếp tục nghiên cứu sản xuất các sản phẩm có giá trị gia tăng cao hơn, nhu cầu khách hàng nhiều hơn và theo công nghệ mới. Đối với sản phẩm trái cây sẽ định hướng đạt tiêu chuẩn VietGap hoặc GlobalGap.

Tập trung cải tiến nâng cao chất lượng sản phẩm và sản xuất ra những sản phẩm có chất lượng ổn định để cung cấp cho khách hàng.



Kế hoạch phát triển trong năm 2022:

Các chỉ tiêu chính

Căn cứ tình hình cung cầu, thay đổi nhu cầu của khách hàng, năng lực sản xuất của Công ty cũng như dự báo về diễn biến sắp tới của nền kinh tế trong và ngoài nước, Ban điều hành xây dựng các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh trong năm 2022 như sau:

- Thu hoạch: 15.500 tấn cao su khô; 209 tấn điều tươi; 3.156 tấn chuối quả.
- Tổng doanh thu là 599.616 triệu đồng.
- Lợi nhuận hợp nhất trước thuế: 102.190 triệu đồng.
- Lợi nhuận sau thuế dự kiến: 79.210 triệu đồng.
- Thu nhập bình quân gián tiếp: 17,62 triệu đồng/người/tháng; trực tiếp là: 5,02 triệu đồng/người/tháng.
- Tỷ lệ chia cổ tức năm 2022: 7% vốn điều lệ.
- Trồng tái canh 151,29 ha cao su đã được thành lý năm 2021.
- Tiếp tục thực hiện Chương trình phát triển cao su bền vững, từng bước hoàn tất các thủ tục pháp lý, các tiêu chuẩn của FSC để tiến tới làm hồ sơ để được cấp chứng chỉ FSC-FM cho sản phẩm gỗ, mù của Daklaoruco, FSC-CoC cho Nhà máy Chế biến mù Daklaoruco và thương mại của DRI.
- Chuyển sàn giao dịch cho cổ phiếu của Công ty từ UPCOM sang HNX.
- Tập trung chăm sóc vườn sầu riêng tại Công ty NNCNC DRI theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP và có định danh vùng trồng, đảm bảo sản phẩm tiêu thụ thuận lợi.



Căn cứ hoàn thành kế hoạch

- Chỉ đạo công tác chăm sóc vườn cây và tăng cường quản lý kỹ thuật vườn cây khai thác đảm bảo quy trình kỹ thuật sản xuất, tổ chức sản xuất, bố trí lao động hợp lý và tiếp tục thực hiện các chính sách đối với người lao động.
- Thực hiện tốt việc kiểm soát chi phí nhằm đảm bảo giá thành sản xuất.
- Cân đối nguồn vốn và thực hiện các giải pháp tài chính nhằm đảm bảo dòng tiền để duy trì mọi hoạt động SXKD trong năm 2022 của toàn công ty.
- Nâng cao chất lượng sản phẩm, cố gắng đảm bảo chỉ tiêu xuất khẩu mù cao su đạt 65% trên tổng lượng hàng xuất bán.
- Nắm bắt thị trường để thực hiện công tác bán hàng một cách hợp lý và hiệu quả trên cơ sở những quy định của công ty.
- Điều hành Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao DRI hoàn thành kế hoạch sản lượng chuối, kiểm soát tốt giá thành sản xuất và đa dạng hóa thị trường để đảm bảo giá bán theo kế hoạch; chú trọng chăm sóc vườn sầu riêng đạt hiệu quả sinh trưởng phát triển tốt hơn, để đưa 70ha vườn KTCB vào kinh doanh năm 2023.
- Chỉ đạo Daklaoruco thực hiện kế hoạch Phát triển bền vững theo chủ trương của HĐQT, phấn đấu hoàn thành chứng nhận ISO về môi trường, hướng tới mục tiêu được cấp chứng chỉ FSC cho vườn cao su tại Daklaoruco, nhà máy chế biến mù cao su tại Lào và mảng thương mại cho DRI.
- Tuân thủ các quy định theo tiêu chuẩn ISO 9001 hiện hành về Hệ thống quản lý và ISO/IEC 17025 trong kiểm tra chất lượng sản phẩm.

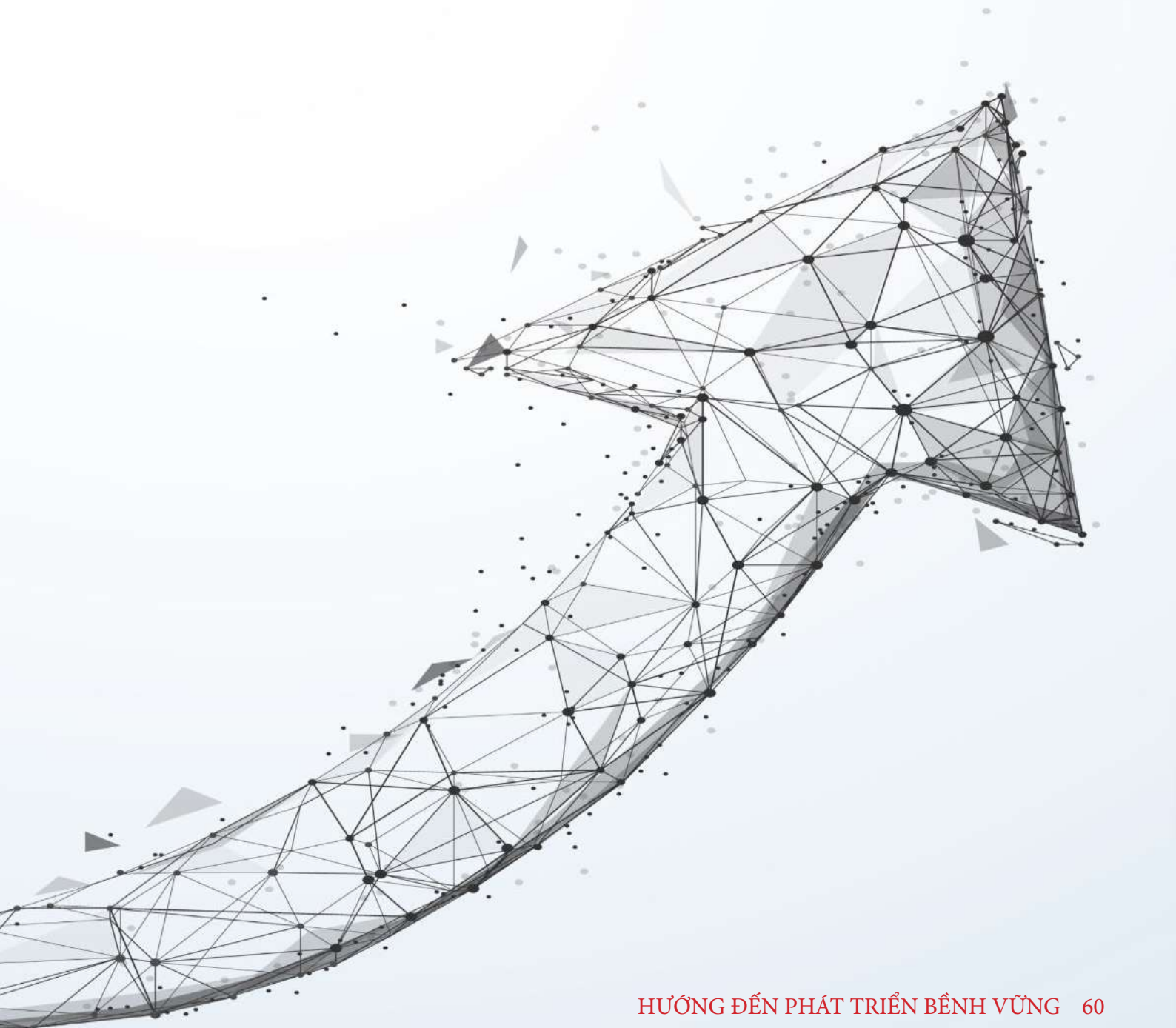


GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỀ Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Ý kiến của Kiểm toán:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.





04 BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của HĐQT đối với thị trường cao su thế giới

Môi trường kinh tế vĩ mô và Hiệu quả của các chính sách tác động đến thị trường cao su

Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty

Kế hoạch và định hướng của HĐQT



DRI



DÁNH GIÁ CỦA HĐQT ĐỐI VỚI THỊ TRƯỜNG CAO SU THẾ GIỚI

Năm 2021, dù gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 nhưng các doanh nghiệp trong ngành cao su vẫn đạt kết quả tốt. Nhu cầu thị trường gia tăng và giá cả xuất hàng ra thế giới cũng đạt mức cao nhất trong 10 năm với kim ngạch xuất khẩu đạt mức 3 tỷ USD bất chấp dịch bệnh vẫn diễn biến phức tạp trên toàn cầu.

Năm 2022 Theo dự báo của các chuyên gia, triển vọng nhu cầu về cao su tự nhiên của thế giới sẽ tăng lên trong thời gian tới. Việc mở lại biên giới quốc tế của một số quốc gia và nối lại các hoạt động kinh tế đã góp phần đáng kể vào sự phục hồi nhu cầu tiêu dùng cao su trong năm 2022. Vì vậy, triển vọng ngành cao su năm 2022 giá bán sẽ tiếp tục giữ ở mức như năm vừa qua.

Bên cạnh ảnh hưởng của giá dầu thô tăng, giá cao su cũng đang hưởng lợi từ chênh lệch cung cầu. Theo ước tính của Hiệp hội các nước sản xuất cao su tự nhiên, sản lượng cao su toàn cầu trong năm 2022 có thể đạt 14,55 triệu tấn trong khi nhu cầu tiêu thụ có thể lên đến 14,8 triệu tấn tăng từ 4%-5% so với năm 2021.

Trong giai đoạn từ 2022 - 2024 được dự báo là chu kỳ tăng mạnh của giá cao su do nguồn cung đang giảm dần do diện tích vườn cao su giảm và ảnh hưởng của biến đổi khí hậu. Đây là cơ hội cho xuất khẩu cao su của Việt Nam có thể tiếp tục được hưởng lợi về giá.

Ngoài ra, việc đạt được giá cả xuất khẩu tốt, là do chất lượng các vườn cao su trong cả nước đang được nâng lên, đạt chuẩn quy định của ngành. Nhiều vườn cao su của công ty, thậm chí vườn cao su tiểu điền của người dân, đều được thay đổi theo hướng áp dụng khoa học công nghệ vào sản xuất. Hiệp hội Cao su Việt Nam đang đẩy mạnh việc cấp nhãn hiệu chứng nhận Cao su Việt Nam/Việt Nam Rubber. Đây là một trong những việc làm cần thiết bên cạnh việc nâng chất lượng trồng và chế biến cao su nhằm hướng đến xây dựng thương hiệu cho cao su Việt.

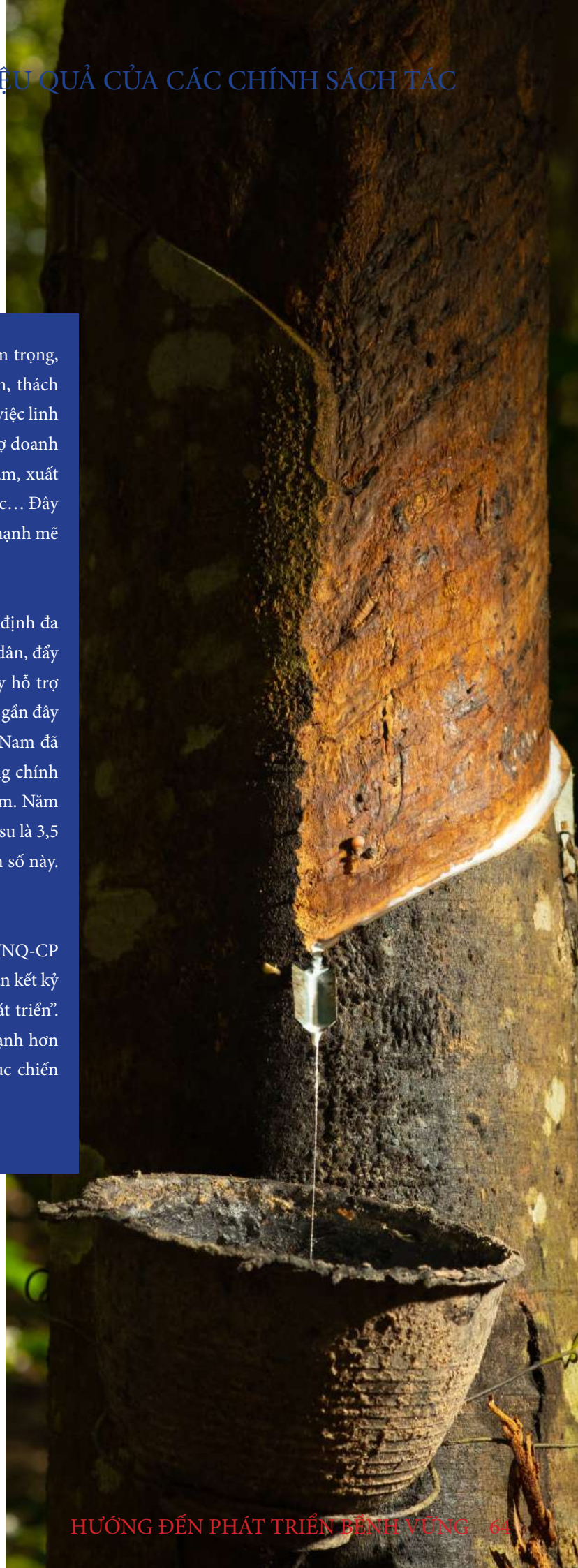


MÔI TRƯỜNG KINH TẾ VĨ MÔ VÀ HIỆU QUẢ CỦA CÁC CHÍNH SÁCH TÁC ĐỘNG ĐẾN THỊ TRƯỜNG CAO SU

Năm 2021, mặc dù dịch bệnh diễn biến phức tạp và nghiêm trọng, dẫn tới kinh tế Việt Nam phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức nhưng nhờ việc đẩy nhanh tiến trình bao phủ vaccine, việc linh hoạt điều chỉnh chiến lược chống dịch, các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và người dân, lạm phát ở mức thấp nhất trong 6 năm, xuất nhập khẩu đạt mức kỷ lục, thu hút đầu tư nước ngoài hồi phục... Đây là tiền đề quan trọng giúp nền kinh tế hồi phục và bật tăng mạnh mẽ trong năm 2022.

Trong những năm qua Chính phủ đã ký rất nhiều các hiệp định đa phương, song phương với mục đích tạo việc làm cho người dân, đẩy mạnh xuất nhập khẩu. Hiệu quả của những chính sách này hỗ trợ rất nhiều cho các doanh nghiệp mà cụ thể trong những năm gần đây nước ta luôn có thặng dư thương mại, xuất khẩu của Việt Nam đã có một bước tiến lớn, cao su cũng được hưởng lợi từ những chính sách này với kim ngạch xuất khẩu đều tăng trưởng hàng năm. Năm 2022, Bộ NN&PTNT đặt kế hoạch kim ngạch xuất khẩu cao su là 3,5 tỷ USD, tăng 16,7% so năm 2021 nhưng dự kiến sẽ vượt con số này. (Báo Lao động online số ngày 9/1/2022)

Bước vào năm 2022, Chính phủ ban hành Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 8/1/2022 đưa ra chủ đề điều hành của năm mới là “Đoàn kết kỷ cương, chủ động thích ứng, an toàn hiệu quả, phục hồi phát triển”. Các hoạt động kinh tế - xã hội được dự báo sẽ phục hồi mạnh hơn khi dịch bệnh được kiểm soát tốt hơn và Việt Nam tiếp tục chiến lược sống chung an toàn với Covid-19.



Đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu chính trong năm 2021:

Năm 2021 dưới ảnh hưởng của làn sóng dịch Covid-19 lần thứ 4, việc giãn cách xã hội thực hiện kéo dài hơn, tình trạng thiếu container rỗng, thiếu tàu, tình hình thời tiết cực đoan, giông lốc, chính sách tiền tệ của nước Lào là những yếu tố tác động đến kết quả kinh doanh của DRI trong năm 2021. Tuy nhiên với sự chỉ đạo sát sao của HĐQT, sự nỗ lực của tập thể CBCNV DRI và đặc biệt sự cố gắng vượt qua mọi khó khăn của đội ngũ cán bộ công nhân viên, người lao động tại Daklaoruco, DRI đã gặt hái được kết quả kinh doanh ấn tượng với chỉ tiêu doanh thu đạt 101,9% kế hoạch và 135,4 % so cùng kỳ, lợi nhuận đạt 191,8% kế hoạch và 342,1 % so cùng kỳ, tỷ lệ xuất khẩu 65,59%, đạt 100,91% so kế hoạch và 104,31% so cùng kỳ. Bảo toàn được nguồn vốn và tình hình tài chính lành mạnh là những tiền đề để DRI hoàn thành tốt các chỉ tiêu năm 2022.

Nhận định việc thực hiện các chỉ tiêu năm 2022:

Năm 2022 dự báo sẽ còn những khó khăn, thách thức đối với ngành cao su nói chung và DRI nói riêng khi tình trạng thiếu container rỗng, thiếu tàu vẫn còn, tình hình lạm phát tại các nước lớn, cuộc chiến Nga-Ucraina,... đã đẩy giá dầu và các hàng thiết yếu tăng mạnh kéo theo chi phí sản xuất của các doanh nghiệp cũng tăng theo vì vậy dự phóng giá thành năm 2022 sẽ tăng cao hơn so năm 2021, nếu sản lượng khai thác dừng ở mức hoàn thành kế hoạch.

Đặc thù cao su là cây trồng chịu rủi ro bởi yếu tố khí hậu thời tiết, những năm gần đây do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, tình hình thời tiết ngày càng cực đoan là những yếu tố ảnh hưởng đến sản lượng khai thác từ đó ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của DRI.

Ngoài ra tình trạng thiếu hụt lao động gián tiếp tại Daklaoruco, các chính sách tài chính tiền tệ của Việt Nam, Lào, tình hình kinh tế vĩ mô,... là những yếu tố sẽ có tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của DRI.

Bên cạnh những thách thức thì ngành cao su nói chung và DRI cũng có những điểm sáng khi giá cao su dự báo sẽ còn tăng do nhiều yếu tố trong đó có yếu tố chính là thiếu cung. Vườn cao su của DRI đều đang trong chu kỳ kinh doanh ổn định, tỷ lệ xuất khẩu cao, DRI đang trong lộ trình chuyển đổi công ty theo hướng phát triển bền vững đáp ứng nhu cầu cao của khách hàng nhất là khách hàng Mỹ, EU,... là những điểm tích cực trong năm 2022 và những năm tiếp theo.

Về trách nhiệm môi trường và Xã hội:

Năm 2021 do tình hình dịch bệnh tình trạng giãn cách xã hội và đóng cửa biên giới liên tục dẫn đến nhiều hạng mục trong kế hoạch phát triển bền vững đã không thực hiện được. Trong bối cảnh khó khăn chung, DRI ngoài việc duy trì các nội dung đã thực hiện theo kế hoạch còn nỗ lực thực hiện các nội dung trong kế hoạch PTBV theo hình thức online và offline phù hợp với từng thời điểm, theo đó nhiều nội dung đã được triển khai như: xây dựng được bộ khung phương án phát triển rừng bền vững, hoàn thiện các quy trình liên quan đến cộng đồng, người lao động, hệ thống môi trường ISO 14.000,...

Tại phiên họp ngày 29/12/2021 HĐQT đã ban hành nghị quyết thông qua việc thuê tư vấn thực hiện các hướng dẫn để tiến tới được cấp chứng nhận FSC/FM cho diện tích cao su tại Lào, chứng nhận FSC/CoC cho nhà máy chế biến mủ cao su và FSC/CoC cho mảng thương mại của DRI để đáp ứng yêu cầu của những thị trường cao cấp như EU, Mỹ,... bộ tiêu chuẩn này được nhiều thị trường và khách hàng chấp nhận có thể đem lại giá trị cao nhất cho sản phẩm khi đáp ứng tốt nhất các yêu cầu về môi trường và xã hội. Đây cũng là mục tiêu nhằm đưa sản phẩm cao su của DRI đủ vị thế cạnh tranh trên thị trường Quốc tế cũng như đáp ứng các tiêu chí rừng bền vững, tuân thủ yêu cầu của các nhà nhập khẩu sản phẩm cao su Việt Nam trong tương lai gần.

DRI cũng chuẩn bị xây dựng tiêu chuẩn VietGap, Global-gap cho sản phẩm Quả sầu riêng xuất khẩu và bán nội địa. Khi đạt được những chứng nhận này đồng nghĩa với việc DRI cam kết thực hiện các trách nhiệm về môi trường và xã hội theo quy định của bộ tiêu chuẩn đề ra.

Về hoạt động của Ban Tổng giám đốc:

Các hoạt động của Ban Tổng giám đốc tuân thủ đúng quy định của Pháp luật, điều lệ và các quy chế quản lý nội bộ Công ty; Đã điều hành Công ty hoàn thành tốt nhất ở mức có thể các chỉ tiêu chính, nhiệm vụ mà ĐHCĐ, HĐQT giao; thường xuyên xin ý kiến HĐQT về mặt chủ trương đối với những vấn đề vượt thẩm quyền, tham mưu cho HĐQT những giải pháp góp phần vào sự phát triển chung của Công ty.

KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Định hướng của HĐQT

- Đẩy mạnh công tác tuyển dụng nhân sự quản lý các cấp tại Daklaoruco, theo hướng đảm bảo tính ổn định, kế thừa.
- Chỉ đạo sát sao Ban điều hành tổ chức sản xuất, thực hiện tốt các chỉ tiêu mà ĐHĐCĐ giao, tạo lợi nhuận tích lũy, đảm bảo nguồn tài chính bền vững cho Công ty. Duy trì việc chia cổ tức ổn định cho cổ đông.
- Kiên định với mục tiêu phát triển bền vững, phát triển kinh tế trên quan điểm trách nhiệm với môi trường và xã hội, hướng đến những thị trường cao cấp như Mỹ, EU, Hàn quốc,...với tỷ lệ xuất khẩu ổn định 65% trên tổng lượng hàng tiêu thụ hàng năm. Gia tăng sản lượng mủ SVR CV trong cơ cấu sản phẩm mủ cao su.
- Phấn đấu hệ thống quản lý môi trường được chứng nhận theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015 trong năm 2022. Tiếp tục hợp tác với các tổ chức phi chính phủ, các hiệp hội, tổ chức khoa học kỹ thuật,...triển khai lộ trình xây dựng công ty theo hướng PTBV như kế hoạch đề ra.
- Chuyển sàn giao dịch từ UpCom sang HNX, nâng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa lên 50% nhằm thu hút thêm những nhà đầu tư ngoài nước.
- Tập trung chăm sóc thâm canh vườn sầu riêng, xây dựng sản phẩm sầu riêng đạt tiêu chuẩn VietGap, GlobalGap đáp ứng nhu cầu xuất khẩu và bán siêu thị trọng nước.
- Triển khai phương án thanh lý vườn cây cao su kém hiệu quả tại Daklaoruco, theo Phương án đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 thông qua, trên cơ sở linh hoạt, phù hợp với tình hình tài chính của Công ty trong từng giai đoạn, có kế hoạch chuẩn bị nguồn vốn để tái canh hiệu quả.



Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Tiếp tục chỉ đạo Chương trình phát triển cao su bền vững, từng bước hoàn thiện các thủ tục pháp lý và các tiêu chuẩn của FSC và xin cấp Chứng chỉ rừng Quốc tế FSC FM/CoC cho gỗ và mủ cao su tại Công ty TNHH cao su Đắc Lắc, tỉnh Champasak, CHDCND Lào trực thuộc DRI và FSC CoC thương mại cho DRI, khi đủ điều kiện; Phấn đấu đến năm 2025 sẽ được cấp chứng chỉ FSC.
- Tiếp tục nâng cao chất lượng sản phẩm, mẫu mã, bao bì, tăng cường công tác quảng cáo tiếp thị mở rộng thị trường, khách hàng, từng bước xây dựng thương hiệu DRI có uy tín trên thị trường thế giới.
- Nghiên cứu sản xuất thêm sản phẩm có giá trị gia tăng cao hơn như sản phẩm CV, SVR10 công nghệ mới nhằm tạo thế chủ động, khi thị trường cần mặt hàng nào thì DRI luôn trong tâm thế chủ động sản xuất và tiêu thụ.
- Chú trọng công tác đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, nhất là cán bộ quản lý, có kế hoạch tuyển dụng và đào tạo đội ngũ lao động gián tiếp là người Lào nhằm dần thay thế người Việt Nam làm việc tại nước bạn.
- Hàng năm từ nguồn lợi nhuận thực hiện trích lập các quỹ trong đó có nguồn quỹ đầu tư phát triển nhằm đảm bảo cho kế hoạch tái canh vườn cao su của DRI sau này và duy trì việc chia cổ tức ổn định cho các cổ đông.
- Triển khai Kế hoạch khai thác, thanh lý và trồng tái canh vườn cao su kém hiệu quả, phù hợp với thời hạn của hợp đồng tô nhượng đất với Chính phủ Lào. Định hướng xây dựng xưởng sơ chế gỗ tại Daklaoruco để tận dụng cây cao su trong thời kỳ thanh lý, nếu tính hiệu quả cao.

Các biện pháp thực hiện

- Thực hiện tốt quy trình kỹ thuật, đảm bảo sự sinh trưởng phát triển của vườn cây cao su, đảm bảo thời gian khai thác tối ưu, cho năng suất cao, ổn định; đẩy mạnh công tác chế biến, nâng cao chất lượng, mẫu mã sản phẩm mủ cao su, từng bước xây dựng thương hiệu DRI-Daklaoruco trở thành thương hiệu được nhiều thị trường trên thế giới biết đến.
- Duy trì bộ máy quản lý gọn nhẹ trên cơ sở nâng cao năng lực đội ngũ CBCNV tại công ty mẹ và công ty con Daklaoruco, Chú trọng bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn lao động, đảm bảo đời sống và thu nhập cho người lao động. Làm tốt công tác quản lý, quản trị tốt giá thành nhằm tối đa hóa lợi nhuận của cổ đông.
- Xây dựng lộ trình, kế hoạch phấn đấu đến năm 2025 được cấp chứng nhận rừng cao su bền vững theo tiêu chuẩn chứng chỉ rừng quốc tế (FSC) cho toàn bộ diện tích vườn cao su tại Daklaoruco, theo dõi giám sát việc triển khai kế hoạch, nếu dịch Covid -19 được ngăn chặn hiệu quả.
- Phát triển thêm dự án mới, đầu tư vào các lĩnh vực mà công ty có ưu thế, nguồn vốn đầu tư từ nguồn vốn Điều lệ mà hiện tại Công ty đang cho Daklaoruco vay để đầu tư trồng cao su tại Lào và nguồn vốn trích hàng năm từ Quỹ đầu tư phát triển khi công ty có lợi nhuận. Đối với những dự án hiệu quả, khả năng sinh lời cao DRI sẽ có kế hoạch thu hút nguồn vốn đầu tư từ các cổ đông là tổ chức, cá nhân.
- Thực hiện việc thanh lý những vườn cao su kém hiệu quả tại Daklaoruco và thực hiện xây dựng vườn nhân giống cao su; trồng tái canh theo phương án được ĐHĐCĐ thường niên 2021 thông qua; gắn với đầu tư nhà máy chế biến gỗ cao su xuất khẩu.



05 BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Mục tiêu phát triển bền vững

Nguyên tắc phát triển bền vững

Chiến lược phát triển bền vững ngắn hạn, trung hạn và dài hạn

Phương thức tiếp nhận và ghi nhận ý kiến phản hồi của các bên liên quan

Phát triển bền vững hướng tới tiệm cận với các chỉ tiêu Phát triển bền, vững của LHQ

Vai trò và trách nhiệm của các cấp quản lý trong việc triển khai phát triển bền vững của Doanh nghiệp



DRI



MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Hiệu quả về kinh tế- Bảo vệ môi trường- Trách nhiệm xã hội mà cụ thể là Đảm bảo hài hòa lợi ích của các bên liên quan gồm:

- **Doanh nghiệp:** Sản xuất kinh doanh có hiệu quả.
- **Khách hàng:** Tuân thủ cam kết, cung cấp cho khách hàng sản phẩm có chất lượng ổn định, đa dạng, làm tốt hậu mãi.
- **Nhà đầu tư:** Sử dụng hiệu quả tài sản, nguồn lực, cung cấp thông tin kịp thời, chính xác. Đảm bảo lợi ích của cổ đông.
- **Người lao động:** có cơ hội được đào tạo, phát triển nghề nghiệp, tự do tham gia hiệp hội đoàn thể được nhà nước cho phép, trả lương đầy đủ, đúng hạn, thực hiện tốt các chế độ đãi ngộ khác.
- **Nhà cung cấp:** Thỏa thuận công bằng, hướng tới lựa chọn nhà cung cấp cùng chí hướng về PTBV để xây dựng chuỗi cung ứng toàn diện về PTBV.
- **Môi trường, xã hội, cộng đồng:** Sử dụng hiệu quả tài nguyên, thực hiện tốt an sinh xã hội, thường xuyên tham vấn cộng đồng về các vấn đề liên quan, hỗ trợ cộng đồng.
- **Cơ quan quản lý nhà nước:** Tuân thủ pháp luật, thực hiện tốt nghĩa vụ nộp ngân sách, cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời theo yêu cầu.

NGUYÊN TẮC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- **Trách nhiệm:** Tuân thủ pháp luật của VN và các quốc gia mà DRI đầu tư, Công nhận quyền lợi của các bên liên quan theo quy định của Pháp luật.
- **Trách nhiệm Giải trình:** Đảm bảo việc hoạch định chiến lược cho Công ty, thực thi việc giám sát có hiệu quả hoạt động của HĐQT, đảm bảo việc giải trình của HĐQT đối với cổ đông và các bên liên quan.
- **Công bằng:** Đối xử công bằng với tất cả cổ đông kể cả cổ đông nhỏ lẻ.
- **Bền vững:** Đảm bảo lợi ích bền vững cho các bên liên quan, đảm bảo hài hòa giữa phát triển công ty và phát triển kinh tế - xã hội và môi trường.
- **Minh bạch:** Đảm bảo việc công khai thông tin về các vấn đề liên quan tới doanh nghiệp theo quy định, kịp thời và chính xác. Ngoài việc công bố thông tin theo quy định của thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính, DRI còn chủ động công bố những thông tin liên quan đến hoạt động của Công ty hàng tháng để các nhà đầu tư biết. Năm 2020, HĐQT Công ty đã ban hành Quy chế nội bộ về Lựa chọn nhà thầu mua sắm trong hoạt động SXKD và duy trì hoạt động thường xuyên của Công ty DRI và các công ty con, qua đó đảm bảo hoạt động của Công ty ngày một minh bạch, hiệu quả hơn. Năm 2021, Công ty đã hoàn tất việc biên soạn Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, quy chế hoạt động của HĐQT, BKS, phù hợp với Luật DN 2020 và Luật chứng khoán 2019 để trình ĐHCĐ thông qua đồng thời HĐQT cũng ban hành các quy chế để phù hợp với điều lệ, quy chế quản trị nội bộ và các văn bản pháp luật hiện hành khác như: Quy chế quản lý tài chính, Quy chế Công bố thông tin, Quy chế cử người đại diện phần vốn của DRI tại doanh nghiệp khác...

Ngắn hạn (năm 2021)

Do tình hình dịch bệnh Covid nhiều nội dung không triển khai được, Ban điều hành tiếp tục thực hiện một số nội dung có thể thực hiện offline theo kế hoạch mà HĐQT ban hành, cụ thể như:

- Cập nhật và lập danh mục các quy định của Công ước quốc tế, nước CHDCND Lào liên quan đến hoạt động của Công ty, xây dựng các quy trình theo yêu cầu của FSC, xây dựng phương án PTBV.
- Rà soát đất đai, hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải.
- Biên soạn các quy trình theo yêu cầu của FSC và triển khai áp dụng: Quy định về tham vấn cộng đồng, xử lý khiếu nại, các chính sách về lao động.
- Xây dựng phương án Phát triển bền vững,...; Xây dựng môi trường làm việc an toàn.
- Công khai, minh bạch thông tin.
- Tranh thủ sự hỗ trợ của các tổ chức NGOs: PanNature, Forestrends, FSC Việt Nam, VRA... hỗ trợ khảo sát đánh giá và định hướng phát triển bền vững của Công ty.

Giai đoạn 2022 - 2025 tầm nhìn 2054

- Được cấp ISO 14000 cho hệ thống quản lý môi trường.
- Xây dựng Phương án Quản lý rừng bền vững, hướng tới đáp ứng các tiêu chí của FSC; lập bản đồ số cho vườn cao su của Daklaoruco.
- Được chứng nhận FSC-FM cho diện tích cao su đạt chuẩn bao gồm cả sản phẩm mủ và gỗ cao su; Chứng chỉ FSC-CoC cho Nhà máy Chế biến mủ tại Daklaoruco và lĩnh vực thương mại của DRI.
- Duy trì các hoạt động của công ty theo các quy định của FSC và thường xuyên cập nhật các quy định mới của FSC, công ước quốc tế để cải tiến hệ thống ngày một hiệu quả hơn.
- Được cấp chứng nhận tiêu chuẩn Viet-Gap hoặc GlobalGap và xuất xứ hàng hóa cho sản phẩm trái sầu riêng.
- Tiếp tục tranh thủ sự hỗ trợ của các tổ chức NGOs trong quá trình thực hiện Chương trình phát triển bền vững.

PHƯƠNG THỨC TIẾP CẬN VÀ GHI NHẬN Ý KIẾN PHẢN HỒI CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

- **Cổ đông/nhà đầu tư:** Gặp gỡ trực tiếp, thông qua ĐHĐCĐ, fanpage, Website;
- **Người Lao động:** Gặp trực tiếp, hội nghị người lao động, các chương trình đào tạo, tổ chức công đoàn, số hotline;
- **Khách hàng:** Thông qua đội ngũ bán hàng, gặp gỡ trực tiếp khách hàng, trao đổi online, các buổi gặp mặt khách hàng hàng năm do Hiệp hội cao su tổ chức hoặc các hội nghị, hội chợ xúc tiến thương mại trong nước và quốc tế;
- **Đối tác/nhà cung cấp:** Gặp gỡ trực tiếp;
- **Cộng đồng:** Bản trường, tham gia họp cộng đồng, các buổi tham vấn cộng đồng, công khai số điện thoại hotline;
- **Cơ quan quản lý:** Thông qua các buổi họp, gặp mặt do Chính phủ, các Bộ, Sở Ban ngành, Hiệp hội Cao su Lào, Hiệp hội Cao su Việt Nam, Hiệp hội Trái cây Việt nam tổ chức, trao đổi thông tin qua đường văn bản,...



PHƯƠNG THỨC TIẾP CẬN VÀ GHI NHẬN Ý KIẾN PHẢN HỒI CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

Hành động cụ thể

Các bên liên quan	Các nội dung được quan tâm	Hành động của DRI năm 2021	Kết quả
	Hoạt động kinh doanh tăng trưởng bền vững hiệu quả	<p>Quản trị tốt giá thành, linh hoạt trong điều hành sxkd trong bối cảnh dịch bệnh covid tác động tiêu cực đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp;</p> <p>Điều chỉnh các chính sách hỗ trợ người lao động;</p> <p>Tăng đầu tư phân bón cho vườn cây;</p> <p>Tăng cường tỷ lệ xuất khẩu, gia tăng tỷ trọng sản xuất và bán hàng CV là loại hàng có giá trị gia tăng cao.</p>	<p>Trong khó khăn chung DRI đã nỗ lực không những duy trì mà còn tăng trưởng tỷ lệ xuất khẩu, Doanh thu và lợi nhuận đều vượt kế hoạch trong đó chỉ tiêu lợi nhuận đã vượt 91,8% kế hoạch đề ra.</p> <p>Chi trả cổ tức cho cổ đông cao hơn kế hoạch (140%KH);</p> <p>Hàng tháng đều công bố thông tin về tình hình hoạt động của Cty trên Website, Fanpage DRI.</p>
Cổ đông/ Nhà đầu tư	Đối xử bình đẳng và đảm bảo quyền lợi cổ đông	<p>Thông tin về đại hội đồng cổ đông, về các nghị quyết của HĐQT, về tình hình kinh doanh của công ty đều được công bố công khai tới tất cả các cổ đông;</p> <p>Các kiến nghị của cổ đông đều được tiếp thu và phản hồi kịp thời tại các kỳ ĐHCĐ hoặc trả lời bằng văn bản/email khi cổ đông gửi kiến nghị tới Công</p>	<p>Cung cấp thông tin về hoạt động của Cty hàng tháng;</p> <p>Xây dựng trang fanpage DRI để cập nhật thông tin đến các cổ đông nhanh nhất;</p> <p>Trong năm không có khiếu nại của cổ đông về các vấn đề liên quan đến quyền lợi của cổ đông cũng như những thắc mắc, cần giải trình về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;</p>
	Tuân thủ pháp luật. thông tin minh bạch	<p>Hoạt động sản xuất kinh doanh tuân thủ luật pháp;</p> <p>Đảm bảo các quy định về công bố thông tin và duy trì việc công bố thông tin theo quy chế;</p> <p>Cải tạo nâng cấp website theo hướng để cổ đông dễ dàng truy cập và tìm kiếm thông tin khi cần thiết.</p>	<p>Trong năm 2021 Công ty ko vi phạm các quy định liên quan đến pháp luật;</p> <p>Ban hành Quy chế công bố thông tin theo quy định của Thông tư 96/2020/TT-BTC</p>

Các bên liên quan	Các nội dung được quan tâm	Hành động của DRI năm 2021	Kết quả
Khách hàng	Chất lượng sản phẩm ổn định, đáp ứng nhu cầu khách hàng;	Không ngừng cải tiến chất lượng SP, giảm khiếu nại của khách hàng về sản phẩm và dịch vụ của Cty;	Sản phẩm đã xâm nhập vào những thị trường khó tính như Mỹ, EU,...
	Tăng cường chỉ tiêu xuất khẩu;	Tích cực tìm kiếm khách hàng, gia tăng bán sản phẩm SVR CV là những loại cao cấp có giá trị giá tăng cao;	Năm 2021: Tỷ lệ xuất khẩu 65,59 % đạt 100,91 % kế hoạch và 104,31 % so năm 2020. Trong đó hàng SVRCV, chiếm tỷ lệ 13,89 % tổng sản lượng xuất bán, tăng 76% khối lượng so với năm 2020;
	Không ngừng mở rộng thị trường.	Hàng năm bảo dưỡng máy móc thiết bị và trang bị các thiết bị đảm bảo chất lượng sản phẩm ổn định.	Trong năm không có khiếu nại nào của khách hàng về sản phẩm và dịch vụ của Công ty.
Người lao động	Môi trường làm việc năng động, chuyên nghiệp;		Trong năm 2021 do ảnh hưởng của dịch bệnh nhiều chương trình đào tạo phải dừng lại, một số chương trình chuyển qua đào tạo online, trong năm Công ty đã đào tạo 3.082 lượt về đào tạo thợ cạo, tay nghề khai thác, đánh giá nội bộ hệ thống quản lý môi trường, chuyển đổi hệ thống kế toán,...
	Chế độ đãi ngộ tốt;	Phân quyền và trách nhiệm cho nhân viên;	Mức lương bình quân trả cho người lao động năm 2021 đối với gián tiếp là 16,71 triệu đồng/người/tháng tăng 9,57% so với kế hoạch; lao động trực tiếp bình quân là 5,03 triệu đồng/ng/tháng đạt 88% so kế hoạch do Công nhân trực tiếp nhận lương khoán theo sản phẩm, khi sản lượng không hoàn thành kéo theo thu nhập giảm tương ứng, tuy nhiên mức thu nhập này cũng cao hơn so với mức thu nhập chung bình quân của người Lào tại thời điểm.
	Cơ hội đào tạo, phát triển nghề nghiệp;	Đảm bảo chế độ lương, thưởng và các chế độ BH khác; hỗ trợ kinh phí khi tình hình dịch bệnh Covid-19 xảy ra;	CBCNV được tham gia đầy đủ các khoản BHXH, YT, BHCN
	Thường xuyên tuyển dụng cán bộ chuyên môn nghiệp vụ, trong đó có chú trọng người Lào.	Được tham gia các khóa đào tạo nâng cao kiến thức, kỹ năng làm việc.	

PHƯƠNG THỨC TIẾP CẬN VÀ GHI NHẬN Ý KIẾN PHẢN HỒI CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan	Các nội dung được quan tâm	Hành động của DRI năm 2021	Kết quả
Cộng đồng	Hỗ trợ sinh kế cho cộng đồng; Tham gia đóng góp xây dựng hạ tầng kinh tế-xã hội địa phương.	Ưu tiên tuyển dụng người dân trong vùng dự án để tạo sinh kế ổn định và lâu dài cho người dân; Tại mỗi Nông trường đều có trạm y tế của Công ty để hỗ trợ sơ cứu ban đầu, tham gia cùng y tế địa phương về tuyên truyền phòng chống bệnh dịch; Hỗ trợ hỗ trợ công tác phòng chống dịch Covid	Tạo công ăn việc làm ổn định cho hơn 2.220 công nhân người Lào, trong đó có cộng đồng dân cư tại dự án; Năm 2021, Công ty hỗ trợ địa phương trang công tác phòng chống dịch Covid-19, xây dựng sửa chữa trường học,.. số tiền khoảng 470 triệu đồng
	Hoạt động sản xuất kinh doanh có trách nhiệm, bảo vệ môi trường.	Hỗ trợ địa phương làm đường. Đầu tư hệ thống xử lý nước thải tại nhà máy chế biến; Thuê tư vấn xây dựng hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14.001; Sử dụng tiết kiệm năng lượng và nhiên liệu, tái chế nguyên vật liệu; tái sử dụng nước...	Công ty đầu tư hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo nước thải đạt chuẩn khi xả thải ra môi trường; Đang thực hiện xây dựng hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14.001 phấn đấu năm 2022 được chứng nhận.
	Đối tác /nhà cung cấp	Đối xử công bằng. Có chỉ tiêu đánh giá rõ ràng; Tôn trọng cam kết.	Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá nhà cung ứng, công khai minh bạch; Thực hiện đúng hợp đồng cam kết; HĐQT Công ty đã ban hành Quy chế nội bộ về Lựa chọn nhà thầu mua sắm trong hoạt động SXKD và duy trì hoạt động thường xuyên của Công ty DRI và các công ty con.
Cơ quan quản lý	Thực hiện đúng pháp luật trong sản xuất kinh doanh Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp ngân sách, thuế		Không bị xử phạt do vi phạm pháp luật; Thực hiện nộp ngân sách nhà nước Việt Nam và Lào 48,56 tỷ đồng tăng 71,28% so năm 2020 (năm 2020 nộp ngân sách 28,35 tỷ đồng).



PHƯƠNG THỨC TIẾP CẬN VÀ GHI NHẬN Ý KIẾN PHẢN HỒI CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các nội dung phát triển bền vững theo 16 tiêu chí của LHQ (đến năm 2030)



01 - Xóa nghèo - Giảm nghèo

Hành động:

- Ưu tiên tuyển dụng công nhân trong vùng dự án.
- Tạo sinh kế, thu nhập ổn định cho người dân trong vùng.
- Góp phần thay đổi nếp sống từ phụ thuộc vào rừng, trồng những cây công nghiệp ngắn ngày sang làm công nhân cao su.



Kết quả đạt được:

- Năm 2021 Công ty đã tạo việc làm cho 2396 lao động trong đó có 2225 lao động là người Lào. Phát triển hoàn thiện dự án trồng cây ăn quả tại Cư Kpô, Krông Buk, Việt Nam tạo việc làm mới cho 36 lao động làm việc thường xuyên, chưa kể lao động mùa vụ.
- Thu nhập bình quân của người lao động trong năm 2021 là 5,03 triệu đồng/người/tháng, lao động gián tiếp lương bình quân 16,71 triệu đồng/người/tháng, cao hơn so với mặt bằng chung thu nhập của người dân Lào tại thời điểm.



02 - Sức khỏe

Hành động:

- Từng bước cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động.
- Hàng năm tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động.
- Thực hiện đóng các loại BH bắt buộc cho người lao động.
- Không sử dụng các loại hóa chất trong sản xuất, chế biến ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động, người tiêu dùng.



Kết quả đạt được:

- Công ty khuyến khích tất cả người lao động đều tham gia BHXH, bảo hiểm y tế;
- Ngoài BHXH, BHYT Công ty còn mua BHCN cho toàn thể CBCNV có hợp đồng lao động từ 1 năm trở lên;
- Thực hiện tốt an toàn vệ sinh lao động;
- Tất cả công nhân viên được khám sức khỏe định kỳ;
- Chỉ sử dụng những hóa chất trong sản xuất, chế biến được phép của nhà nước và phù hợp với quy định Quốc tế;
- Xây dựng quy trình quản lý, sử dụng hóa chất hợp chuẩn;
- Đầu tư xây dựng nhà ở và kéo điện sinh hoạt cho công nhân khai thác mỏ tại Lào;
- Đầu tư các trạm thu mưa tại các lô cao su để giảm thời gian chờ xe vận chuyển và dùng bơm múc nước lên bồn để vận chuyển về nhà máy tại NT1, 3 – Daklaoruco nhằm đảm bảo an toàn lao động, giảm khối lượng công việc nặng nhọc cho công nhân.



03 - Quan hệ đối tác toàn cầu

Hành động:

- Tăng cường hợp tác với các tổ chức Phi chính phủ, Hiệp hội trong việc xây dựng doanh nghiệp theo hướng phát triển bền vững.



Kết quả đạt được:

- Năm 2021, Daklaoruco tham gia Hiệp hội cao su Lào (LRA);
- DRI tiếp tục tham gia Hiệp hội Cao su Việt Nam (VRA); Công ty nỗ lực mở rộng quan hệ với các Hiệp hội, tổ chức phi chính phủ tại Việt Nam (PanNature; Forestrends; FSC Việt Nam...) cũng như nước bạn Lào để cùng trao đổi, hợp tác trong việc phát triển cộng đồng, bảo vệ môi trường,... hướng tới xây dựng nền tảng sản xuất bền vững.

04 Giáo dục chất lượng

Hành động:

- Tổ chức các khóa đào tạo bồi dưỡng về chuyên môn, quản lý, ... cho CBCNV, phối hợp tổ chức khóa học về phương pháp làm việc với cộng đồng cho 1 số bản trường.

Kết quả đạt được:

- Trong năm 2021 mặc dù ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19 nên một số khóa đào tạo phải hoãn lại hoặc hủy bỏ, hoặc chuyển qua đào tạo online, tuy nhiên trong khoản thời gian phù hợp kết hợp với các biện pháp phòng chống lây nhiễm Công ty tổ chức và cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo cho 3.082 lượt người. Các nội dung đào tạo bao gồm: đánh giá nội bộ Hệ thống quản lý môi trường theo ISO 14001:2015; đào tạo thợ cạo, chuyển đổi hệ thống kế toán, tham dự Hội thảo “Tăng trưởng xanh để ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững”....
- Đối với cộng đồng công ty hỗ trợ tu sửa trường học tại cụm Năm Say Lùm tỉnh Champasak với số tiền 30 triệu đồng;

05 Bình đẳng giới

Hành động:

- Không phân biệt đối xử giữa lao động Nam và Nữ, giữa người lao động người Việt Nam và lao động người Lào, không tuyển dụng và sử dụng lao động là trẻ em.

Kết quả đạt được:

- Tỷ lệ Nam, nữ tham gia HĐQT
 - Nam : 5 người/7 chiếm 71,42%
 - Nữ : 2 người/7 chiếm 28,58%
- Tỷ lệ lao động Nam và Nữ năm 2021
 - Nam : 1.484 người # 61,94%
 - Nữ : 912 người # 38,06%.



06 Nước sạch & vệ sinh

Hành động:

- Tuân thủ các yêu cầu của Pháp luật.
- Sử dụng nguồn nước hiệu quả và có trách nhiệm.
- Nước thải từ chế biến được xử lý đảm bảo đủ điều kiện khi thải ra môi trường.
- Tái sử dụng nước trong chế biến.
- Tại khu vực làm việc đều xây dựng khu vệ sinh riêng đạt chuẩn.

Kết quả đạt được:

- Trong năm 2021 Công ty không bị các cơ quan có thẩm quyền nhắc nhở hay xử phạt về xử lý nước thải hay các vấn đề về ô nhiễm môi trường khác;
- Cải tạo lại hệ thống mương tại dây chuyền mũ nước theo hướng tiết kiệm nước. Tái sử dụng 25% lượng nước trong chế biến ở dây chuyền mũ nước;
- Văn phòng làm việc và các đơn vị đều sử dụng nước máy làm nước sinh hoạt, có khu vệ sinh riêng đạt chuẩn;
- Xây dựng bể tích mũ và bồn tráng thùng tại lò để công nhân khai thác rửa thùng trước khi mang về nhà, tránh tình trạng công nhân mang thùng mũ ra rửa tại sông, suối hay mang về nhà rửa dẫn đến ô nhiễm cục bộ tại địa phương,

PHƯƠNG THỨC TIẾP CẬN VÀ GHI NHẬN Ý KIẾN PHẢN HỒI CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN



Năng lượng sạch & giá hợp lý

Hành động:

- Công ty đang nghiên cứu sử dụng năng lượng tái tạo trong chế biến và sử lý nước thải. Công ty đang nghiên cứu sử dụng năng lượng tái tạo trong chế biến và sử lý nước thải tại Lào (nhưng chính sách của Lào chưa mua điện mặt trời).



Kết quả đạt được:

- Thường xuyên chỉ đạo cải tiến dây chuyền chế biến; sử dụng điện tiết kiệm để giảm tiêu hao điện năng và nhiên liệu;
- Bổ sung một số tôn nhựa sáng trong nhà máy, kho chứa công cụ dụng cụ thay cho tôn kẽm để lấy sáng tự nhiên ban ngày từ đó giảm đáng kể lượng điện thấp sáng hướng đến tiết kiệm năng lượng đồng hành cùng Chính phủ, Công ước Quốc tế về xây dựng nền công nghiệp xanh, thân thiện môi trường.



Tăng trưởng kinh tế & việc làm bền vững

Hành động:

- Nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm.
- Phát triển kinh tế địa phương.
- Bảo vệ quyền lao động; đảm bảo môi trường làm việc an toàn.



Kết quả đạt được:

- Tỷ lệ lao động gián tiếp/tổng lao động 7,18% thuộc nhóm thấp nhất ngành;
- Năng suất mù cao su vườn cây trung bình 1,788 tấn/ha giảm so với các năm trước nhưng vẫn thuộc nhóm năng suất cao trong ngành cao su;
- Tạo việc làm cho 2.396 lao động trong đó 2225 lao động là người Lào với thu nhập bình quân gián tiếp 16,71 triệu đồng/ng/tháng, lao động trực tiếp 5,03 triệu đồng/ng/tháng.
- Hỗ trợ quỹ phòng chống bão lụt của Tỉnh Đắc Lắc 100 triệu đồng, ủng hộ công tác phòng chống Covid của địa phương 170 triệu đồng



Công nghiệp, sáng tạo & hạ tầng

Hành động:

- Ứng dụng công nghệ hiện đại trong sản xuất nhằm sử dụng hiệu quả các nguồn lực.
- Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý.
- Ứng dụng các công cụ quản lý tiên tiến vào sản xuất và kiểm tra chất lượng sản phẩm.



Kết quả đạt được:

- Toàn bộ diện tích trồng chuối và sầu riêng trong cao su được áp dụng hệ thống tưới nhỏ giọt của Israel nên đã sử dụng hiệu quả nguồn nước và phân bón, tiết kiệm nhân công. Thu hoạch quả qua hệ thống ròng rọc, xe cày chuyên dụng để giảm lao động nặng nhọc, bảo đảm chất lượng sản phẩm. Xây dựng hồ xúc rửa đảm bảo tiêu chuẩn.
- Nhà máy chế biến cao su: Trang bị máy dò kim loại tại dây chuyền mù phụ để phát hiện kịp thời kim loại lẫn trong mù, năm 2022 trang bị tiếp máy dò kim loại cho dây chuyền mù nước;
- Từng bước ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý như phần mềm kế toán, phần mềm quản lý cổ đông, phần mềm kiểm phiếu; chuẩn bị hợp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 theo hình thức trực tuyến...;
- Xây dựng kế hoạch đào tạo và sử dụng Công nghệ GIS trong quản lý đất đai;
- Hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 và phòng kiểm phẩm đạt chuẩn ISO/IEC 17025.



Giảm bất bình đẳng

Hành động:

- Không phân biệt đối xử.
- Tạo thu nhập ổn định đặc biệt là vùng nông thôn.
- Góp phần phát triển kinh tế, xã hội địa phương.
- Tôn trọng quyền của người bản địa.



Kết quả đạt được:

- Tỷ lệ lao động giữa Nam và Nữ trong Công ty không chênh lệch nhiều;
- Các vùng Công ty trồng cây cao su đa số là vùng sâu, vùng xa, trước đây người dân chủ yếu sống phụ thuộc vào rừng và cây nông nghiệp ngắn ngày, tập quán canh tác lạc hậu, hiện nay thu nhập bình quân của công nhân trực tiếp khoảng 5,79 triệu đồng/người/tháng, lao động gián tiếp lương bình quân 15,94 triệu đồng/người/tháng và cao hơn so với mặt bằng chung thu nhập của người dân Lào, ngoài ra đây là nguồn thu nhập ổn định vì vậy góp phần nâng cao đời sống nên đã góp phần giảm khoảng chênh lệch giàu nghèo giữa khu vực nông thôn và thành thị
- Trong quá trình triển khai dự án Công ty luôn tôn trọng quyền của người bản địa, trước đây khi khai hoang Công ty luôn tránh phần rừng thiên nhiên, rừng cộng đồng của người dân địa phương, đa số người dân Lào theo đạo Phật, Công ty cũng hỗ trợ kinh phí xây dựng các công trình tôn giáo như chùa, ..



Thành phố, cộng đồng bền vững

Hành động:

- Phát triển nông thôn bền vững.
- Đảm bảo môi trường sống và làm việc an toàn.
- Giảm tác động có hại của môi trường tới con người và vật nuôi, tăng cường quản lý chất lượng không khí và các nguồn chất thải khác.



Kết quả đạt được:

- Tạo sinh kế ổn định thông qua việc tuyển dụng lao động cho người dân trong vùng dự án;.
- Từng bước cải thiện môi trường làm việc, tạo môi trường làm việc an toàn cho người lao động.
- Năm 2019 Công ty đầu tư xây dựng hệ thống nước thải tại Nhà máy chế biến cao su đạt chuẩn, tiến tới xây dựng hệ thống quản lý môi trường được công nhận theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015 vào năm 2021, tuy nhiên do dịch covid nên phải chuyển qua kế hoạch năm 2022;
- Vườn cây cao su góp phần phủ xanh đất trống đồi trọc, cải thiện chất lượng không khí, Cty hướng tới đa dạng sinh học bằng cách trồng thêm cây bản địa, cây rừng tại những vùng đất khép hộc, các vùng rẻo không trồng cao su hoặc những vùng đất xấu trồng cây cao su không hiệu quả, chuyển 450 ha cây điều tại Mường Khoong kém hiệu quả để khoanh nuôi thành rừng tự nhiên cùng sinh cảnh; Hỗ trợ người dân quản lý rừng thiên, rừng đầu nguồn liền kề diện tích cao su của Công ty. Diện tích chuối trồng xen trong cao su đã trả lại đất lượng lớn sinh khối, tạo lớp phủ hữu cơ dày góp phần tăng độ mùn giúp cho đất màu mỡ, chống xói mòn, cây cao su phát triển tốt hơn so với trồng thuần, giảm đáng kể lượng phân bón.



PHƯƠNG THỨC TIẾP CẬN VÀ GHI NHẬN Ý KIẾN PHẢN HỒI CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN



Tiêu dùng & sản xuất có trách nhiệm

Hành động:

- Hướng tới lựa chọn những nhà cung ứng có trách nhiệm;
- Nước thải nhà máy đạt chuẩn trước khi thải ra môi trường;
- Tái sử dụng nguyên vật liệu;
- Phát động phong trào giảm rác thải nhựa, dọn vệ sinh nơi công sở, văn phòng làm việc, trồng cây xanh,...



Kết quả đạt được:

- Thay thế dần pallet gỗ bằng pallet sắt để có thể tái sử dụng nhiều lần nhằm giảm chi phí, giảm sử dụng quá nhiều nguyên vật liệu từ gỗ;
- Các nhóm nguyên vật liệu liên quan đến chế biến sản phẩm của công ty gồm nhóm các vật tư chế biến như dầu diezen, túi nilon PE, thảm PE, mạc PE; các vật tư hóa chất như acid đánh đồng, Bisunfit, HNS, ammoniac, ..và điện nước dùng trong chế biến. Trong các nguyên vật liệu trên đối với loại vật liệu thảm PE công ty tái sử dụng được khoảng 15% đối với sản phẩm sản xuất từ dây chuyền mũ nước và 25% đối với sản phẩm sản xuất từ dây chuyền mũ phụ. Tái sử dụng nước khoảng 25% (dây chuyền mũ nước), từng bước chuyển sang sử dụng những hóa chất ít tác hại đến môi trường, trong năm các hóa chất trong chế biến sử dụng tiết kiệm 31% so với định mức, không sử dụng những hóa chất mà Nhà nước Lào và Quốc tế cấm,
- Năm 2019 Công ty đã đầu tư xây dựng cải tạo hệ thống xử lý nước thải tại nhà máy, nước thải sau chế biến đủ điều kiện để xả thải ra môi trường;
- Khối văn phòng Công ty mẹ và công ty con không sử dụng chai nhựa đựng nước chuyển sang dùng chai thủy tinh, hàng năm tích cực tham gia lễ trồng cây tại Lào, định kỳ toàn bộ CBCNV tham gia dọn dẹp vệ sinh nơi công sở và khu nhà tập thể,...
- Cải tiến quy trình kỹ thuật sản xuất cao su theo Tài liệu hướng dẫn sản xuất cao su bền vững của Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam, phù hợp với thực tế đơn vị và các quy định của Nhà nước Lào, công ước Quốc tế. Hướng đến sản xuất cao su sạch hơn, bền vững, thân thiện với môi trường;
- Hàng năm Công ty đóng góp vào Quỹ phòng chống bão lụt tại Việt Nam với số tiền 100 triệu đồng;



Hành động bảo vệ khí hậu

Hành động:

- Hướng tới được cấp chứng nhận về quản lý rừng cao su bền vững theo tiêu chuẩn chứng chỉ rừng Quốc tế.



Kết quả đạt được:

- Từ năm 2020 Công ty con tại Lào đã thực hiện rà soát toàn bộ diện tích rừng nằm xen kẽ hay liền kề vùng dự án như rừng thiên, rừng đầu nguồn, ... để hướng tới cộng tác cùng với chính quyền địa phương trong việc quản lý rừng, ngoài ra những diện tích đất xấu phát triển cao su không hiệu quả công ty từng bước trồng thêm cây bản địa, để thảm thực vật tự nhiên để từng bước chuyển thành rừng cùng sinh cảnh;
- Từng bước hướng tới sử dụng năng lượng tái tạo, giảm tiêu hao năng lượng, giảm dần sử dụng năng lượng hóa thạch như dầu đốt, ... góp phần giảm phát thải CO2 từ đó giảm hiệu ứng nhà kính góp phần gìn giữ bầu khí quyển chung của trái đất;
- Phấn đấu đến 2025 được cấp chứng nhận quản lý rừng cao su bền vững theo tiêu chuẩn chứng chỉ rừng Quốc tế FSC-FM cho toàn bộ diện tích cao su tại Daklaoruco; FSC-CoC cho Nhà máy Chế biến mũ Daklaoruco và lĩnh vực thương mại của DRI.



Cuộc sống dưới nước

Hành động:

- Quản lý tốt nước thải và sử dụng hóa chất trong nông nghiệp, góp phần bảo vệ đại dương và tài nguyên biển.



Kết quả đạt được:

- Hạn chế và chỉ sử dụng các hóa chất trong sản xuất và chế biến đảm bảo các quy định của nước sở tại, phù hợp với các tiêu chuẩn Quốc tế;
- Năm 2019 Công ty đã đầu tư xây dựng cải tạo hệ thống xử lý nước thải tại nhà máy, nước thải sau chế biến đủ điều kiện để xả thải ra môi trường.
- Phát động phong trào giảm rác thải nhựa tại cơ quan và gia đình CBCNV.



Cuộc sống trên mặt đất

Hành động:

- Bảo vệ tối đa thảm thực vật, thực hiện trồng xen, đa dạng thảm thực vật để chống xói mòn;
- Hướng tới được cấp chứng nhận về quản lý rừng cao su bền vững theo tiêu chuẩn chứng chỉ rừng Quốc tế.



Kết quả đạt được:

- Chuyển đổi những vùng đất kém hiệu quả, đất rêu, khép hộc và vườn điều kém hiệu quả thành rừng nhằm tăng diện tích che phủ trên mặt đất, đa dạng sinh học, chống xói mòn;
- Cải tiến quy trình kỹ thuật sản xuất chế biến cao su theo hướng bền vững, thay phương pháp làm sạch cỏ trên vườn bằng quản lý cỏ, phát cỏ, giảm thiểu sử dụng hóa chất,...nhằm giữ độ ẩm cho đất, chống xói mòn, ngăn chặn suy thoái đất;
- Khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên tại vườn điều kém hiệu quả ở Mường Khoong, ChămPasak, Lào.
- Việc trồng xen chuối và sầu riêng trong vườn cao su đã trả lại một lượng lớn tàn dư thực vật góp phần tăng độ mùn, giữ ẩm tạo môi trường cho vi sinh vật phát triển.



Xã hội hoà bình

Hành động:

- Chống phân biệt đối xử.
- Không sử dụng lao động trẻ em.
- Xây dựng cơ chế giải quyết khiếu nại, tạo đường dây nóng tại Công ty và các đơn vị trực thuộc.
- Tham vấn cộng đồng về các cửa dự án của Công ty có liên quan đến cộng đồng, quan hệ mật thiết, trao đổi thông tin giữa Công ty và các bản trong vùng dự án.



Kết quả đạt được:

- Xây dựng quy chế về sử dụng lao động trong đó quy định rõ không tuyển dụng lao động trẻ em;
- Xây dựng quy chế xử lý khiếu nại, công khai đường dây nóng, thay đổi cách tiếp cận với người lao động và người dân bản địa về phổ biến các chính sách của Công ty;
- Tham gia các buổi họp với các bản trong vùng dự án, định kỳ hàng tháng đều có báo cáo thông tin với các bản trong vùng dự án về tình hình tuyển dụng, sử dụng lao động, thu nhập các chính sách về bảo hiểm, xử lý kỷ luật lao động;
- Xây dựng quy chế về tham vấn cộng đồng, xây dựng kế hoạch về đào tạo Quan hệ cộng đồng cho CBCNV các đơn vị có làm việc trực tiếp với cộng đồng;
- Tuân thủ các quy định của Pháp luật.



VAI TRÒ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CẤP QUẢN LÝ TRONG VIỆC TRIỂN KHAI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA DOANH NGHIỆP

Vai trò và trách nhiệm của HĐQT trong việc hoạch định mục tiêu chiến lược và phát triển bền vững:

- Tháng 7/2018 HĐQT đã ra nghị quyết về phát triển công ty theo hướng PTBV đảm bảo hài hòa lợi ích của các bên liên quan trên cơ sở hài hòa 3 chỉ tiêu: kinh tế - Xã hội- Môi trường.
- Rà soát, đánh giá lại tác động của dự án đến người dân và các bên liên quan;
- Ban hành kế hoạch hành động PTBV cho giai đoạn 2018-2021 & kế hoạch chi tiết cho quý 4 -2018 và năm 2019;
- 30/12/2019 tiếp tục ban hành kế hoạch phát triển bền vững giai đoạn 2, hướng tới được cấp chứng nhận FSC chậm nhất vào năm 2022;
- 29/12/2021 Thống nhất chủ trương lập hồ sơ đấu thầu thuê tư vấn đào tạo, hướng dẫn và lập hồ sơ đề cuối năm 2022 mời FSC đánh giá và cấp chứng nhận FSC-FM cho sản phẩm gỗ, mù của Nông trường 1, FSC-CoC của Nhà máy Chế biến mù Daklaoruco và FSC-CoC thương mại của DRI. Tuy nhiên qua khảo sát đánh giá HĐQT đã quyết định tại cuộc họp ngày 16/3/2022 tập trung xây dựng phương án quản lý rừng bền vững cho Daklaoruco gắn với xây dựng bản đồ số trong năm 2022 và tiến tới hoàn thiện các tiêu chí để cấp chứng chỉ FSC.
- Giám sát việc tổ chức triển khai các kế hoạch phát triển bền vững đã ban hành, thông qua việc đánh giá kết quả thực hiện hàng quý, năm.

Vai trò của Ban điều hành DRI và Daklaoruco trong việc thực thi các nghị quyết của HĐQT về phát triển bền vững:

- Xây dựng kế hoạch hành động chi tiết, dự trù kinh phí và nhân lực để thực hiện trên cơ sở các nghị quyết, chủ trương của HĐQT, ĐHĐCĐ;
- Báo cáo kết quả triển khai và đề xuất các giải pháp thực hiện.

Vai trò của Ban kiểm soát:

Kiểm tra giám sát việc thực thi các nghị quyết của HĐQT về PTBV, việc triển khai của Ban điều hành trên cơ sở tuân thủ pháp luật và các quy định của HĐQT, ĐHĐCĐ.

06 QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích

Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty

Các giao dịch của cổ đông nội bộ



DRI



Số buổi họp của hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp	Tỷ lệ (%)	Lý do
1	Ông Nguyễn Việt Tượng	Chủ tịch HĐQT - TV không điều hành	11	100%	
2	Ông Bùi Quang Ninh	Phó Chủ tịch HĐQT	11	100%	
3	Ông Nguyễn Trần Giang	Thành viên HĐQT	10	90%	Đi học
4	Ông Lê Thanh Cần	Thành viên HĐQT - TV điều hành	11	100%	
5	Bà Nguyễn Kim Hoa	Thành viên HĐQT	11	100%	
6	Bà Nguyễn Thị Hải	Thành viên HĐQT - TV điều hành	11	100%	
7	Ông Nguyễn Minh	Thành viên HĐQT	11	100%	

Các hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị

Năm 2021 dưới tác động dai dẳng của dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp Covid-19 đã tác động không nhỏ đến mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng, các hoạt động kinh tế bị đình trệ, chuỗi cung ứng bị gián đoạn, nguồn lao động bị hạn chế,.. Vườn cây cao su của Công ty nằm tại Nước bạn Lào, trong bối cảnh ảnh hưởng của dịch Covid-19 nước bạn tăng tỷ lệ nhập siêu nên việc duy trì chính sách tỷ giá thấp để hỗ trợ nhập khẩu đã làm tăng lỗ chênh lệch tỷ giá từ đó tác động tiêu cực đến chỉ tiêu lợi nhuận. Năm 2021, 2 Công ty không hoàn thành chỉ tiêu sản lượng do thời gian nghỉ cạo nhiều vì thiếu lao động (NT2,4 phải dừng cạo gần 1 tháng do chủ trương giãn cách xã hội tại tỉnh Salaval, mưa bão nhiều vào tháng 10 là tháng cho sản lượng cao), vườn kinh doanh 9,10 đang ở bản cạo thấp nên sản lượng không cao,.. Sản lượng Chuối quả thu hoạch năm 2021 giảm, chỉ đạt 69,83 %/KH do bệnh đốm lá-sigatoka. Chuối quả thu hoạch phải chuyển sang tiêu thụ trong nước, giảm sản lượng xuất khẩu, vì các nước hạn chế nhập do dịch covid-19 ...

Bên cạnh những điểm tối, những khó khăn chung của nền kinh tế nói chung, hoạt động kinh doanh của DRI ghi nhận kết quả rất tích cực và hoàn thành vượt kế hoạch đề ra. Chỉ tiêu lợi nhuận đạt 184,15%KH trong bối cảnh sản lượng chỉ đạt 95%KH, doanh thu đạt 102,21% KH. Tình hình tài chính liên tục được cải thiện qua các năm với số nợ giảm dần từ đó giảm dần tỷ trọng chi phí lãi vay trong cơ cấu giá thành sản phẩm. Tỷ lệ xuất khẩu mủ cao su đạt 65,53% vượt mức HĐQT giao. Năm 2021 DRI tiếp tục được vinh danh là 1 trong 50 Doanh nghiệp xuất khẩu cao su hàng đầu Việt Nam (xếp thứ hạng 34/50), được Hiệp hội cao su Việt Nam công bố căn cứ theo nguồn số liệu của Tổng cục Hải quan. Trong bối cảnh khó khăn chung, Hội đồng quản trị đã sâu sát trong chỉ đạo, đặc biệt quản lý tốt giá thành sản phẩm, từ đầu năm đã chỉ đạo cắt giảm chi phí một cách hợp lý; đồng thời chỉ đạo tăng cường xuất khẩu mủ cao su khi thời điểm giá tốt; kịp thời tháo gỡ những khó khăn vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi nhất để Ban điều hành tổ chức thực hiện nhiệm vụ của mình theo Điều lệ công ty, nghị quyết của ĐHĐCĐ và của HĐQT.

Các thành viên HĐQT đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, đi cơ sở nắm tình hình và phát huy tốt vai trò của mình, đóng góp những ý kiến thiết thực, sáng tạo để chỉ đạo các hoạt động sản xuất kinh doanh kịp thời và hạn chế những rủi ro, thiệt hại cho Công ty. Trong điều kiện dịch Covid-19 Chủ tịch HĐQT và Tổng giám đốc thường xuyên nắm tình hình và chỉ đạo trực tuyến sang Daklaoruco để kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh.

Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT trực tiếp chỉ đạo và giám sát Ban điều hành thông qua nghị quyết, Điều lệ và thực trạng tình hình SXKD của Công ty. Đối với những vấn đề quan trọng HĐQT luôn trao đổi trước với Ban điều hành trước khi ra quyết định nhằm tạo sự đồng thuận cao đối với các chủ trương chính sách khi thực hiện.

Trong năm 2021, ngoài việc chuẩn bị và tổ chức ĐHĐCĐ thường niên, Hội đồng quản trị đã tổ chức 11 phiên họp trực tiếp và lấy ý kiến bằng văn bản 01 lần để thống nhất nhiều chủ trương, giải pháp nhằm định hướng và chỉ đạo Ban điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh và tổ chức triển khai các chủ trương lớn như: Thống nhất công thức bán hàng cho năm 2021, tăng quy mô tại Công ty TNHH Nông nghiệp CNCĐRI thêm 141,94 ha để trồng chuối và sầu riêng xen trong cao su năm 2022; Đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu phát triển bền vững theo kế hoạch mà HĐQT đã ban hành; chủ 3 trương thay đổi chủ kỳ kinh doanh của Daklaoruco cho phù hợp với thời gian thuê đất 50 năm, đưa ra lộ trình thanh lý phù hợp, tránh bị sụt giảm, sản lượng, doanh thu, lợi nhuận đột ngột...

Tại các buổi họp, HĐQT đều đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết của kỳ trước, những khó khăn cần tháo gỡ, những kết quả đạt được. Đánh giá, giám sát hoạt động của Ban điều hành theo từng quý, trên cơ sở báo cáo kiểm tra của Ban Kiểm soát, HĐQT đã kịp thời chỉ đạo Ban điều hành khắc phục các tồn tại, thiếu sót. Các quyết định của Hội đồng quản trị tại từng thời điểm đều có ý nghĩa định hướng cho hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc ngắn, trung và dài hạn.

Ngoài ra để đảm bảo tính linh hoạt trong điều hành, HĐQT chủ động giao cho Chủ tịch HĐQT và TGD một số quyền thuộc thẩm quyền của HĐQT để điều hành sản xuất kinh doanh và báo cáo HĐQT tại phiên họp gần nhất.



Nghị quyết/Quyết định của HĐQT trong năm 2021

STT	Số nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
01	02	22/02/2021	- Thống nhất ngày chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHCĐ thường niên 2021	7/7/7
02	03	22/03/2021	- Thông qua chương trình, nội dung tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 theo Nghị quyết số 04/NQ-CT ngày 15/4/2021 nêu tại mục I.	7/7/7
03	05	16/04/2021	Lấy ý kiến HĐQT nội dung sau: - Thống nhất bổ sung phân bón cho vườn cao su kinh doanh với định mức bằng 50% kế hoạch phân bón được giao năm 2021; - Thống nhất thanh lý 151,29 ha cao su kém hiệu quả tại Nông trường 1,2 Daklaoruco, thời gian thực hiện trong quý 4/2021 trồng tái canh năm 2022; - Thống nhất bổ sung thêm 02 phó giám đốc tại Daklaoruco gồm 01 phó phụ trách kỹ thuật và 01 phó phụ trách kinh doanh, chế biến từ nguồn nội bộ của Daklaoruco; - Thống nhất điều chỉnh thời gian bảo lãnh cho vay thêm 03 tháng tức là thời hạn vay từ 10/2020 đến 30/9/2021 đối với nguồn bảo lãnh là sổ tiết kiệm 5 tỷ đồng của DRI gửi tại Ngân hàng Agribank Chi nhánh Tân Lập Bắc Đắc La81k để cho phép Cty TNHH Nông nghiệp CNC-DRI vay tối đa 3,3 tỷ đồng bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD.	7/7/7
04	06	28/05/2021	Lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản: thống nhất chọn Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam để kiểm toán BCTC giữa niên độ và năm 2021 tại Công ty DRI và 02 công ty con;	7/7/7
05	07	21/07/2021	- Tình hình sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ sản xuất kinh doanh 6 tháng cuối năm 2021; - Thông qua Quy chế quản lý tài chính và quy chế hoạt động của người đại diện vốn của DRI tại doanh nghiệp khác;	7/7/7
06	08	31/08/2021	Lấy ý kiến HĐQT nội dung sau: - Tạm ứng cổ tức năm 2021 là 300đồng/cổ phiếu; - Thống nhất giới thiệu ông Nguyễn Lương Tri kỹ sư nông nghiệp để HĐQT bổ nhiệm làm giám đốc Công ty TNHH Nông nghiệp CNC-DRI; - Điều chỉnh thời gian bảo lãnh thêm 12 tháng từ ngày 30/9/2021 đến ngày 30/9/2022 đối với nguồn: sổ tiết kiệm 5 tỷ đồng của DRI gửi tại Ngân hàng Agribank chi nhánh Tân lập để cho phép Công ty TNHH Nông nghiệp CNC-DRI vay tối đa 3,3 tỷ đồng bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD;	

STT	Số nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
07	11	10/09/2021	<p>Lấy ý kiến HĐQT nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuyển quỹ đầu tư phát triển từ Daklaoruco về DRI quản lý; - Thống nhất cho Công ty Cổ phần Cao su Daklak (Dakruco) vay 30 tỷ đồng, thời gian vay 24 tháng, lãi suất thả nổi không thấp hơn lãi suất vay của ngân hàng Vietinbank- Chi nhánh Dak Lak; 	
08	12	15/10/2021	<ul style="list-style-type: none"> - Nhiệm vụ sản xuất kinh doanh quý 4/2021; - Cho chủ trương mua sớm hàng hóa phục vụ sản xuất kinh doanh tại Daklaoruco trong bối cảnh giá vật tư, nhiên liệu có xu hướng tăng giá; - Thống nhất về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại DRI theo hướng: <ul style="list-style-type: none"> + Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 50% để thu hút nhà đầu tư nước ngoài; + Trước mắt tạm chấp nhận tỷ lệ SHNN tối đa là 0% do có 1 ngành nghề kinh doanh (khai thác gỗ) hạn chế sự tham gia của NĐTNN, + Sau khi có ý kiến của ĐHĐCĐ về chấp thuận bỏ ngành nghề khai thác gỗ, Ban điều hành sẽ làm văn bản gửi UBCKNN điều chỉnh lại tỷ lệ SHNN tối đa là 50% - Thông qua quy chế công bố thông tin. 	
09	13	02/12/2021	<p>Lấy ý kiến HĐQT về điều chỉnh diện tích cao su thanh lý tại Daklaoruco, thời gian thanh lý trong tháng 12/2021, giá trị thiệt hại sẽ hạch toán trong năm 2021 theo quy định của pháp luật (Thanh lý vườn cao su kinh doanh kém hiệu quả)</p>	
10	14	21/12/2021	<p>Lấy ý kiến HĐQT về gỡ bỏ phong tỏa cổ phiếu DRI của Dakruco tại BSC (cầm cố để vay theo nghị quyết số 11 nêu trên)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Định hướng, giải pháp và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022; - Định hướng công tác bán hàng 2022; - Kế hoạch phát triển bền vững năm 2022 (Làm chứng nhận FSC cho sản phẩm mủ cao su và gỗ của DRI); - Bồi thường thiệt hại của Công ty Bảo Việt đối với vườn cao su tại Daklaoruco do cơn bão số 5 và tái thực hiện hợp đồng bảo hiểm vườn cây cao su tại Daklaoruco năm 2022. 	
11	15	30/12/2021		

BAN KIỂM SOÁT

Các buổi họp của Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp	Tỷ lệ tham dự	Tỷ lệ biểu quyết
1	Ông Nguyễn Thạch Hoàn	Trưởng Ban kiểm soát	4/4	100%	100%
2	Ông Phan Thanh Tân	Thành viên Ban kiểm soát	4/4	100%	100%
3	Ông Nguyễn Văn Thảo	Thành viên Ban kiểm soát	2/2	100%	100%

Hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát đã tuân thủ theo Điều lệ của Công ty, và các quy định của Pháp luật trong việc thực hiện công tác kiểm soát tại công ty. cụ thể:

- Kiểm soát công tác quản lý chỉ đạo điều hành của HĐQT, để thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu ĐHCĐ, ban hành các chủ trương chỉ đạo SXKD thực phạm vi thẩm quyền của HĐQT về SXKD cao su và về triển khai đầu tư dự án chuỗi.
- Kiểm soát quá trình điều hành của Ban TGD công ty con trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao và thực hiện nghị quyết của HĐQT Công ty.
- Kiểm soát công tác tài chính, công tác quản trị chi phí, tiến độ thực hiện kế hoạch tài chính, Kiểm tra kiểm soát công tác kế toán.
- Kiểm soát công tác mua hàng bán hàng, mua sắm TSCĐ, sửa chữa lớn thực hiện tại Công ty con tại Lào.
- Soát xét các các rủi ro chính sách thuế và các quy định pháp luật liên quan đến công tác kế toán Lào kiến nghị từng bước hoàn thiện cơ sở pháp lý và bộ máy để áp dụng phương pháp khấu trừ thuế giá trị gia tăng.
- Giám sát nợ vay, sử dụng vốn vay và an toàn tài chính.
 - Làm việc với kiểm toán độc lập về các nội dung liên quan đến quyết toán tài chính 06 tháng và kết thúc năm.
 - Thẩm định số liệu các báo cáo của HĐQT, Tổng giám đốc, báo cáo tài chính của kiểm toán độc lập trước khi trình ĐHCĐ.



LƯƠNG, THƯỜNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

STT	Thành viên	Chức vụ	Thù lao	Lương ban điều hành	Tổng thu nhập
I	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		330.270.652		330.270.652
1	Ông Nguyễn Viết Tượng	Chủ tịch HĐQT	78.635.870		78.635.870
2	Ông Bùi Quang Ninh	Phó Chủ tịch HĐQT	68.151.087		68.151.087
3	Ông Nguyễn Trần Giang	Thành viên HĐQT	52.423.913		52.423.913
4	Bà Nguyễn Kim Hoa	Thành viên HĐQT	52.423.913		52.423.913
5	Bà Nguyễn Thị Hải	Thành viên HĐQT	26.211.956		26.211.956
6	Ông Nguyễn Minh	Thành viên HĐQT	52.423.913		52.423.913
II	BAN KIỂM SOÁT		152.029.348		152.029.348
1	Nguyễn Thạch Hoàn	Trưởng ban	68.151.088		68.151.088
2	Phan Thanh Tân	Thành viên	41.939.130		41.939.130
3	Nguyễn Văn Thảo	Thành viên	41.939.130		41.939.130
II	BAN ĐIỀU HÀNH			904.320.000	904.320.000
1	Lê Thanh Cần	Tổng Giám đốc		341.527.605	341.527.605
2	Nguyễn Thị Hải	Phó Tổng Giám đốc		300.657.039	300.657.039
3	Lê Thanh Cường	Kế toán trưởng		262.135.356	262.135.356
	TỔNG CỘNG		482.300.000	904.320.000	1.386.620.000



DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HĐQT CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

STT	Họ và tên	Chức vụ	Nội dung đào tạo	Thời gian tham gia
1	Nguyễn Viết Tượng	Chủ tịch HĐQT, TV.HĐQT không điều hành	Chương trình đào tạo quản trị công ty	20-21/09/2018
2	Bùi Quang Ninh	Phó CT.HĐQT, TV.HĐQT	cho các Công ty đại chúng do Trung tâm nghiên cứu khoa học và đào tạo chứng khoán của UBCKNN tổ chức	5-6/10/2017
3	Lê Thanh Cần	TV. HĐQT điều hành/TGD		
4	Nguyễn Kim Hoa	TV.HĐQT		
5	Nguyễn Thị Hải	TV. HĐQT điều hành/Phó TGD/Thư ký Cty		
6	Nguyễn Trần Giang	TV.HĐQT		Chưa học
7	Nguyễn Minh	TV.HĐQT		Chưa học
8	Nguyễn Thạc Hoàn	Trưởng ban KS		Lớp quản trị: 5-6/10/2017.
9	Phan Thanh Tân	TV.BKS		Lớp Kế toán chuyên nghiệp: 6-12/2019
10	Nguyễn Văn Thảo	TV.BKS		Lớp Kế toán chuyên nghiệp: 6-12/2019
11	Lê Thanh Cường	KTT		Lớp quản trị: 5-6/10/2017



CÁC GIAO DỊCH CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	
1	Nguyễn Việt Tượng	CT.HĐQT	200.000	0,27%	100.000	0,136%	Bán
2	Lê Thanh Cần	TV.HĐQT/TGĐ	99.100	0,135%	0		Bán
3	Nguyễn Thạc Hoàn	Trưởng Ban KS	70.000	0,09%	20.000	0,03	Bán
4	Phan Thanh Tân	TV.BKS	136.485	0,19%	0		Bán
5	Phan Thanh Cường	Em trai Phan Thanh Tân - TV.BKS	9.213	0,012%	0		Bán
6	Phan Thanh Thái	Anh trai Phan Thanh Tân - TV.BKS	6.373	0,008%	0		Bán
7	Nguyễn Thị Ái Hương	Em gái bà Nguyễn Kim Hoa - TV.HĐQT	137.500	0,188%	0		Bán
8	Nguyễn Thị Quý	Chị gái bà Nguyễn Thị Hải - TV.HĐQT	30.184	0,04%	84		Bán
9	Nguyễn Thị Hải	TH.HĐQT	350.000	0,48%	240.000	0,33%	Bán



07 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021



DRI



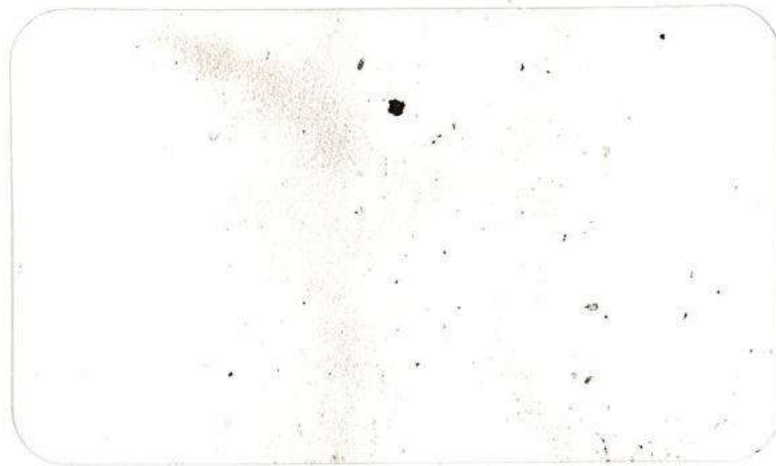


Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International



Accountants &
business advisers



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

**Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**



MỤC LỤC

Trang

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	01 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 38

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk (công ty mẹ), Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao DRI (công ty con) và Công ty TNHH Cao su Đắk Lắk (công ty con) (gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

1. Thông tin chung

Công ty mẹ

Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk ("Công ty mẹ") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6001271719, đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 02 năm 2012 và đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 29 tháng 4 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk	487.500.000.000	66,60
Cổ đông khác	244.500.000.000	33,40
Cộng	732.000.000.000	100,00

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 59 Cao Thắng, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
Điện thoại : (84-0262) 3867676
Fax : (84-0262) 3865303
E-mail : dri@dri.com.vn
Mã số thuế : 6001271719

Cổ phiếu của Công ty mẹ được giao dịch trên sàn giao dịch trên thị trường UPCoM với mã chứng khoán là DRI và ngày giao dịch đầu tiên là ngày 23 tháng 5 năm 2017.

Hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: trồng cây cao su; hoạt động dịch vụ sau thu hoạch; khai thác và thu gom than bùn, sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ; bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; bán buôn cà phê; trồng rừng và chăm sóc rừng lấy gỗ; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; hoạt động tư vấn quản lý; buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng khác; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; buôn bán vải, hàng may sẵn, giày dép; khai thác đá, cát sỏi, đất sét; hoạt động môi giới nông nghiệp, tư vấn bán hàng.

Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Giấy phép thành lập	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH Cao su Đắk Lắk	bản Tha Luông, huyện Păkse, tỉnh Champasak, Lào	111/UBH ngày 6 tháng 12 năm 2004	100%
Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao DRI	59 Cao Thắng, P. Tân An, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Số 6001605111 ngày 01 tháng 3 năm 2018	80,77%

2. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát của Công ty mẹ trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Viết Tượng	Chủ tịch	16 tháng 9 năm 2015
Ông Bùi Quang Ninh	Phó Chủ tịch	24 tháng 10 năm 2012

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Trần Giang	Thành Viên	05 tháng 4 năm 2019
Bà Nguyễn Kim Hoa	Thành Viên	24 tháng 10 năm 2012
Ông Lê Thanh Cần	Thành Viên	15 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Minh	Thành Viên	15 tháng 4 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Hải	Thành viên	15 tháng 4 năm 2017

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Thạc Hoàn	Trưởng ban	24 tháng 10 năm 2012
Ông Phan Thanh Tân	Thành viên	26 tháng 9 năm 2013
Ông Nguyễn Văn Thảo	Thành viên	05 tháng 4 năm 2019

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lê Thanh Cần	Tổng Giám đốc	16 tháng 9 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Hải	Phó Tổng Giám đốc	15 tháng 5 năm 2013

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty mẹ trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Viết Tượng – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Tập đoàn.

6. Công bố trách nhiệm của Hội đồng quản trị đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Hội đồng quản trị phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK
59 Cao Thắng, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Hội đồng quản trị cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

7. Công bố báo cáo tài chính hợp nhất

Hội đồng quản trị công bố Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Thay mặt Hội đồng quản trị,

NGUYỄN VIỆT TƯỢNG
Chủ tịch HĐQT

Đắk Lắk, ngày 11 tháng 03 năm 2022



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International



Accountants &
business advisers

Số: 171/2022/BCKTHN-HCM.00895

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị Và Ban Tổng Giám Đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk ("Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 11 tháng 03 năm 2022, từ trang 05 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



TRANG ĐẮC NHA

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 03 năm 2022

NGUYỄN THỊ THANH MINH

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0068-2018-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: Số 59 Cao Thắng - Phường Tân An - TP. Buôn Ma Thuột - Tỉnh Đắk Lắk

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		194.451.374.830	149.399.427.572
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	81.095.154.177	32.171.593.506
Tiền	111		76.095.154.177	20.171.593.506
Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	12.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		25.142.453.822	48.791.772.665
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	22.102.524.047	40.908.640.309
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	1.196.269.678	7.104.422.915
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	1.778.583.397	778.709.441
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		65.076.700	-
Hàng tồn kho	140		82.728.496.616	66.293.631.879
Hàng tồn kho	141	5.5	82.728.496.616	66.293.631.879
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		5.485.270.215	2.142.429.522
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.414.648.204	2.142.429.522
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		70.622.011	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: Số 59 Cao Thắng - Phường Tân An - TP. Buôn Ma Thuột - Tỉnh Đắk Lắk

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		832.462.128.797	1.057.624.740.959
Các khoản phải thu dài hạn	210		30.000.000.000	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.6	30.000.000.000	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		758.080.746.703	970.142.529.943
Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	752.617.448.850	964.611.465.002
Nguyên giá	222		1.183.572.351.576	1.408.783.450.974
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(430.954.902.726)	(444.171.985.972)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.8	5.463.297.853	5.531.064.941
Nguyên giá	228		6.096.267.238	6.188.676.904
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(632.969.385)	(657.611.963)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		24.961.170.729	63.773.873.757
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	5.9	-	4.559.788.911
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	24.961.170.729	59.214.084.846
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3.000.000.000	3.000.000.000
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.000.000.000	3.000.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		16.420.211.365	20.708.337.259
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	16.420.211.365	20.708.337.259
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.026.913.503.627	1.207.024.168.531

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: Số 59 Cao Thắng - Phường Tân An - TP. Buôn Ma Thuột - Tỉnh Đắk Lắk

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		315.610.558.099	436.252.449.071
Nợ ngắn hạn	310		173.477.214.992	231.822.639.586
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	3.029.375.228	2.507.563.498
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	5.056.271.580	2.388.038.329
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	15.538.056.797	7.656.315.791
Phải trả người lao động	314	5.15	27.937.690.715	29.397.314.529
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	1.337.754.737	2.245.216.502
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	1.058.927.246	885.630.770
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	114.492.908.820	178.655.181.840
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	5.19	5.026.229.869	8.087.378.327
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		142.133.343.107	204.429.809.485
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.18	142.133.343.107	204.429.809.485
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: Số 59 Cao Thắng - Phường Tân An - TP. Buôn Ma Thuột - Tỉnh Đắk Lắk

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
NGUỒN VỐN				
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		711.302.945.528	770.771.719.460
Vốn chủ sở hữu	410	5.20	711.302.945.528	770.771.719.460
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		732.000.000.000	732.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		732.000.000.000	732.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	5.20	(114.693.662.642)	(15.363.018.605)
Quỹ đầu tư phát triển	418	5.20	26.038.219.629	25.703.057.182
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	5.20	62.837.312.665	23.343.264.836
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		739.077.059	(933.918.920)
LNST chưa phân phối năm nay	421b		62.098.235.606	24.277.183.756
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		5.121.075.876	5.088.416.047
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.026.913.503.627	1.207.024.168.531



ĐỖ THỊ NINH
Người lập biểu



LÊ THANH CƯỜNG
Kế toán trưởng



NGUYỄN VIỆT TƯỢNG
Chủ tịch HĐQT

Đắk Lắk, ngày 11 tháng 03 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: Số 30 Nguyễn Chí Thanh - Phường Tân An - TP. Buôn Ma Thuột - Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Mã số	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	116.300.087.679	33.993.505.350
Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	74.930.566.281	74.624.320.876
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	-	-
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	20.683.846.875	4.080.635.290
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	8.671.964.548	(1.366.920.048)
Chi phí lãi vay	06	20.442.873.608	28.403.944.913
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	241.029.338.991	139.735.486.381
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	21.242.854.464	(10.259.311.188)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(11.875.075.826)	(17.426.182.031)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	14.622.034.926	(17.045.414.957)
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	4.288.125.894	3.469.425.506
(Tăng)/ giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(20.440.524.142)	(28.412.480.572)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(23.169.067.491)	(8.474.748.874)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(3.824.144.465)	(3.947.355.882)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	221.873.542.351	57.639.418.382
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(1.561.525.352)	(13.668.421.900)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	666.555.405	-
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(30.000.000.000)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	757.485.000	1.635.669.048
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(30.137.484.947)	(12.032.752.852)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: Số 30 Nguyễn Chí Thanh - Phường Tân An - TP. Buôn Ma Thuột - Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Mã số	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	-
Tiền thu từ đi vay	33	185.823.187.031	251.893.070.561
Tiền trả nợ gốc vay	34	(287.482.588.189)	(292.658.269.852)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(41.606.110.128)	(29.195.872.560)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(143.265.511.286)	(69.961.071.851)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ			
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	32.171.593.506	55.231.618.683
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	453.014.553	1.294.381.144
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	81.095.154.177	32.171.593.506

ĐỖ THỊ NINH
Người lập biểu**LÊ THANH CƯỜNG**
Kế toán trưởng**NGUYỄN VIỆT TƯỢNG**
Chủ tịch HĐQT

Đắk Lắk, ngày 11 tháng 03 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK
59 Cao Thắng, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk (Công ty mẹ) là công ty cổ phần.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn (gồm công ty mẹ và công ty con) kinh doanh trong lĩnh vực trồng cây công nghiệp – chế biến.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Đầu tư phát triển dự án trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến các sản phẩm mủ cao su, gỗ cao su, điều và chuỗi để tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

1.4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tập đoàn không quá 12 tháng.

1.5. Cấu trúc của Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 2 công ty con là:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH cao su Đắk Lắk	Bản Tha Luông, huyện Păkse, tỉnh Chămpasăk, Lào	100%	100%
Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao DRI	59 Cao Thắng, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk	80,77%	80,77%

1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Kỳ kế toán

Năm tài chính của Tập đoàn được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính, thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

59 Cao Thắng, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Tập đoàn áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC. Các thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán, các thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 202/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu thuộc phần vốn chủ sở hữu của bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

4.3. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.4. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong kỳ, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc ngoại tệ lần lượt được quy đổi ra VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán do Ngân hàng thương mại nơi Công ty mẹ và công ty con thường xuyên có giao dịch công bố vào ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.5. Tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.6. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

59 Cao Thắng, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính được xác định theo nguyên tắc sau: Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Khi chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở ở nước ngoài – Công ty con để tổng hợp vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn, tỷ giá sử dụng như sau:

- Đối với tài sản và nợ phải trả (cả khoản mục tiền tệ và phi tiền tệ) của cơ sở ở nước ngoài được quy đổi theo tỷ giá cuối kỳ;
- Các khoản mục về doanh thu, thu nhập khác và chi phí của cơ sở ở nước ngoài được quy đổi theo tỷ giá tại ngày giao dịch. Trường hợp tỷ giá trung bình xấp xỉ tỷ giá thực tế thì tỷ giá trung bình được sử dụng để chuyển đổi các khoản mục doanh thu, thu nhập khác và chi phí của cơ sở ở nước ngoài.
- Tất cả các khoản chênh lệch hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở ở nước ngoài để tổng hợp vào báo cáo tài chính hợp nhất được phân loại như là vốn chủ sở hữu cho đến khi thanh lý khoản đầu tư thuần đó.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2020: 0,4292 LAK/VND
31/12/2021: 0,5180 LAK/VND

4.7. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK
59 Cao Thắng, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời,...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 năm
Máy móc và thiết bị	05 – 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 – 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	06 – 08 năm
Vườn cây lâu năm	Theo sản lượng khai thác

4.10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Tập đoàn nhận chuyển nhượng hợp pháp, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không khấu hao.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

59 Cao Thắng, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Giấy chứng nhận ISO

Giấy chứng nhận ISO bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng hệ thống và được cấp Giấy chứng nhận ISO. Chi phí này được khấu hao trong 10 năm.

4.11. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

4.12. Các khoản nợ phải trả và Chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty mẹ phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

4.14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty mẹ cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

4.16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

59 Cao Thắng, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.17. Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh trong suốt thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

4.18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.20. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK
 59 Cao Thắng, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Các công ty / đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty / đối tượng	Quan hệ
Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc	Công ty mẹ Thành viên chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	8.828.630.747	682.693.513
Tiền gửi ngân hàng	67.266.523.430	19.488.899.993
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	5.000.000.000	12.000.000.000
	81.095.154.177	32.171.593.506

5.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<i>Phải thu các bên liên quan</i>		
Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk	-	399.868.620
Công ty TNHH XNK và Phát triển NN CNC Bình Dương	-	73.848.534
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>		
Weber and Schaer GMBH & Co., KG	3.296.470.464	-
Century Ply Salavan Co., Ltd	215.143.436	-
Ukko Corporation	14.072.148.875	10.451.663.860
R1 International	2.527.780.955	21.372.718.645
Sintex Chemical Corp.	-	3.712.434.575
NC Group Pte. Ltd	-	4.574.627.108
Corrie Maccoll Europe B.V	1.684.660.320	-
Công ty TNHH chuỗi Gia Huy Phát	237.312.597	-
Các khách hàng khác	69.007.400	323.478.967
	22.102.524.047	40.908.640.309

5.3. Trả trước cho người bán

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>		
Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk	-	6.000.000.000
<i>Trả trước cho người bán khác</i>		
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu I Lin	77.220.077	-
Công ty TNHH Xây lắp điện SCE	106.177.606	-
Công ty TNHH MTV Cơ khí BK	40.887.438	-
Công ty TNHH gốm sứ Champa	291.737.452	-
Công ty xây dựng cầu đường Champasak	-	316.396.125
Công ty vận chuyển hàng hóa quốc tế PK	-	201.152.670
SAVONGSY Contruction Co., Ltd.	-	187.804.054

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮC LẮK
 59 Cao Thắng, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Vũ Thị Minh	300.000.000	-
Công ty CP Chứng khoán MB	50.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	330.247.105	399.070.066
	1.196.269.678	7.104.422.915

5.4. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các bên liên quan				
Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk - Lãi tiền vay	721.232.877	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Lãi dự thu của các hợp đồng tiền gửi	53.699.000	-	104.405.000	-
Tạm ứng của nhân viên	266.473.260	-	636.639.440	-
Chi phí vận chuyển	697.900.000	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	39.278.260	-	37.665.001	-
	1.778.583.397	-	778.709.441	-

5.5. Hàng tồn kho

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	17.726.082.598	-	13.294.208.161	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	12.000.000	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	16.727.533.826	-	13.145.411.267	-
Thành phẩm	48.274.880.192	-	39.842.012.451	-
	82.728.496.616	-	66.293.631.879	-

5.6. Phải thu cho vay dài hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Phải thu bên liên quan		
Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk (*)	30.000.000.000	-
	30.000.000.000	-

(*) Cho Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk vay theo hợp đồng số 01/2021/HĐVV ngày 20 tháng 9 năm 2021, với các nội dung cơ bản: số tiền vay 30.000.000.000 VND, lãi suất 10%/năm, thời hạn vay 24 tháng. Tài sản đảm bảo nợ vay là 6.000.000 cổ phiếu DRI do Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk phát hành thuộc sở hữu Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk, đang lưu ký tại Công ty cổ phần chứng khoán Ngân hàng Đầu tư Phát triển Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK
 59 Cao Thắng, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Vườn cây lâu năm VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2021	197.605.989.819	74.094.193.465	37.317.662.690	259.682.649	1.099.505.922.351	1.408.783.450.974
Mua trong năm	-	914.727.413	69.300.000	-	-	984.027.413
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	914.070.457	-	-	-	33.916.341.599	34.830.412.056
Thanh lý	(2.916.215.691)	(3.137.735.205)	(1.265.123.259)	(60.810.811)	(16.429.227.516)	(23.809.112.482)
Chênh lệch tỷ giá (*)	(30.347.311.732)	(12.701.861.737)	(5.643.079.486)	(37.443.882)	(188.486.729.548)	(237.216.426.385)
Tại ngày 31/12/2021	165.256.532.853	59.169.323.936	30.478.759.945	161.427.956	928.506.306.886	1.183.572.351.576
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2021	100.628.600.208	52.841.792.388	27.296.007.114	239.178.739	263.166.407.523	444.171.985.972
Khấu hao trong năm	8.757.215.091	6.113.506.301	2.506.866.901	14.057.136	57.494.256.180	74.885.901.609
Thanh lý	(2.859.841.834)	(3.042.370.411)	(1.265.123.259)	(60.810.811)	(5.548.584.900)	(12.776.731.215)
Chênh lệch tỷ giá (*)	(16.673.983.925)	(9.058.592.981)	(4.444.622.373)	(34.813.072)	(45.114.241.289)	(75.326.253.640)
Tại ngày 31/12/2021	89.851.989.540	46.854.335.297	24.093.128.383	157.611.992	269.997.837.514	430.954.902.726
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2021	96.977.389.611	21.252.401.077	10.021.655.576	20.503.910	836.339.514.828	964.611.465.002
Tại ngày 31/12/2021	75.404.543.313	12.314.988.639	6.385.631.562	3.815.964	658.508.469.372	752.617.448.850

Trong đó, Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Tại ngày 31/12/2021	29.192.282.832	11.380.778.278	9.271.713.595	67.272.203	-	49.912.046.908
---------------------	----------------	----------------	---------------	------------	---	----------------

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách tại ngày 31/12/2021 lần lượt là 1.115.223.229.203 VND và 798.693.999.485 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng Việt Lào và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Lào.

(*) Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi Báo cáo tài chính của Công ty con ở nước ngoài.

5.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Giấy chứng nhận ISO VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2021	5.649.620.520	539.056.384	6.188.676.904
Chênh lệch tỷ giá (*)	-	(92.409.666)	(92.409.666)
Tại ngày 31/12/2021	5.649.620.520	446.646.718	6.096.267.238
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2021	253.319.675	404.292.288	657.611.963
Khấu hao trong năm	-	44.664.672	44.664.672
Chênh lệch tỷ giá (*)	-	(69.307.250)	(69.307.250)
Tại ngày 31/12/2021	253.319.675	379.649.710	632.969.385
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2021	5.396.300.845	134.764.096	5.531.064.941
Tại ngày 31/12/2021	5.396.300.845	66.997.008	5.463.297.853

(*) Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi Báo cáo tài chính của Công ty con ở nước ngoài.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK
 59 Cao Thắng, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.9. Chi phí sản xuất kinh doanh dài hạn

Giá trị đầu tư vườn chuối phân bổ cho 5 vụ thu hoạch, sau vụ thu hoạch đầu tiên.

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Chi phí đầu tư vườn chuối 2018	-	-	2.074.226.818	2.074.226.818
Chi phí đầu tư vườn chuối 2019	-	-	620.601.226	620.601.226
Chi phí đầu tư vườn chuối 2020	-	-	1.864.960.867	1.864.960.867
	-	-	4.559.788.911	4.559.788.911

5.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Chi phí đầu tư vườn sầu riêng	13.921.514.030	7.496.357.678
Vườn cây cao su	9.854.414.719	51.487.976.073
Công trình khác	1.185.241.980	229.751.095
	24.961.170.729	59.214.084.846

5.11. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Công cụ dụng cụ của Trụ sở Công ty mẹ	370.380.218	528.085.437
Tiền thuê đất dự án trồng chuối	2.741.345.612	2.627.508.844
Văn phòng Công ty tại Lào	56.926.865	243.327.994
Nông trường 1	1.945.705.386	2.240.871.158
Nông trường 2	3.016.229.519	3.816.584.851
Nông trường 3	6.217.878.720	8.416.291.726
Nông trường 4	1.787.428.633	2.243.736.470
Xí nghiệp chế biến mủ	284.316.412	591.930.779
	16.420.211.365	20.708.337.259

5.12. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Phải trả các nhà cung cấp khác		
Công ty CP Thương mại in Nông nghiệp	124.614.942	-
Công ty TNHH XD và TM Tâm Thành Phát	-	758.755.045
Xăng dầu Petrovietnam oil Lao Co.Ltd	1.772.397.685	589.524.697
Công ty TNHH MTV Houay Hee	391.818.533	-
Công ty TNHH SX-TM-DV H&K	101.456.659	-
Công ty TNHH gốm sứ Champa	-	-
Công ty TNHH SX TM DV 999	30.000.000	213.000.000
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Đại Thịnh Phát	-	-
Hộ kinh doanh Việt Trung	107.743.061	320.500.061
Hộ kinh doanh Cẩm Châu- Hậu Giang	100.500.000	260.000.000
Các nhà cung cấp khác	400.844.348	365.783.695
	3.029.375.228	2.507.563.498

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK
 59 Cao Thắng, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Trả trước của khách hàng khác		
CNKU Co., Ltd	2.753.771.580	-
Premium Commodities SDN BHD	2.302.500.000	2.187.325.758
Công ty TNHH Tươi Mới	-	200.712.571
	5.056.271.580	2.388.038.329

5.14. Thuế và các khoản phải nộp, (phải thu) Nhà nước

	01/01/2021		Số phát sinh trong năm			31/12/2021	
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	34.437.936	-	2.727.273	(37.165.209)	-	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	19.173.452.911	(19.173.452.911)	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.903.571.699	-	32.111.631.679	(23.169.067.491)	(955.312.344)	14.961.445.554	70.622.011
Thuế thu nhập cá nhân	714.370.892	-	5.031.459.600	(4.212.012.265)	(961.142.248)	572.675.979	-
Tiền thuê đất	-	-	1.100.702.510	(1.958.105.498)	857.402.988	-	-
Các loại thuế khác	3.935.264	-	10.847.216	(10.847.216)	-	3.935.264	-
	7.656.315.791	-	57.430.821.189	(48.560.650.590)	(1.059.051.604)	15.538.056.797	70.622.011

(*) Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi Báo cáo tài chính của Công ty con ở nước ngoài.

Thuế giá trị gia tăng

- Công ty mẹ nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.
- Công ty con chưa đăng ký, kê khai và nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Toàn bộ thuế thuế giá trị gia tăng đầu vào được ghi nhận hết vào giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào hoặc chi phí phát sinh trong kỳ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng đầu ra cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

- Công ty mẹ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.
- Đối với Công ty TNHH Cao su Đắk Lắk, theo Biên bản thỏa thuận ngày 19 tháng 11 năm 2004 về Dự án phát triển cây cao su ở 4 tỉnh nam Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, Công ty con được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp sau 02 năm cạo mủ, sau đó phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%. Các loại cây công nghiệp khác phải nộp thuế theo quy định kể từ ngày có sản phẩm.

Tiền thuê đất

Công ty TNHH Cao su Đắk Lắk phải nộp tiền thuê đất với giá là 6USD/ha/năm. Công ty con được miễn tiền thuê đất trong 07 năm đầu phát triển dự án kể từ ngày ký hợp đồng thuê đất với các bộ phận có liên quan của Chính phủ nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. Năm 2012 là năm đầu tiên Công ty con có nghĩa vụ nộp tiền thuê đất.

Các loại thuế khác

Các Công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK
 59 Cao Thắng, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.15. Phải trả người lao động

Là tiền lương tháng 12 còn phải trả cho người lao động

5.16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Phải trả các tổ chức và cá nhân		
Trích trước chi phí triển khai dự án ở các Nông trường	1.206.835.803	1.910.368.127
Chi phí lãi vay phải trả	26.220.734	23.871.268
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	104.698.200	310.977.107
	1.337.754.737	2.245.216.502

5.17. Các khoản phải trả phải nộp khác

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Phải trả các tổ chức và cá nhân		
Kinh phí công đoàn	28.573.420	155.773.084
Bảo hiểm xã hội	73.229.017	-
Phải trả hộ tiền lãi vay vốn chỉ thun	64.842.198	64.842.198
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	515.928.187	398.038.315
Các khoản thiết kế xây dựng cơ bản	134.459.732	162.278.986
Chi phí sơ chế chuỗi	18.457.915	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	223.436.777	104.698.187
	1.058.927.246	885.630.770

5.18. Vay và nợ thuê tài chính

5.18.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn ngân hàng				
- Ngân hàng Việt Lào (i)	25.680.516.514	25.680.516.514	18.797.207.686	18.797.207.686
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Lào (ii)	32.871.773.787	32.871.773.787	89.582.042.044	89.582.042.044
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tân Lập Bắc Đắk Lắk (iii)	3.198.719.171	3.198.719.171	1.100.000.000	1.100.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk (iv)	5.443.254.807	5.443.254.807	7.048.751.271	7.048.751.271
Vay dài hạn đến hạn trả	47.298.644.541	47.298.644.541	62.127.180.839	62.127.180.839
	114.492.908.820	114.492.908.820	178.655.181.840	178.655.181.840

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

59 Cao Thắng, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

- (i) Ngày 30/07/2019 Công ty ký kết hợp đồng tín dụng hạn mức số 45/HĐ-LVB/2019, hạn mức tín dụng là 40.000.000.000 LAK để bổ sung vốn lưu động, thay thế cho hợp đồng số 37/HĐTD.LVB.CPS ngày 22/05/2018. Thời hạn vay 12 tháng, lãi suất theo mức lãi suất áp dụng của LaoVietBank trong từng thời kỳ, thể hiện trong bản kê rút vốn từng lần cụ thể. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 603 do Phòng quản lý đất đai Champasak cấp ngày 05 tháng 8 năm 2010 và tài sản gắn liền trên đất, Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 291 và 293 do Phòng quản lý đất đai Champasak cấp ngày 31 tháng 3 năm 2009 cùng với tài sản gắn liền trên đất, Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo Giấy phép cấp quyền sử dụng đất Nhà nước số 03/2009 do Cơ quan quản lý đất đai tỉnh Champasak cấp ngày 24/08/2009 và một số tài sản là máy móc thiết bị chế biến mủ theo Biên bản định giá số 93/BBĐG-LVB.CPS ngày 22 tháng 5 năm 2018. Cụ thể như sau:
- Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 50-2014/LVB.CPS ngày 22/05/2014
Phụ lục 01.50: 113ha
Phụ lục 02.50: 372ha
(Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 291 và 293 do Phòng quản lý đất đai Champasak cấp ngày 31 tháng 3 năm 2009 cùng với tài sản gắn liền trên đất)
- Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 51-2014/LVB.CPS ngày 22/05/2014
(Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 603 do Phòng quản lý đất đai Champasak cấp ngày 05 tháng 8 năm 2010 và tài sản gắn liền trên đất)
- Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 52-2014/LVB.CPS ngày 22/05/2014
(một số tài sản là máy móc thiết bị chế biến mủ theo Biên bản định giá số 93/BBĐG-LVB.CPS ngày 22 tháng 5 năm 2018)
- Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 42-2014/LVB.CPS ngày 05/05/2015
(Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo Giấy phép cấp quyền sử dụng đất Nhà nước số 03/2009 do Cơ quan quản lý đất đai tỉnh Champasak cấp ngày 24/08/2009).
- (ii) Khoản vay với hạn mức 50 tỷ LAK tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Lào theo hợp đồng tín dụng số 54/2019/HĐTD-HM/CPS ngày 07 tháng 10 năm 2019 để bổ sung vốn lưu động với lãi suất ban đầu 6% /năm (lãi suất sẽ điều chỉnh định kỳ theo thông báo của Ngân hàng). Thời hạn vay 8 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản là quyền thuê, quyền khai thác trên toàn bộ diện tích và tài sản trên đất tại Nông trường 2 (bao gồm toàn bộ vườn cây cao su, cà phê, hệ thống hạ tầng và các công trình liên quan diện tích 2.123,64 ha), một phần diện tích nông trường 4 (1.878 ha) một phần nông trường 1 (2.192 ha) và một phần nông trường 3 (966 ha).
- (iii) Hợp đồng tín dụng kèm hợp đồng cầm cố Giấy tờ có giá/thẻ tiết kiệm, kèm biên bản định giá số 5220LAV202100 ngày 30/09/2021, hạn mức tín dụng: 3.300.000.000 VND, thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ, lãi suất vay 7%/năm. Mục đích sử dụng để bổ sung vốn lưu động. Tài sản thế chấp là sổ tiết kiệm số 01/2020/HĐTGCS/NHNoTL số tiền 5 tỷ đồng thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk. Dư nợ tại ngày 30/9/2021 của Hợp đồng tín dụng 5220LAV202100276 ngày 15/06/2021 được chuyển sang theo dõi tại Hợp đồng này.
- (iv) Hợp đồng cho vay hạn mức số 21.38.0012/2020-HĐCVHM/NHCT502-CNCDRI ngày 15/06/2021; hạn mức tín dụng: 10.000.000.000 VND; thời hạn vay 9 tháng; lãi suất vay: 6,5%/năm; mục đích sử dụng bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động trồng, sản xuất, kinh doanh chuối. Tài sản thế chấp: thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số 20.38.0012/2020HĐBĐ/NHCT502 ngày 08/06/2020 và văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số 20.38.0056/HĐTC-VBSĐBS01/NHCT502-CNCDRI ngày 10/11/2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK
 59 Cao Thắng, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn:

	Vay ngắn hạn VND	Nợ dài hạn đến hạn trả VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2021	116.528.001.001	62.127.180.839	178.655.181.840
Số tiền vay phát sinh	185.823.187.031	-	185.823.187.031
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	-	47.298.644.541	47.298.644.541
Lỗ chênh lệch tỷ giá	3.642.118.243	1.534.467.027	5.176.585.270
Số tiền vay đã trả	(220.219.742.042)	(53.011.274.008)	(273.231.016.050)
Chênh lệch tỷ giá (*)	(18.579.299.954)	(10.650.373.858)	(29.229.673.812)
Tại ngày 31/12/2021	67.194.264.279	47.298.644.541	114.492.908.820

(*) Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi Báo cáo tài chính của Công ty con ở nước ngoài.

5.18.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn với các bên liên quan				
Vay dài hạn ngân hàng				
- Ngân hàng Việt Lào (i)	3.006.983.986	3.006.983.986	6.041.035.506	6.041.035.506
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Lào (ii)	139.126.359.121	139.126.359.121	198.388.773.979	198.388.773.979
	142.133.343.107	142.133.343.107	204.429.809.485	204.429.809.485

- (i) Ngày 30/7/2019 Công ty ký kết hợp đồng tín dụng số 46/HĐ-LVB/2019, hạn mức tín dụng 729.186 USD với mục đích xây dựng cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý nước lý nước thải nhà máy chế biến mủ cao su Daklaoruco. Thời gian rút vốn 6 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng, thời gian cho vay 5 năm, kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian trả nợ là 5 năm. Lãi suất kể từ ngày giải ngân là 10,5%/năm đối với kỳ đầu tiên, sáu các kỳ tiếp theo áp dụng bằng lãi suất thả nổi, lãi suất được điều chỉnh 6 tháng 1 lần. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tại Điều 9 của hợp đồng 46/HĐ-LVB/2019. Ngoài ra, một số khoản thế chấp bổ sung như sau:

Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 50-2014/LVB.CPS ngày 22/05/2014

Phụ lục 01.50: 113ha

Phụ lục 02.50: 372ha

(Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 291 và 293 do Phòng quản lý đất đai Champasak cấp ngày 31 tháng 3 năm 2009 cùng với tài sản gắn liền trên đất)

Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 51-2014/LVB.CPS ngày 22/05/2014

(Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 603 do Phòng quản lý đất đai Champasak cấp ngày 05 tháng 8 năm 2010 và tài sản gắn liền trên đất)

Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 52-2014/LVB.CPS ngày 22/05/2014

(một số tài sản là máy móc thiết bị chế biến mủ theo Biên bản định giá số 93/BBĐG-LVB.CPS ngày 22 tháng 5 năm 2018)

Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 42-2014/LVB.CPS ngày 05/05/2015

(Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo Giấy phép cấp quyền sử dụng đất Nhà nước số 03/2009 do Cơ quan quản lý đất đai tỉnh Champasak cấp ngày 24/08/2009)..

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

59 Cao Thắng, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

- (ii) Ngày 29 tháng 3 năm 2014, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lào hợp đồng vay dài hạn số 06/HĐTD/2014/KHDN với tổng giá trị 160.000.000.000 LAK, lãi suất 6,5%/năm (vay USD) và 11%/năm (vay LAK) để "trả nợ Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk đã đầu tư vào dự án phát triển cao su, cà phê, điều của Công ty TNHH cao su Đăklắk tại các tỉnh Nam Lào", thời hạn vay 11 năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản là quyền thuê, quyền khai thác trên toàn bộ diện tích và tài sản trên đất tại Nông trường 2 (bao gồm toàn bộ vườn cây cao su, cà phê, hệ thống hạ tầng và các công trình liên quan diện tích 2.123,64 ha), một phần diện tích nông trường 4 (1.878 ha) một phần nông trường 1 (2.192 ha) và một phần nông trường 3 (966 ha).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn:

	VND
Tại ngày 01/01/2021	204.429.809.485
Số tiền vay phát sinh	-
Chênh lệch tỷ giá	34.298.860.499
Số tiền vay đã trả	(14.251.572.139)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(47.298.644.541)
Chênh lệch tỷ giá (*)	(35.045.110.197)
Tại ngày 31/12/2021	<u>142.133.343.107</u>

(*) Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi Báo cáo tài chính của Công ty con ở nước ngoài.

5.18.3 Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

5.19. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tại ngày đầu năm	8.087.378.327	7.976.966.410
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	2.357.884.776	3.841.121.454
Chi quỹ	(3.824.144.465)	(3.013.436.962)
Giảm khác	(494.878.405)	
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi Báo cáo tài chính của Công ty con ở nước ngoài	(1.100.010.364)	(717.272.575)
Tại ngày cuối năm	<u>5.026.229.869</u>	<u>8.087.378.327</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK
 59 Cao Thắng, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.20. Vốn chủ sở hữu

5.20.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quý đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2020	732.000.000.000	37.862.803.327	19.309.582.592	39.942.099.068	829.114.484.987
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	24.277.183.756	24.277.183.756
Phân phối các quỹ	-	-	6.820.977.613	(10.662.099.068)	(3.841.121.455)
Chia cổ tức	-	-	-	(29.280.000.000)	(29.280.000.000)
Lương của Hội đồng quản trị không chuyên trách	-	-	-	(933.918.920)	(933.918.920)
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi Báo cáo tài chính của Công ty con ở nước ngoài	-	(53.225.821.932)	(427.503.023)	-	(53.653.324.955)
Tại ngày 31/12/2020	732.000.000.000	(15.363.018.605)	25.703.057.182	23.343.264.836	765.683.303.413
Tại ngày 01/01/2021	732.000.000.000	(15.363.018.605)	25.703.057.182	23.343.264.836	765.683.303.413
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	84.058.235.606	84.058.235.606
Phân phối các quỹ	-	-	-	(2.357.884.776)	(2.357.884.776)
Lương của Hội đồng quản trị không chuyên trách	-	-	-	(482.303.001)	(482.303.001)
Chi cổ tức trong năm	-	-	-	(19.764.000.000)	(19.764.000.000)
Tạm ứng cổ tức năm 2021 theo Nghị quyết của HĐQT ngày 31/08/2021	-	-	-	(21.960.000.000)	(21.960.000.000)
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi Báo cáo tài chính của Công ty con ở nước ngoài	-	(99.330.644.037)	335.162.447	-	(98.995.481.590)
Tại ngày 31/12/2021	732.000.000.000	(114.693.662.642)	26.038.219.629	62.837.312.665	706.181.869.652

5.20.2 Chi tiết vốn góp của cổ đông

Cổ đông	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk	487.500.000.000	66,60	487.500.000.000	66,60
Các cổ đông khác	244.500.000.000	33,40	244.500.000.000	33,40
	732.000.000.000	100,00	732.000.000.000	100,00

5.20.3 Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	73.200.000	73.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	73.200.000	73.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	73.200.000	73.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK
 59 Cao Thắng, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

	31/12/2021	01/01/2021
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	73.200.000	73.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	73.200.000	73.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

5.20.4 Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông số 04/NQ-CT ngày 15 tháng 4 năm 2021 như sau:

	VND
• Chia cổ tức	19.764.000.000
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.357.884.776
• Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	482.303.001

Ngoài ra, Công ty đã tạm ứng cổ tức năm 2021 theo Nghị quyết của HĐQT ngày 31/08/2021 với số tiền: 21.960.000.000 VND.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

6.1.1 Tổng doanh thu

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu thành phẩm mủ cao su	569.249.358.295	422.679.409.278
Doanh thu bán chuỗi	16.489.954.300	18.721.372.257
	585.739.312.595	441.400.781.535

6.1.2 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giá vốn thành phẩm mủ cao su	341.130.004.344	299.003.300.298
Giá vốn chuỗi	14.070.405.770	16.117.644.001
	355.200.410.114	315.120.944.299

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK
 59 Cao Thắng, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	523.294.000	1.100.517.600
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	5.566.343	10.402.448
Lãi tiền cho vay	721.232.877	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	228.624.657	256.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	17.077.943.189	2.981.275.603
	18.556.661.066	4.348.195.651

6.4. Chi phí tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí lãi vay	20.442.873.608	28.403.944.913
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	29.206.983.231	11.766.277.908
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	20.683.846.875	4.080.635.290
Chi phí tài chính khác	272.099.135	954.638.743
	70.605.802.849	45.205.496.854

6.5. Chi phí bán hàng

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí cho nhân viên	2.034.157.183	2.538.176.545
Chi phí vật liệu, bao bì	4.586.723.677	4.076.378.606
Chi phí đóng pallet	3.223.598.400	3.349.408.022
Chi phí vận chuyển hàng bán	21.720.497.702	17.723.728.233
Chi phí khấu hao tài sản cố định	337.803.450	734.374.842
Chi phí dịch vụ mua ngoài	110.136.219	131.064.536
Các chi phí khác	2.392.152.890	2.313.706.112
	34.405.069.521	30.866.836.896

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí cho nhân viên	10.598.040.197	10.864.767.616
Chi phí vật liệu quản lý	7.910.000	464.936.125
Chi phí đồ dùng văn phòng	564.671.361	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	932.130.993	1.006.759.442
Thuế, phí và lệ phí	13.982.598	16.721.712
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.135.113.041	3.860.413.010
Chi phí bảo hiểm vườn cây	2.995.568.515	1.388.790.502
Các chi phí khác	2.997.257.290	2.414.668.496
	19.244.673.995	20.017.056.903

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK
 59 Cao Thắng, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

6.7. Thu nhập khác

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	160.000.000	-
Tiền bồi thường	2.429.002.651	37.232.000
Thu nhập từ chăm sóc vườn cây cao su	-	684.818.040
Thu nhập từ bán cây giống	-	42.000.751
Khác	94.361.803	16.112.474
	2.683.364.454	780.163.265

6.8. Chi phí khác

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư	10.532.859.726	-
Giá vốn chăm sóc vườn cây cao su	-	657.187.800
Chi phí bán cây giống	-	102.279.873
Thuế bị phạt, bị truy thu	537.718.405	556.685.107
Đánh giá giảm các tài sản tại thời điểm chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp	63.847.216	9.147.369
	11.134.425.347	1.325.300.149

6.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	73.019.222.752	67.978.567.720
Chi phí nhân công	159.477.856.779	177.643.281.705
Chi phí khấu hao tài sản cố định	74.930.566.281	74.624.320.876
Chi phí dịch vụ mua ngoài	93.161.505.746	47.323.853.601
Chi phí khác	16.062.290.027	15.925.844.917
	416.651.441.585	383.495.868.819

6.10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2021	Năm 2020
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	84.058.235.606	24.100.395.491
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	(2.357.884.776)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	84.058.235.606	21.742.510.715
Cổ phiếu phổ thông công ty mẹ đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)(*)	73.200.000	73.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	1.148	297

(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm 2021	Năm 2020
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	73.200.000	73.200.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	73.200.000	73.200.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK
 59 Cao Thắng, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

7.1 Tiền thu từ đi vay

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	185.823.187.031	251.893.070.561
	185.823.187.031	251.893.070.561

7.2 Tiền trả nợ gốc vay

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	287.482.588.189	292.658.269.852
	287.482.588.189	292.658.269.852

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC

8.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các giao dịch phát sinh trong năm giữa Tập đoàn với bên liên quan như sau:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk		
Cổ tức đã trả	13.162.500.000	19.500.000.000
Tạm ứng cổ tức	14.625.000.000	-
Bán cây giống	-	42.000.751
Thu nhập từ chăm sóc vườn cây	-	684.818.040

Số dư phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

	31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk		
Phải thu tiền cho vay	30.000.000.000	-
Phải thu lãi tiền cho vay	721.232.877	-
Phải thu tiền chăm sóc vườn cây	-	399.868.620
Trả trước tiền hàng	-	6.000.000.000
Công ty TNHH XNK và Phát triển NN CNC Bình Dương		
Phải thu tiền hàng	-	73.848.534

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan năm 2021 như sau:

		Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Hội đồng quản trị			
Nguyễn Việt Tượng	Chủ tịch HĐQT	78.635.870	88.635.967
Bùi Quang Ninh	Phó Chủ tịch HĐQT	68.151.087	78.148.772
Nguyễn Trần Giang	Thành viên	52.423.913	62.426.978
Nguyễn Kim Hoa	Thành viên	52.423.913	62.426.978
Nguyễn Minh	Thành viên	52.423.913	62.426.978
Nguyễn Thị Hải	Thành viên	26.211.957	26.208.989

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK
 59 Cao Thắng, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

		Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Ban điều hành			
Lê Thanh Cần	Tổng Giám đốc	341.527.605	399.881.823
Nguyễn Thị Hải	Phó Tổng Giám đốc	300.657.039	363.095.580
Lê Thanh Cường	Kế toán trưởng	262.135.356	259.118.977
Ban kiểm soát			
Nguyễn Thạc Hoàn	Trưởng ban	68.151.087	78.148.772
Phan Thanh Tân	Thành viên	41.939.130	51.939.783
Nguyễn Văn Thảo	Thành viên	41.939.130	51.939.783
		1.386.620.000	1.584.399.381

8.2 Công cụ tài chính

Tập đoàn có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, đầu tư khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Tập đoàn.

Tập đoàn chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Tập đoàn chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Hội đồng quản trị xem xét, thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho các rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Tập đoàn.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Tập đoàn và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Tập đoàn chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

Tập đoàn có rủi ro ngoại tệ do thực hiện mua và bán hàng hóa bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Tập đoàn. Tập đoàn quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Tập đoàn lập kế hoạch mua và bán hàng trong tương lai bằng ngoại tệ.

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND,

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮC LẮK
 59 Cao Thắng, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản. Tỷ giá hối đoái giữa đồng LAK và VND ít biến động.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tập đoàn có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Tập đoàn xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Tập đoàn tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Tập đoàn chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Tập đoàn theo chính sách của Tập đoàn. Rủi ro tín dụng tối đa của Tập đoàn đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Tập đoàn sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Tập đoàn và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Tập đoàn dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2021			
Các khoản vay và nợ	114.492.908.820	142.133.343.107	256.626.251.927
Phải trả người bán	3.029.375.228	-	3.029.375.228
Chi phí phải trả	1.337.754.737	-	1.337.754.737
Phải trả khác	957.124.809	-	957.124.809
	119.817.163.594	142.133.343.107	261.950.506.701
Ngày 01 tháng 01 năm 2021			
Các khoản vay và nợ	178.655.181.840	204.429.809.485	383.084.991.325
Phải trả người bán	2.507.563.498	-	2.507.563.498
Chi phí phải trả	2.245.216.502	-	2.245.216.502
Phải trả khác	834.595.570	-	834.595.570
	184.242.557.410	204.429.809.485	388.672.366.895

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK
 59 Cao Thắng, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Tài sản đảm bảo

Tập đoàn đã cầm cố tài sản cố định hữu hình và tài sản đang đầu tư xây dựng cơ bản dở dang của mình vào các khoản vay (Thuyết minh số 5.7 và 5.10).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 Tập đoàn đã nhận 6.000.000 cổ phiếu DRI do Công CP Đầu tư Cao su Đắk Lắk phát hành thuộc sở hữu Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk, đang lưu ký tại Công ty cổ phần chứng khoán Ngân hàng Đầu tư Phát triển Việt Nam để đảm bảo cho khoản cho vay 30.000.000.000 VND. Giá trị tài sản đảm bảo được định giá là 60.000.000.000 VND (Thuyết minh số 5.6).

iv. Giá trị hợp lý

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	81.095.154.177	32.171.593.506	81.095.154.177	32.171.593.506
Các khoản đầu tư	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
Phải thu khách hàng	22.102.524.047	40.908.640.309	22.102.524.047	40.908.640.309
Các khoản cho vay	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
Các khoản phải thu khác	1.512.110.137	142.070.001	1.512.110.137	142.070.001
	137.709.788.361	76.222.303.816	137.709.788.361	76.222.303.816
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	256.626.251.927	383.084.991.325	256.626.251.927	383.084.991.325
Phải trả người bán	3.029.375.228	2.507.563.498	3.029.375.228	2.507.563.498
Chi phí phải trả	1.337.754.737	2.245.216.502	1.337.754.737	2.245.216.502
Phải trả khác	957.124.809	834.595.570	957.124.809	834.595.570
	261.950.506.701	388.672.366.895	261.950.506.701	388.672.366.895

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020. Tuy nhiên, Ban Tổng giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và nợ phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

8.3 Thông tin về bộ phận

Theo lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn hoạt động trong 02 lĩnh vực kinh doanh:

1. Trồng cây cao su, chế biến mủ cao su tại tỉnh Champasak của Lào.
2. Trồng chuối và bán chuối tươi tại tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam.

Chi tiết doanh thu bán hàng ra bên ngoài theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu mủ cao su	569.249.358.295	422.679.409.278
Doanh thu bán chuối	16.489.954.300	18.721.372.257
	585.739.312.595	441.400.781.535

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK
 59 Cao Thắng, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

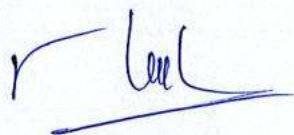
Theo khu vực địa lý

Đối với thành phẩm cao su, Tập đoàn có xuất khẩu trực tiếp nhà máy tại Lào và một phần xuất khẩu tại Việt Nam, doanh thu bán hàng theo từng khu vực của từng loại sản phẩm như sau:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Cao su		
Xuất khẩu từ Việt Nam	407.764.820.793	296.678.569.077
Xuất khẩu từ nhà máy (Lào)	161.484.537.502	126.000.840.201
Chuối		
Bán tại Việt Nam	16.489.954.300	18.721.372.257
Cộng	585.739.312.595	441.400.781.535

8.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.



ĐỖ THỊ NINH
 Người lập



LÊ THANH CƯỜNG
 Kế toán trưởng




NGUYỄN VIỆT TƯỢNG
 Chủ tịch HĐQT

Đắk Lắk, ngày 11 tháng 03 năm 2022



DRI

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

Đắk Lắk, ngày 05 tháng 04 năm 2022
XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Việt Tường